

Phụ lục 1a
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 VÀ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TỈNH QUẢNG NGÃI (mới)
(Nguồn vốn: Ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương)
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /9/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Chủ đầu tư/Đầu mỗi giao kế hoạch	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao											Chủ đầu tư/ Đầu mỗi giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh												Ghi chú	
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025					Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025				Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025					
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó				
			NSTW	NS tỉnh	NS huyện		NSTW	NS tỉnh	NS huyện						NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện		
*	UBND xã Nghĩa Trung (cũ)	8.115	2.628	3.500	1.987	5.171	568	3.500	1.102	0	0	0		20.620	10.273	6.265	4.082	12.529	4.091	6.265	2.173	0	0	0	0		
1	Đầu tư xây dựng hạ tầng thoát nước tuyến đường Tư Nghĩa - Nghĩa Hành (đoạn từ Bưu điện Văn Hóa đến Trạm Y tế đến xã Nghĩa Trung)	569	460		109	0								569	460		109	0									
2	Khu thể thao thôn An Hà 1	987	691		296	10	10							987	691		296	10	10								
3	KCH Kênh N10-4- 2KD	1.064	851		213	723	503		220					1.064	851		213	723	503		220						
4	BTXM tuyến ngõ 2 Hưu – đường sắt	1.083	597		486	26	26							1.083	597		486	26	26								
5	Nhà đa năng trường THCS Nghĩa Trung	4.412	29	3.500	882	4.412	29	3.500	882					4.412	29	3.500	882	4.412	29	3.500	882						
	UBND xã Nghĩa Hòa (cũ)	4.594	2.628	1.000	966	2.011	567	1.000	444	0	0	0										0	0	0			
6	Nâng cấp mặt đường Tuyến Nguyễn Thanh Hồng – Nguyễn Mau	570	456		114	0								570	456		114	0									
7	BTXM tuyến đường từ Trần Phú Hữu – Mai Xuân Niệm	986	787		199	0								986	787		199	0									
8	BTXM + thoát nước tuyến đường từ Kênh N8 đi đồng Năm Sào	1.044	835		209	18	18							1.044	835		209	18	18								
9	Điện chiếu sáng từ ngã ba Đào – Khánh Lạc	630	504		126	630	504		126				630	504		126	630	504		126							
10	Đường trạm Bơm Đồng Cồn đi Huỳnh Thái	1.138		910	228	1.138		910	228				UBND xã Tư Nghĩa	1.138		910	228	1.138		910	228						

TT	Chủ đầu tư/Đầu mỗi giao kế hoạch	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao											Chủ đầu tư/ Đầu mỗi giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh												Ghi chú
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025					Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025					
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			
			NSTW	NS tỉnh	NS huyện		NSTW	NS tỉnh	NS huyện						NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện	
11	Sửa chữa vỉa hè mặt trước Nghĩa tràng liệt sĩ xã Nghĩa Hòa	226	46	90	91	226	46	90	91					226	46	90	91	226	46	90	91					
*	UBND xã Nghĩa Thương (cũ)	5.465	3.336	1.000	1.130	2.655	1.108	920	627	0	0	0									0	0	0			
12	Nâng cấp mặt đường từ ngã tư Lúa đi nhà Nguyễn Trong	721	577		144	0								721	577		144	0								
13	Tuyến đường từ Gò Lúm đi ngã tư Tân Nghĩa	571	457		114	0								571	457		114	0								
14	Tuyến đường Nghĩa Thương đi Nghĩa Phương đoạn từ Gò sạn đến Trần Văn Cường	685	548		137	0								685	548		137	0								
15	KCH Kênh Mương Vong - 1 (kênh Bùng Bình)	872	698		174	405	228		177					872	698		174	405	228		177					
16	Tuyến đường từ kênh N8 đi giáp đường Tân Nghĩa - Gò Bà Trê	1.100	880		220	1.100	880		220					1.100	880		220	1.100	880		220					
17	Tuyến đường từ cầu Bà Tiên đi đập Tân Quang	1.150		920	230	1.150		920	230					1.150		920	230	1.150		920	230					
18	Cải tạo, nâng cấp các nhà văn hóa thôn, xã Nghĩa Thương	366	176	80	110	0								366	176	80	110	0								
19	Vốn bổ sung (đợt 2) cho UBND xã Tư Nghĩa													2.446	1.681	765		2.692	1.847	845						
*	UBND các xã Nghĩa Phương, Nghĩa Hiệp (cũ)	19.730	9.300	5.978	4.452	4.991	1.842	1.950	1.198	15	15	0		17.720	9.300	3.968	4.452	7.306	3.117	2.990	1.198	15	15	0	0	
19	Sửa chữa tuyến đường từ Gò Danh đi Đồng Phần, xã Nghĩa Hiệp	1.023	619	200	205	28	28			0				1.023	619	200	205	28	28			0			0	
20	Sửa chữa Cầu Bà Siêng thôn Năng Xã	834	139	528	167	29	29			0				834	139	528	167	29	29			0				
21	Hệ thống camera an ninh	100	80		20	100	80		20	0				100	80		20	100	80		20	0				
22	Khu thể thao thôn Năng Đông	450	65	250	135	5	5			0				450	65	250	135	5	5			0				

TT	Chủ đầu tư/Đầu mỗi giao kế hoạch	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao										Chủ đầu tư/ Đầu mỗi giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh												Ghi chú
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025				Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025					
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó				
			NSTW	NS tỉnh	NS huyện		NSTW	NS tỉnh						NS huyện	NSTW	NST		NS huyện	NSTW		NST	NS huyện			
23	Sửa chữa tuyến đường từ cầu Cà Lễ đến ngõ nhà Lương Trợ	852	681		170	101	101			0				852	681		170	101	101			0			
24	Đường bê tông từ máy gạo ông Cần đi Mương Vọng	1.071	857		214	137	137			0				1.071	857		214	137	137			0			
25	Cải tạo Nghĩa trang	213	128		85	213	128		85	0				213	128		85	213	128		85	0			
26	Via hè và thoát nước khu trung tâm xã	1.100			660	440	0			0				1.100			660	440	0			0			
27	Nâng cấp Nhà văn hóa xã Nghĩa Hiệp	600			420	180	0			0				600			420	180	0			0			
28	Tôn tạo Di tích 4 Dũng sĩ Nghĩa Hiệp	400			280	120	400		280	120	0			400			280	120	400		280	120	0		
29	Đầu tư xây dựng điểm du lịch cộng đồng	1.150			920	230	0			0				1.150			920	230	0			0			
30	Nâng cấp Khu thể thao xã Nghĩa Hiệp	700			490	210	0			0				700			490	210	0			0			
31	Nâng cấp Nhà văn hóa các thôn, xã Nghĩa Hiệp	800			560	240	0			0				800			560	240	0			0			
32	Nâng cấp, sửa chữa tuyến đường Ngõ Toán - Gò ông Vũ	412	60	270	82	412	60	270	82	0				412	60	270	82	412	60	270	82	0			
33	Nâng cấp, cải tạo trường Tiểu học Đông Hiệp	500			400	100	500		400	100	0			500			400	100	500		400	100	0		
34	Nâng cấp, mở rộng tuyến Huỳnh Văn Bôn - Cầu Móng (đoạn từ Cầu Kênh - Đốc xe lửa)	926	741		185	0				15	15			926	741		185	0				15	15		
35	KCH kênh N16-3-3 - Rộc tế	964	771		193	0				0				964	771		193	0				0			
36	KCH kênh N16-3-3 - 3 KD	292	240		52	0				0				292	240		52	0				0			
37	Nâng cấp, mở rộng công thoát nước Ông Đước	769	615		154	154				154	0			769	615		154	154			154	0			
38	KCH kênh mương N16-8a đoạn cuối	117	94		23	0				0				117	94		23	0				0			
39	KCH kênh N16-3-3 - Bến Ông Đàm	1.094	875		219	0				0				1.094	875		219	0				0			
40	Đường GTNT: Tuyến Cầu Làng- Ngõ Bích	519	461		59	0				0				519	461		59	0				0			

TT	Chủ đầu tư/Đầu mỗi giao kế hoạch	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao										Chủ đầu tư/ Đầu mỗi giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh												Ghi chú	
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025				Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025						
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Ngân sách TW		Ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			
			NSTW	NS tỉnh	NS huyện		NSTW	NS tỉnh	NS huyện						NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST		NS huyện
41	Kênh: Rộc con lương – Ngõ Mỹ - Bàn cờ	1.056	845		211	0				0				1.056	845		211	0			0					
42	Đường trục chính nội đồng: Đập bà Thù - Cầu An Sơn	605	484	0	121	0				0				605	484	0	121	0			0					
43	KCH Kênh Trạm bơm số 04 thôn Năng Tây 2	517	414		103	246	142			103	0			517	414		103	246	142		103	0				
44	Núi Kênh N12-VC4	1.000	800		200	1.000	800			200	0			1.000	800		200	1.000	800		200	0				
45	BTXM đường TCND đồng Cỏ Cò thôn An Đại 1	300	240		60	300	240			60	0			300	240		60	300	240		60	0				
46	Kiên cố hóa kênh Trạm Bơm số 1	625		500	125	625		500	125	0				625		500	125	625		500	125	0				
47	Hệ thống Điện chiếu sáng trên tuyến đường tỉnh ĐT.628, xã Nghĩa Phương (đoạn từ Cổng Bàu Sấu đến Đốc xe lửa)	741	93	500	148	741	93	500	148	0				741	93	500	148	741	93	500	148	0				
48	Điều chỉnh, bổ sung (đợt 2) cho UBND xã Vệ Giang													-2.010		-2.010		2.315	1.275	1.040						
*	UBND xã Nghĩa Thuận (cũ)	5.529	3.336	1.000	1.193	2.185	1.236	384	565					15.472	9.907	2.304	3.261	7.882	3.725	2.304	1.853	0	0	0	0	
48	Bê tông KCH kênh Bm2-KD (đoạn giữa và đoạn cuối	568	461		108	0								568	461		108	0								
49	KCH Kênh N2- VC7-1	610	488		122	0								610	488		122	0								
50	KCH Kênh BM2-1 (Gò Tịnh)	591	473		118	0								591	473		118	0								
51	KCH Kênh BM2-2 (Hóc Mực)	674	539		135	236	101			135				674	539		135	236	101		135					
52	KCH Kênh N2- VC7-2	327	261		65	125	60			65				327	261		65	125	60		65					
53	Bê tông KCH kênh Bm2-3 (Hóc Đập)	670	536		134	670	536			134				670	536		134	670	536		134					
54	Bê tông KCH kênh Hố Tạc-Gò Găng- Trai Hồ	214	172		43	214	172			43				214	172		43	214	172		43					
55	Kiên cố hóa kênh Bm2-5	459	367		92	459	367			92				459	367		92	459	367		92					

TT	Chủ đầu tư/Đầu mỗi giao kế hoạch	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao											Chủ đầu tư/ Đầu mỗi giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh												Ghi chú
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025					Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025					
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			
			NSTW	NS tỉnh	NS huyện		NSTW	NS tỉnh	NS huyện						NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện	
56	Cải tạo, nâng cấp các Nhà văn hóa thôn, xã Nghĩa Thuận	936	39	616	281	0								936	39	616	281	0								
57	Đường giao thông nội đồng Ba Lùm đi Nước Nhi	480		384	96	480		384	96					480		384	96	480		384	96					
*	UBND xã Nghĩa Kỳ (cũ)	5.420	3.336	1.000	1.084	2.855	1.275	1.000	580																	
58	HTXNN Nghĩa Kỳ Đông - HTXNN Nghĩa Kỳ Tây	952	762		190	0								952	762		190	0								
59	NVC16 - BS	1.050	840		210	0								1.050	840		210	0								
60	KCH kênh VC16- 4.1	517	413		103	0								517	413		103	0								
61	KCH kênh VC4-6- 2.1	510	408		102	510	408		102					510	408		102	510	408		102					
62	Nâng cấp mặt đường BTXM tuyến ngõ ông Lê Thành Nguyên đến ngõ Hồ Văn Đoàn	884	708		177	839	662		177					884	708		177	839	662		177					
63	Đình Làng Xuân Phổ - Ngõ Bảy Thằng	900		720	180	900		720	180					900		720	180	900		720	180					
64	Ngõ Tám Trính - Trường học xóm 3 cũ	606	205	280	121	606	205	280	121					606	205	280	121	606	205	280	121					
*	UBND xã Nghĩa Điện (cũ)	5.320	3.336	1.000	984	2.842	1.214	920	708																	
65	KCH kênh N6-3A-2	480	461		19	0								480	461		19	0								
66	KCH kênh N6-3A- KD	1.096	900		196	0								1.096	900		196	0								
67	KCH kênh N8-VC6	376	300		75	376	300		75					376	300		75	376	300		75					
68	KCH kênh N6-5KD	1.132	906		226	432	206		226					1.132	906		226	432	206		226					
69	KCH Kênh N6-7- 1 (tưới đồng Bầu Nhả)	884	708		177	884	708		177					884	708		177	884	708		177					
70	Tuyến đường Hoàng Văn Thụ - tỉnh lộ 624	1.150		920	230	1.150		920	230					1.150		920	230	1.150		920	230					
71	Sửa chữa các nhà văn hoá thôn, xã Nghĩa Điện	202	61	80	61	0								202	61	80	61	0								

TT	Chủ đầu tư/Đầu mỗi giao kế hoạch	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao											Chủ đầu tư/ Đầu mỗi giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh												Ghi chú
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025					Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025					
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			
			NSTW	NS tỉnh	NS huyện		NSTW	NS tỉnh	NS huyện						NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện	
*	Vốn bổ sung (đợt 2) cho UBND xã Nghĩa Giang														-796	-100	-696									
	UBND xã Nghĩa Lâm (cũ)	9.411	2.628	4.478	2.305	4.162	548	2.585	1.029	0	0	0		21.183	9.236	7.353	4.595	11.636	3.053	6.375	2.207	0	0	0	0	
72	Kênh NVC8 - Đồng Trường - Trần Đình Tiếp	325	260		65	0								325	260		65	0								
73	Kênh NVC2-3- Mương 6 ống	650	201	319	130	0								650	201	319	130	0								
74	Kênh tuyến TB thôn 7 - Đồng mới - Thỏ mào (Giai đoạn 1)	848	19	659	170	0								848	19	659	170	0								
75	Đường Cầu Lâm 2 - Trường THCS	1.157	926		231	837	548		289					1.157	926		231	837	548		289					
76	Nâng cấp, sửa chữa Nhà văn hóa thôn 1	759	531		228	0								759	531		228	0								
77	Nâng cấp, sửa chữa Nhà văn hóa thôn 6	682	441		242	0								682	441		242	0								
78	Nâng cấp, cải tạo trường Tiểu học Nghĩa Lâm	1.000		800	200	1.000		800	200					1.000		800	200	1.000		800	200					
79	BTXM Tuyến đường Cầu Lâm 2 - Trường THCS (giai đoạn 2)	400		320	80	400		320	80					400		320	80	400		320	80					
80	Đầu tư, xây mới Nhà văn hóa thôn 7	1.000		700	300	0								1.000		700	300	0								
81	Nâng cấp, sửa chữa Nhà văn hóa xã	413	250	39	124	0								413	250	39	124	0								
82	Nâng cấp, cải tạo Trường Mầm non Nghĩa Lâm	500		400	100	500		400	100					500		400	100	500		400	100					
83	Nâng cấp, cải tạo trường Trung học cơ sở Nghĩa Lâm	225		180	45	225		180	45					225		180	45	225		180	45					
84	Đầu tư biển báo, biển chỉ dẫn, gỡ giảm tốc độ tại các tuyến đường thôn, ngõ xóm	450		360	90	450		360	90					450		360	90	450		360	90					
85	Đầu tư Hệ thống PCCC ở chợ thôn 1	450		315	135	450		315	135					450		315	135	450		315	135					

TT	Chủ đầu tư/Đầu mỗi giao kế hoạch	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao										Chủ đầu tư/ Đầu mỗi giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh												Ghi chú	
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025				Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025						
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Ngân sách TW		Ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			
			NSTW	NS tỉnh	NS huyện		NSTW	NS tỉnh	NS huyện						NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST		NS huyện
86	Tôn tạo Di tích vụ thảm sát thôn 2, xã Nghĩa Lâm	300		210	90	300		210	90				UBND xã Trà Giang	300		210	90	300		210	90					
87	Mua sắm trang thiết bị NVH xã, dụng cụ TDTT ở khu trung tâm xã, ở NVH thôn 7	251		176	75	0								251		176	75	0								
	UBND xã Nghĩa Sơn (cũ)	5.420	3.336	1.000	1.084	2.824	1.275	1.000	549																	
88	Đường BTXM: Tuyến Trung tâm xã đi suối	576	461		115	0								576	461		115	0								
89	Đường BTXM: Tuyến nhà ông Tre đi Đồng Lâm (giai đoạn 1)	1.050	840		210	40	40							1.050	840		210	40	40							
90	Đường BTXM: Tuyến nhà ông Tre đi Đồng Lâm (giai đoạn 2)	1.050	840		210	40	40							1.050	840		210	40	40							
91	Đường BTXM: Tuyến nhà ông Tre đi Đồng Lâm (giai đoạn 3)	609	487		122	609	487		122					609	487		122	609	487		122					
92	BTXM tuyến đường Ông Hồng đến đập 19/5	884	708		177	884	708		177					884	708		177	884	708		177					
93	Kiên cố hóa kênh Đập Đồng Quang phía Tây - 6	900		720	180	900		720	180					900		720	180	900		720	180					
94	Đường BTXM Tuyến Hồ Dứa - Đồng Lâm	350		280	70	350		280	70					350		280	70	350		280	70					
	UBND xã Nghĩa Thắng (cũ)	5.542	3.336	1.000	1.206	2.860	1.231	1.000	629																	
95	Đường thôn: Tuyến Ngõ ông Chức – giáp ngõ bà Lâm (thôn An Cư)	976	781		195	0								976	781		195	0								
96	Đường thôn: Tuyến Ngõ ông Phạm Hiền – giáp cầu Ô Ô (thôn An Tây)	1.460	1.168		292	0								1.460	1.168		292	0								
97	Kênh N2-6-1-1	880	704		176	768	592		176					880	704		176	768	592		176					
98	Nhà văn hóa thôn An Hòa Bắc	976	683		293	843	639		203					976	683		293	843	639		203					

TT	Chủ đầu tư/Đầu mỗi giao kế hoạch	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao										Chủ đầu tư/ Đầu mỗi giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh												Ghi chú	
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025				Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025						
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó					
			NSTW	NS tỉnh	NS huyện		NSTW	NS tỉnh						NS huyện	NSTW	NST		NS huyện	NSTW		NST	NS huyện	NSTW	NST		NS huyện
99	Đường thôn: Tuyến Nghĩa địa Gò Xoài- Suối chai	650		520	130	650		520	130					650		520	130	650		520	130					
100	Kênh N2-6-1-1 nối dài	600		480	120	600		480	120					600		480	120	600		480	120					
101	Vốn bổ sung (đợt 2) cho UBND xã Trà Giang													811	-64	875		1.790		1.790						
*	UBND Xã Hành Tín Tây (cũ)	5.190	3.336	1.500	354	2.775	1.275	1.500	0					15.822	8.592	5.478	1.752	7.422	2.410	4.500	307	0	0	0	0	
101	Tuyến đường BTXM từ ĐH 57- nhà Ông Hòa	322	280	0	42	0								322	280	0	42	0								
102	Tuyến đường BTXM từ Ông Phục - Nguyễn Hậu+ đường ĐH 57	208	181	0	27	0								208	181	0	27	0								
103	Nâng cấp đường BTXM ngã ba Cây gáo- Đồng Vông	396	344	0	52	0								396	344	0	52	0								
104	Nâng cấp đường BTXM từ Bù Tả Chí- Nghĩa địa	414	360	0	54	0								414	360	0	54	0								
105	Xây dựng khu tưởng niệm thảm sát Phú Thọ	378	294	0	84	0								378	294	0	84	0								
106	Hệ thống nước sinh hoạt cho KDC Gò chè Phú khương	60	48	0	12	0								60	48	0	12	0								
107	Nâng cấp đường BTXM vườn Ông Loan - đường núi	322	280	0	42	0								322	280	0	42	0								
108	Nâng cấp đường BTXM từ suối Linh - Đồng vông	316	274	0	41	0								316	274	0	41	0								
109	Nâng cấp kênh mương BTXM từ Nà Chuối - rộc Bà Hùng	360	360	0	0	360	360							360	360	0	0	360	360							
110	KCH kênh mương Ruộng Nà - thôn Phú Thọ	175	175	0	0	175	175							175	175	0	0	175	175							
111	BTXM tuyến đường Ngã ba nhà Ông Trí - khu nghĩa địa vườn đào Tân Phú	280	280	0	0	280	280							280	280	0	0	280	280							

TT	Chủ đầu tư/Đầu mỗi giao kế hoạch	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao											Chủ đầu tư/ Đầu mỗi giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh												Ghi chú
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025				Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025				Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025				Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025				
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			
			NSTW	NS tỉnh	NS huyện		NSTW	NS tỉnh	NS huyện						NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện	
112	KCH kênh mương Đồng Cau - Cửa Ông (Ba dây - Trung Ấch)	360	360	0	0	360	360								360	360	0	0	360	360						
113	Hệ thống nước sinh hoạt cho KDC Gò chè Phú khương (giai đoạn 2)	100	100	0	0	100	100								100	100	0	0	100	100						
114	Nâng cấp bê tông tuyến đường ngã tư nhà văn hoá thôn Long Bình - giáp đường Tân Hoà - Trùng Kè (ĐH52B)	650	0	650	0	650		650							650	0	650	0	650		650					
115	Nâng cấp bê tông tuyến đường giáp ngã ba Cây Gáo - giáp ngã tư đường Tân Hoà - Trùng Kè (ĐH52B)	350	0	350	0	350		350							350	0	350	0	350		350					
116	BTXM tuyến đường nhà Ông Tùng - Nguyễn Đoàn	200	0	200	0	200		200							200	0	200	0	200		200					
117	BTXM tuyến đường Bùi Tá Chí - Nghĩa địa (nối tiếp)	300	0	300	0	300		300							300	0	300	0	300		300					
*	UBND xã Hành Thiện (cũ)	4.882	2.628	1.500	753	2.579	567	1.500	307	0	0	0										0	0			
118	Xây mới nhà văn hoá thôn Ngọc Sơn	918	714	0	204	0									918	714	0	204	0							
119	Kênh Hổ cua Đồng Thùng	777	676	0	101	0									777	676	0	101	0							
120	Kênh mương chính- trụ điện dôi	478	416	0	62	0									478	416	0	62	0							
121	Sửa chữa Chợ Vạn Thới	352	274	0	78	19	19								352	274	0	78	19	19						
122	Kênh Cây Ngủ Ngây - Bầu Sen	630	548	0	82	685	548		82						630	548	0	82	685	548		82				
123	Kênh từ nhà Bà Ngân - Đồng Đồi	690	0	600	90	750		600	90						690	0	600	90	750		600	90				
124	ĐT 624B - Ngã tư Suối Cát	1.035	0	900	135	1.125		900	135						1.035	0	900	135	1.125		900	135				
	UBND xã Hành Tín Đông (cũ)	5.751	2.628	2.478	645	2.067	567	1.500	0	0	0	0									0	0	0	0		
125	Cao Thanh Thông- Trùng quen	907	590	130	187	0									907	590	130	187	0							

TT	Chủ đầu tư/Đầu mỗi giao kế hoạch	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao											Chủ đầu tư/ Đầu mỗi giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh												Ghi chú
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025				Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025				Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025				Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025				
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			
			NSTW	NS tỉnh	NS huyện		NSTW	NS tỉnh	NS huyện						NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện	
126	Nâng cấp nhà văn hóa thôn Khánh Giang	270	67	143	60	0								270	67	143	60	0								
127	Nâng cấp nhà văn hóa thôn Nhơn Lộc 2	270	67	143	60	0								270	67	143	60	0								
128	Xây dựng mặt bằng khu chăn nuôi tập trung thôn Trường Lệ	255	58	122	75	0								255	58	122	75	0								
129	Đập Đá- Đất Sét	193	54	114	25	0								193	54	114	25	0								
130	Ngô Văn Hân- Trần Hiếu	635	237	326	72	0								635	237	326	72	0								
131	Bùi công tuyền - phạm Văn Sáu	443	371	0	72	0								443	371	0	72	0								
132	Nguyễn Pháp- Đỗ Đình Trọng	460	400	0	60	0								460	400	0	60	0								
133	Bà Trang- Cây Sơn- Cánh Bướm	258	224	0	34	8	8							258	224	0	34	8	8							
134	Bắc Suối Chí - Trần Hiếu	80	80	0	0	80	80							80	80	0	0	80	80							
135	Nâng cấp sửa chữa nhà làm việc UBND xã	480	480	0	0	480	480							480	480	0	0	480	480							
136	BTXM GTNT tuyến Công chào văn hóa thôn Đồng Giũa - thôn Nhơn Lộc 2	444	0	444	0	444		444						444	0	444	0	444		444						
137	BTXM GTNT tuyến ông Danh - TL 624C	216	0	216	0	216		216						216	0	216	0	216		216						
138	Kênh Trạm bơm số 1 Đông Tín - TL 624C	637	0	637	0	637		637						637	0	637	0	637		637						
139	Nâng cấp, sửa chữa sân vận động xã	203	0	203	0	203		203						203	0	203	0	203		203						
*	UBND xã Hành Trung (cũ)	5.340	3.336	1.500	504	2.775	1.275	1.500	0	0	0	0		14.660	5.964	7.478	1.218	9.094	1.842	6.500	78	0	0	0	0	
140	Đường GTNT tuyến ĐH 54 - Ngô Hường giáp ĐH 54	530	461	0	69	0								530	461	0	69	0								
141	Tường rào cổng ngõ ,sân nhà văn hóa thôn Hiệp Phổ Nam	360	280	0	80	0								360	280	0	80	0								

TT	Chủ đầu tư/Đầu mỗi giao kế hoạch	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao											Chủ đầu tư/ Đầu mỗi giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh												Ghi chú
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025				Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025				Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025				Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025				
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			
			NSTW	NS tỉnh	NS huyện		NSTW	NS tỉnh	NS huyện						NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện	
142	Tường rào cổng ngõ ,sân vận động xã Hành Trung	678	527	0	151	0								678	527	0	151	0								
143	Đường GTNT tuyến Tỉnh lộ 628- Nguyễn Thanh	690	600	0	90	0								690	600	0	90	0								
144	Đường GTNT tuyến ĐH 54 - Bờ sông Hiệp Phố	874	760	0	114	567	567							874	760	0	114	567	567							
145	Đường GTNT tuyến Võ Sĩ Ấn - Đi Gò Ông	240	240	0	0	240	240							240	240	0	0	240	240							
146	Đường GTNT tuyến Trần Văn Thạch - Võ Khô	250	250	0	0	250	250							250	250	0	0	250	250							
147	Đường GTNT tuyến Nguyễn Be - Lương Công Nghĩa;	218	218	0	0	218	218							218	218	0	0	218	218							
148	Đường GTNT Tuyến Nguyễn Mạnh Đình - Nguyễn Lưu.	470	0	470	0	470		470						470	0	470	0	470		470						
149	Đường GTNT Tuyến Nguyễn Trờ - Nguyễn Văn Tôn	600	0	600	0	600		600						600	0	600	0	600		600						
150	Công viên Hiệp Phố Trung;	430	0	430	0	430		430						430	0	430	0	430		430						
*	UBND xã Hành Thuận (cũ)	9.321	2.628	5.978	715	6.319	567	5.000	78	0	0	0									0	0	0			
151	Quán Trần Trúc - Ngõ Tạ Khả	619	173	366	81									619	173	366	81									
152	Ngõ Hồ Tu - Lê Thị Trinh	171	48	101	22									171	48	101	22									
153	Ngã tư Chợ Đại An - Cổng Sáu Đức	98	27	58	13									98	27	58	13									
154	Ngã tư Chợ Đại An - Lê Thanh Tùng (chợ Đại An - Đào Văn Thái)	97	27	57	13									97	27	57	13									
155	Cầu Xuân An - Ngõ Nguyễn Tuỳ	455	127	269	59									455	127	269	59									
156	Tỉnh lộ 624 - Lưu Văn Tĩnh	213	59	126	28									213	59	126	28									
157	Phạm Ngọc Thanh- Phạm Lực	552	480	0	72									552	480	0	72									
158	Cầu kênh-Cầu Sa	603	525	0	79									603	525	0	79									

TT	Chủ đầu tư/Đầu mỗi giao kế hoạch	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao											Chủ đầu tư/ Đầu mỗi giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh												Ghi chú	
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025					Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025						
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó				
			NSTW	NS tỉnh	NS huyện		NSTW	NS tỉnh	NS huyện						NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện		
159	Tuyến kênh N10-2-3	736	640	0	96	45	45								736	640	0	96	45	45							
160	Ông Đước-Trần Quang	601	523	0	78	653	523		78						601	523	0	78	653	523		78					
161	Tỉnh lộ 624-Nhà văn hóa Phúc Minh	116		116	0	168		116							116		116	0	168		116						
162	Chợ Đại An -Lê Thanh Tùng (Đào Văn Thái-Lê Thanh Tùng)	479		479	0	491		479							479		479	0	491		479						
163	Nguyễn Văn Trà-Hồ Đăng	384		384	0	432		384							384		384	0	432		384						
164	Quán Trần Trúc - Ngõ Tạ Khả (Đoạn Hà Văn Khanh-Tạ Khả)	116		116	0	154		116							116		116	0	154		116						
165	Tỉnh lộ 624-Cổng Ông Phụ	495		495	0	507		495							495		495	0	507		495						
166	Hệ thống gờ giảm tốc ở các thôn	240		240	0	290		240							240		240	0	290		240						
167	Kênh N8-1B nối dài	832		832	0	856		832							832		832	0	856		832						
168	Nâng cấp sân nền và nhà văn hóa thôn Phúc Minh	385		300	86	344		300							385		300	86	344		300						
169	Nâng cấp sân nền và nhà văn hóa thôn Đại Xuân	396		308	88	391		308							396		308	88	391		308						
170	Nâng cấp nhà văn hóa xã	700		700	0	743		700							700		700	0	743		700						
171	Nâng cấp chợ Hành Thuận	220		220	0	320		220							220		220	0	320		220						
172	Nâng cấp tường rào, sân nền Sân vận động xã	810		810	0	926		810							810		810	0	926		810						
*	UBND xã Hành Dũng (cũ)	5.657	3.336	1.500	821	2.208	1.275	1.500	0	0	0	0			15.321	8.592	4.500	2.229	6.342	2.409	4.500	0	0	0	0	0	
173	KCH kênh mương đập Kim Thành	530	461	0	69										530	461	0	69									
174	Bùi Tân Chắp - Gò cây Kén (nối tiếp)	460	400	0	60										460	400	0	60									
175	Trần Bình (An Phước) - Huỳnh Tấn Minh(An Tân) (nối tiếp)	488	424	0	64										488	424	0	64									
176	Tuyến Đường Võ Văn Thân - Trần Đức Ân (Nối dài)	772	671	0	101										772	671	0	101									

TT	Chủ đầu tư/Đầu mỗi giao kế hoạch	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao											Chủ đầu tư/ Đầu mỗi giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh												Ghi chú
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025				Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025				Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025				Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025				
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			
			NSTW	NS tỉnh	NS huyện		NSTW	NS tỉnh	NS huyện						NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện	
177	Nâng cấp tuyến đường Cổng Ô Ô - Đập Tài	773	672	0	101		567							773	672	0	101		567							
178	Xây mới Nhà văn hóa thôn An Tân	910	708	0	202	708	708							910	708	0	202	708	708							
179	Tuyến Ngã ba chợ phiên - Đồng Gia	1.104	0	960	144	960		960						1.104	0	960	144	960		960						
180	Trần Bình (An Phước) - Huỳnh Tấn Minh(An Tân) (nói tiếp) đợt 2	193	0	168	25	168		168						193	0	168	25	168		168						
181	Ngã Ba Ông Điện - Sông Đồn Bảo	276	0	240	36	240		240						276	0	240	36	240		240						
182	Phạm Tấn Linh - Vũ Thanh Lâm	152	0	132	20	132		132						152	0	132	20	132		132						
	UBND xã Hành Nhân (cũ)	4.854	2.628	1.500	726	2.067	567	1.500	0	0	0	0														
183	Trần Hải - DH55 (rẫy ông Toai)	242	210	0	32									242	210	0	32									
184	DH55 - Nguyễn Bảy	288	251	0	38									288	251	0	38									
185	Huỳnh Thị Yến - Nguyễn Thị Tuyết	690	600	0	90									690	600	0	90									
186	Lê Huệ - Giáp đường nội đồng	156	136	0	20									156	136	0	20									
187	Ô. Nguyễn Đăng Nam - Nguyễn Đăng Dân	156	136	0	20									156	136	0	20									
188	KCH nương Tế Điện 2	552	480	0	72									552	480	0	72									
189	Nhà văn hóa thôn Đồng Vinh	1.044	815	0	229	567	567	0	0					1.044	815	0	229	567	567	0	0					
190	KCH nương Cửa Truong - Cổng Bà Ngải	955	0	830	125	830	0	830						955	0	830	125	830	0	830						
191	Bê tông vườn ông Trà - Gò Tranh - Mương Bông	771	0	670	101	670	0	670						771	0	670	101	670	0	670						
*	UBND xã Hành Minh (cũ)	4.810	2.628	1.500	682	2.067	567	1.500	0																	
192	Nâng cấp sửa chữa sân nền, tường rào cổng ngõ nhà văn hóa thôn Long Bàn Nam	593	461	0	132									593	461	0	132									

TT	Chủ đầu tư/Đầu mỗi giao kế hoạch	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao											Chủ đầu tư/ Đầu mỗi giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh												Ghi chú
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025							
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	Tổng số		Trong đó			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó					
			NSTW	NS tỉnh	NS huyện		NSTW	NS tỉnh						NS huyện	NSTW	NST		NS huyện	NSTW		NST	NS huyện				
193	Nâng cấp, sửa chữa tuyến Cầu Khế - ngõ Ô. Trần Khanh - Thổ Lũy	621	540	0	81									621	540	0	81									
194	Nâng cấp, sửa chữa tuyến ngã 4 Ô Dư - Ngõ Hữu An	207	180	0	27									207	180	0	27									
195	Làm mới cầu Ông Hải - Tỉnh Phú Bắc	920	800	0	120									920	800	0	120									
196	Nâng cấp, sửa chữa Tuyến Ô. Vĩ - Ngõ Ô. Hy	230	200	0	30	120	120							230	200	0	30	120	120							
197	Đường BTXM tuyến ngõ Lê Phú - Từ Bông - Chế Mùng	515	447	0	67	447	447							515	447	0	67	447	447							
198	Làm mới cầu Cây Sanh - Long Bàn nam	828	0	720	108	780		780						828	0	720	108	780		780						
199	Nâng cấp, sửa chữa tuyến ĐT (ngã 3 Ô. Viên) - Gia Trại	897	0	780	117	720		720						897	0	780	117	720		720						
*	UBND xã Hành Thịnh (cũ)	5.872	2.628	2.478	766	2.067	567	1.500	0	0	0	0		16.728	8.592	5.478	2.657	6.910	2.410	4.500	0	0	0	0	0	
200	Tuyến Châu Me - Châu Mỹ nối dài	778	677	0	101	107	107							778	677	0	101	107	107							
201	Tuyến Đồng Xuân - Châu Mỹ(giai đoạn 1)	840	730	0	110	860	460	400						840	730	0	110	860	460	400						
202	Tuyến chùa An Ba Kênh S18	313	88	185	41	560	0	560						313	88	185	41	560	0	560						
203	Tuyến Lê Viết Muộn - Trần Đức Cường	166	46	98	22	540	0	540						166	46	98	22	540	0	540						
204	Tuyến Ngõ Đồng - Cầu Hẹn	221	61	131	29									221	61	131	29									
205	Tuyến Nguyễn Thị Cánh - Trần Thị Đào	169	147	0	22									169	147	0	22									
206	Tuyến bà Trần Thị Tấn - Nguyễn Văn Siêng	665	185	393	87									665	185	393	87									
207	Kênh S18T1 (Nguyễn Văn Dương) - Kênh Chính nam	290	81	171	38									290	81	171	38									

TT	Chủ đầu tư/Đầu mỗi giao kế hoạch	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao											Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh													Ghi chú	
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025				Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025			Chủ đầu tư/ Đầu mỗi giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025				Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025					
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó				
			NSTW	NS tỉnh	NS huyện		NSTW	NS tỉnh	NS huyện						NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện		
208	Tuyến Bà Xuyên (kênh S18 T1) Kênh Chính Nam	176	153	0	23										176	153	0	23									
209	Đường GTNT Tuyến Ngã Ba Huỳnh Hoài Toán - Kênh S18	989	460	400	129										989	460	400	129									
210	Đường GTNT Đồ Toàn- Rẽ Nờ (giai đoạn 1)	644	0	560	84										644	0	560	84									
211	Đường GTNT tuyến Đồng Xuân- Chảy Mỹ (nối dài)	621	0	540	81										621	0	540	81									
*	UBND xã Hành Đức (cũ)	5.737	3.336	1.500	902	2.775	1.275	1.500	0																		
212	BTXM tuyển ngô ông Thanh - 4 Tỷ - Đội 10 (BTXM tuyển ngô ông Thanh - Di tích nghĩa lũng)	530	461	0	69										530	461	0	69									
213	Xây dựng công chào xã	1.028	799	0	228										1.028	799	0	228									
214	BTXM tuyển Ngõ Ô Tý - Đập Ô Không	837	728	0	109										837	728	0	109									
215	Kênh N12-3- Kcuối (BS)	736	640	0	96	567	567	0	0						736	640	0	96	567	567	0	0					
216	BTXM tuyển Ngõ 2 Long - Ngõ 2 Thành (gd2)	184	160	0	24	160	160	0							184	160	0	24	160	160	0						
217	BTXM tuyển ông Lô - Ô Phước - Gò bà Kim	630	548	0	82	548	548	0							630	548	0	82	548	548	0						
218	Nâng cấp BTXM tuyển Xóm Bầu đi Gò Gai (Giai đoạn 1)	575	0	500	75	500	0	500							575	0	500	75	500	0	500						
219	BTXM tuyển đội 10 Kỳ Thọ Bắc	575	0	500	75	500	0	500							575	0	500	75	500	0	500						
220	Tường rào công ngõ Nhà văn hoá xã	643	0	500	143	500	0	500							643	0	500	143	500	0	500						
*	UBND xã Hành Phước (cũ)	5.118	2.628	1.500	990	2.067	567	1.500	0	0	0	0															
221	Bê tông xi măng Vô Đức Giang - Trịnh Thị Anh	530	461	0	69										530	461	0	69									

TT	Chủ đầu tư/Đầu mỗi giao kế hoạch	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao											Chủ đầu tư/ Đầu mỗi giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh												Ghi chú	
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025				Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025				Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025				Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025					
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó				
			NSTW	NS tỉnh	NS huyện		NSTW	NS tỉnh	NS huyện						NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện		
222	Nâng cấp Hội trường thành nhà văn hóa xã	900	700	0	200										900	700	0	200									
223	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Sáu Lợi - Lê Văn Bốn, thôn Đề An	640	497	0	142	497	497	0							640	497	0	142	497	497	0						
224	Sửa chữa sân UBND xã Hành Phước	1.105	780	0	325										1.105	780	0	325									
225	Kênh N16 - ông Năm Mai	219	190	0	29	70	70	0	0						219	190	0	29	70	70	0	0					
226	KCH kênh Hóc Ngây - Bờ Đá ông Dung	943	0	820	123	820	0	820							943	0	820	123	820	0	820						
227	Kênh 16-7 - Vườn Dinh	782	0	680	102	680	0	680							782	0	680	102	680	0	680						
*	UBND xã Sơn Kỳ, Sơn Ba (cũ)	11.196	3.687	6.390	1.120										11.196	3.687	6.390	1.120									
253	Đường Làng Rút - Làng Rê	1.200	1.080		120										1.200	1.080		120									
254	Nhà văn hóa thôn Làng Rê	848	763		85										848	763		85									
255	Trường Mầm non Sơn Kỳ và Trường Tiểu học Sơn Kỳ	6.100		5.490	610										6.100		5.490	610									
256	Đường BTXM nội đồng Bờ La ra cánh đồng Gò De, thôn Làng Trắng	1.000		900	100										1.000		900	100									
257	Đường BTXM từ nhà bà Đình Thị Rênh đến nhà ông Tréo thôn Di Hoảng	556	500		56										556	500		56									
258	Đường BTXM Làng Ranh - Di Ôi (từ nhà ông Bộ đến nhà ông Khút)	667	600		67										667	600		67									
259	Đường BTXM Làng Bung - Xóm Dơi - Kà Khu (từ nhà văn hóa Làng Bung đến nhà ông Hun)	826	743		83										826	743		83									
*	UBND xã Sơn Bao và Sơn Thương	4.096	3.687	0	410										4.096	3.687	0	410									
260	Đường giao thông Mang Nà - Nước Bao	1.200	1.080		120										1.200	1.080		120									

TT	Chủ đầu tư/Đầu mỗi giao kế hoạch	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao											Chủ đầu tư/ Đầu mỗi giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh												Ghi chú
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025					Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025					
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			
			NSTW	NS tỉnh	NS huyện		NSTW	NS tỉnh	NS huyện						NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện	
261	Đường giao thông Làng chúc (nối tiếp)	848	763		85								UBND xã Sơn Hà	848	763		85									
262	Đường BTXM ngã ba Gò Đa đi Làng Trang	1.111	1.000		111									1.111	1.000		111									
263	Đường BTXM tỉnh lộ 623 đi xóm Làng Mía	937	843		94									937	843		94									
*	UBND xã Hương Trà (cũ)	2.028	1.843	0	184								UBND xã Tây Trà Bồng	4.055	3.687	0	369	0	0	0	0	0	0	0	0	0
264	Thủy lợi Suối Doanh 2, thôn Trà Linh	990	900		90									990	900		90									
265	BTXM tuyến đường Nguyễn Thị Xuân - Hồ Văn Viên (Tổ 3, thôn Cà Đam)	1.038	943		94									1.038	943		94									
*	UBND Xã Trà Tây (cũ)	2.028	1.843	0	184	0	0	0	0	0	0	0														
266	Nước sinh hoạt Ta Áng tổ 2, thôn Tây	990	900		90									990	900		90									
267	BTXM tuyến nhà Ông Đông - Ông Hùng (tổ 7 thôn Tre)	1.038	943		94								1.038	943		94										
*	UBND xã Sơn Trà (cũ)	2.028	1.843	0	184								UBND xã Tây Trà	5.954	5.530	0	424									
268	Thủy lợi Sà Pao - Nà Hồng	1.100	1.000		100									1.100	1.000		100									
269	Hệ thống NSH tổ 1, thôn Hà	928	843		84									928	843		84									
*	UBND Xã Trà Xinh (cũ)	2.028	1.843	0	184																					
270	Hệ thống nước sinh hoạt đội 2,3 thôn Trà Veo	1.100	1.000		100									1.100	1.000		100									
271	Nâng cấp, sửa chữa hệ thống nước sinh hoạt thôn Trà Veo	928	843		84								928	843		84										
*	UBND xã Trà Phong (cũ)	1.899	1.843	0	55																					
272	Kê Nước So	1.899	1.843		55								1.899	1.843		55										
*	UBND xã Bình Nguyên (cũ)												55.205	13.849	41.356	0	22.544	3.544	19.000	0	0	0	0	0	0	

TT	Chủ đầu tư/Đầu mỗi giao kế hoạch	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao											Chủ đầu tư/ Đầu mỗi giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh												Ghi chú
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025					Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025				Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025				
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			
			NSTW	NS tỉnh	NS huyện		NSTW	NS tỉnh	NS huyện						NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện	
273	BTXM tuyến ADB3 đến đường xóm 9 thôn Nam Bình 2	461		461		0								461		461		0								
274	BTXM tuyến nhà Phạm Mạnh đến đường sắt thôn Phước Bình	400	400			0								400	400			0								
275	BTXM tuyến từ nhà Trần Văn Ảnh đến Hóc Thái	400	400			0								400	400			0								
276	KCH kênh B3-16-4	400		400		0								400		400		0								
277	KCH Kênh B3-16- 2 nối dài	328	328			108	108							328	328			108	108							
278	Kênh Bầu Lát	360	360			140	140							360	360			140	140							
279	KCH kênh Đồng Truong kéo dài đến cây Bàng	578	461	117		0								578	461	117		0								
280	Kiên cố hóa kênh Vũng Tràm	360	360			0								360	360			0								
281	Nhà hiệu bộ trưởng THCS Bình Nguyên	2.560		2.560		2.560		2.560						2.560		2.560		2.560		2.560						
282	Trường Tiểu học số 1 Bình Nguyên	2.070	320	1.750		2.070	320	1.750						2.070	320	1.750		2.070	320	1.750						
283	Hệ thống PCCC chợ nước mặn	1.190		1.190		1.190		1.190						1.190		1.190		1.190		1.190						
*	UBND xã Bình Dương (cũ)	8.628	2.628	6.000		567	567	0																		
284	BTXM tuyến đường từ Trường THCS Bình Dương đến nhà Phan Thanh Hóa	147		147		0								147		147		0								
285	BTXM tuyến đường từ xóm 4B - Xóm Đập	887	392	495		392	392							887	392	495		392	392							
286	Xây dựng hệ thống mương nước và BTXM tuyến đường từ nhà ông Phạm Nhân đến nhà văn hóa thôn Mỹ Huệ 3	400		400		0								400		400		0								

TT	Chủ đầu tư/Đầu mỗi giao kế hoạch	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao											Chủ đầu tư/ Đầu mỗi giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh												Ghi chú	
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025					Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025				Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025					
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó				
			NSTW	NS tỉnh	NS huyện		NSTW	NS tỉnh	NS huyện						NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện		
287	Xây dựng hệ thống mương nước và BTXM tuyến đường từ Cầu Đông Yên 3 - đến nhà ông Phạm Văn Hiệp	674	461	213		0								674	461	213		0									
288	Đường BTXM tuyến đường xóm 2 - Cây Gao	863	368	495		8	8							863	368	495		8	8								
289	Kiên cố hóa tuyến kênh từ Ruộng Dưa đến Ao Nhon	368		368		0								368		368		0									
290	Tuyến kênh B3-16- 7a N4 Vịnh	360		360		0								360		360		0									
291	Xây dựng hệ thống mương thoát nước từ nhà Huỳnh Tấn Anh – nhà ông Nguyễn Sâm	916	340	576		0								916	340	576		0									
292	Khu thể thao xã; Hạng mục: Nhà thi đấu đa năng	2.460	900	1.560		0								2.460	900	1.560		0									
293	Nâng cấp khu thể thao xóm 9 - thôn Đông Yên 2 xã Bình Dương	349		349		0								349		349		0									
294	Xây dựng Trường Mầm non Bình Dương; Hạng mục: 02 tầng, 4 phòng	1.205	168	1.037		168	168							1.205	168	1.037		168	168								
*	UBND xã Bình Trung (cũ)	6.106	2.628	3.478		3.067	567	2.500																			
295	Quán bà Võ Thị Nga đường bê tông đi Tây 5	880	441	439		217	217							880	441	439		217	217								
296	Công trình: Sửa chữa nâng cấp tuyến đường xã Trung Minh - Ngõ Út Lực đi Nông Chuông (Từ Km1.114 - Km 3.114)	2.050	950	1.100		1.100	350	750						2.050	950	1.100		1.100	350	750							
297	Đường nội đồng tuyến Chối Dao - đập Cây Găng	480		480		480		480						480		480		480		480							

TT	Chủ đầu tư/Đầu mỗi giao kế hoạch	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao											Chủ đầu tư/ Đầu mỗi giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh												Ghi chú
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025					Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025					
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			
			NSTW	NS tỉnh	NS huyện		NSTW	NS tỉnh	NS huyện						NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện	
298	Đường giao thông nông thôn, tuyến Trung Khương đi Chí Thành	466	277	189		0									466	277	189		0							
299	Công trình: Khu thể thao xã; Hạng mục: Nhà thi đấu đa năng	2.231	961	1.270		1.270		1.270							2.231	961	1.270		1.270		1.270					
*	UBND xã Bình Chánh (cũ)	21.108	708	20.400		6.708	708	6.000																		
300	Tuyến nhà ông Hồng Kiều Văn đi ông Suyền	770		770		0									770		770		0							
301	Tuyến nhà ông Kiều Công Định đi nhà ông Trần Văn Trương	700		700		0									700		700		0							
302	Tuyến đường từ nhà ông Nguyễn Hậu đi KDC Trung Minh	453		453		0									453		453		0							
303	Nâng cấp tuyến đường từ ngã tư núi Sơn đi đến trường Mầm non Sao Mai (cũ)	420		420		0									420		420		0							
304	Nâng cấp tuyến đường trước nhà ông Hồ Tân đi đến trước nhà ông Huỳnh Vương	588		588		0									588		588		0							
305	Tuyến từ Quốc L1A đi Quảng Trường	250		250		0									250		250		0							
306	Tuyến đường từ KDC Bầu Mang đi giáp tuyến đường Tri Bình - Dung Quất	350		350		0									350		350		0							
307	Tuyến đường từ trường Mầm Non Sao Mai (Cũ) đi đến kênh lớn	500		500		0									500		500		0							
308	Tuyến đường Khu dân cư Hàm Rồng	225		225		0									225		225		0							
309	Nhà văn hóa thôn Quang Trung	600		600		0									600		600		0							
310	Nhà văn hóa thôn Bình An Nội	600		600		0									600		600		0							

TT	Chủ đầu tư/Đầu mỗi giao kế hoạch	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao									Chủ đầu tư/ Đầu mỗi giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh												Ghi chú	
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025						
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Ngân sách TW		Ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó				
			NSTW	NS tỉnh	NS huyện		NSTW	NS tỉnh						NS huyện	NSTW	NST		NS huyện	NSTW		NST	NS huyện			
311	Nhà văn hóa thôn Đông Bình	600		600		0								600		600		0							
312	KCH tuyến kênh từ suối Mến đến Kênh Lớn	640		640		0								640		640		0							
313	KCH tuyến kênh nhà Ông Văn đi đám Bà Linh	800		800		0								800		800		0							
314	KCH tuyến kênh nhà Bà Phương đi đê ngăn mặn	800		800		0								800		800		0							
315	Kiên cố hóa tuyến kênh điểm đầu Khu dân cư Bàu Mang đến điểm cuối đám ruộng ông Hồ Văn Hồng	2.104		2.104		0								2.104		2.104		0							
316	Xây dựng trường Mầm non Sao Mai; Hạng mục:: Phòng đa năng và phòng tin học	1.280		1.280		1.280		1.280						1.280		1.280		1.280		1.280					
317	Trường TH Bình Chánh; hạng mục: Khởi hành chính quản trị 2 tầng và các hạng mục phụ trợ	3.048	708	2.340		3.048	708	2.340						3.048	708	2.340		3.048	708	2.340					
318	Trường THCS Bình Chánh; Hạng mục: Nhà thi đấu đa năng, sân nền và tường rào công nghệ	4.000		4.000		0								4.000		4.000		0							
319	Xây dựng chợ Cù Lao	2.380		2.380		2.380		2.380						2.380		2.380		2.380		2.380					
*	UBND xã Bình Long (cũ)	7.628	2.628	5.000		5.567	567	5.000																	
320	Tuyến kênh từ Ngõ Tám Kiểu đến Đồng Đội 9	461	461			0								461	461			0							
321	Nhà Phạm Bảo - Nhà văn hóa thôn Long Xuân	781	781			131	131							781	781		131	131							
322	Nhà hiệu bộ trường Tiểu học Bình Long (cụm B)	640	640			90	90							640	640		90	90							
323	Trường THCS Bình Long	3.560		3.560		3.560		3.560						3.560		3.560		3.560		3.560					

TT	Chủ đầu tư/Đầu mỗi giao kế hoạch	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao											Chủ đầu tư/ Đầu mỗi giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh												Ghi chú	
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025				Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025				Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025				Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025					
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó				
			NSTW	NS tỉnh	NS huyện		NSTW	NS tỉnh	NS huyện						NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện		
324	Trường Tiểu học Bình Long (Cụm A)	1.627	187	1.440		1.627	187	1.440						1.627	187	1.440		1.627	187	1.440							
325	Nhà văn hóa thôn Long Hội	560	560			160	160							560	560			160	160								
*	UBND xã Bình Thanh (cũ)	2.628	2.628	0		567	567	0																			
326	Đường thôn tuyến Tây An đến Toàn An đến giáp tuyến đường số 3 Dung Quất Chu Lai (đoạn từ nhà ông Châu Ngọc Thành đến giáp tuyến đường số 3 Dung Quất Chu Lai)	461	461			0								461	461			0									
327	Trường THCS Bình Thanh; Hạng mục: Sân nền	480	480			0								480	480			0									
328	Trường Tiểu học số 1 Bình Thanh (thôn Phước Thành)	1.387	1.387			567	567							1.387	1.387			567	567								
329	Nhà văn hóa và thi đấu đa năng xã	300	300			0								300	300			0									
*	UBND xã Tịnh Châu (cũ)	10.882	2.622	5.995	2.266	666	561	0	105	0	0	0		34.947	12.442	12.973	9.532	2.456	2.138	0	319	0	0	0	0	0	
330	Tuyển Trương Cảnh - Động Thành	998	461	358	179	0								982	447	356	179	0									
331	Tuyển Đồng Núi Sinh- Gò Thành	660	0	540	120	0								525	0	405	120	0									
332	Tuyển ĐH530 - Giáp BTXM Nguyễn Đắc Phong, Tịnh Thiện- Gò Lím	690	0	564	126	0								1.070	380	564	126	0									
333	Tuyển Bãi Hào - Góc Sộp	789	0	648	141	0								627	0	486	141	0									
334	Tuyển Đặng Đình Nhon - Phụng Văn	587	0	480	107	0								467	0	360	107	0									
335	Tuyển Phạm Ngọc Tuấn - Đỗ Văn Mạnh	265	216	0	49	56	51		5					258	210	0	49	56	51		5						
336	Tuyển ĐH 521- Giáp BTXM Chùa Sơn Châu, Đồng Phú Sinh	441	360	0	81	441	360		81					430	349	0	81	441	360		81						
337	BTXM đi Lẻ Thủy- Bờ Sông Sứ - Kênh chìm	401	0	330	71	0								319	0	248	71	0									

TT	Chủ đầu tư/Đầu mỗi giao kế hoạch	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao											Chủ đầu tư/ Đầu mỗi giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh												Ghi chú
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025					Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025				Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025				
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			
			NSTW	NS tỉnh	NS huyện		NSTW	NS tỉnh	NS huyện						NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện	
338	Tuyến ĐH521 - Gò Bỏ	548	386	0	162	0								537	374	0	162	0								
339	Mương thoát nước Ngã tư Kim Lộc - Cổng Cồn	1.345	0	1.104	241	0								1.345	0	1.104	241	0								
340	Mương thoát nước Nguyễn Quyền - Nguyễn Hòa	405	330	0	74	88	80		7					394	320	0	74	88	80		7					
341	Cầu Đồng Đội 8	397	320	0	77	82	70		12					387	310	0	77	82	70		12					
342	Mương thoát nước ĐH530 - Phùng Chương	706	549	0	157	0								690	533	0	157	0								
343	Nâng cấp tường rào, xây dựng mới Khán đài Sân vận động xã	1.727	0	1.260	467	0								1.727	0	1.260	467	0								
344	Đầu tư lắp đặt các dụng cụ TĐTT ngoài trời ở điểm công cộng (Khu vực Cầu Sắt, điểm sinh hoạt Phú Mỹ, điểm sinh hoạt Sa kiều, điểm sinh hoạt Lê Thùv...)	434	0	310	124	0								434	0	310	124	0								
345	Sân Giáo dục thể chất Trường Tiểu học, THCS Trần Quý Hai Tịnh Châu	489	0	400	89	0								409	0	320	89	0								
*	UBND xã Tịnh Khê (cũ)	10.101	2.547	6.684	870	557	487	0	70	0	0	0								0	0	0				
346	BTXM các tuyến đường trên địa bàn thôn Cổ Lũy, Mỹ Lại xã Tịnh Khê	878	0	722	156	0								658	0	502	156	0								
347	BTXM các tuyến đường trên địa bàn thôn Trường Định, Tư Cung xã Tịnh Khê	880	461	262	157	0								786	447	182	157	0								
348	BTXM tuyến đường nội đồng từ đường bê tông Khê Bình đến Kênh B8- 17 và tuyến Ruộng Quảng Khê Định thôn Trường Định	704	575	0	129	0								687	558	0	129	0								

TT	Chủ đầu tư/Đầu mỗi giao kế hoạch	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao											Chủ đầu tư/ Đầu mỗi giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh												Ghi chú
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025				Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025				Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025				Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025				
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			
			NSTW	NS tỉnh	NS huyện		NSTW	NS tỉnh	NS huyện						NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện	
349	BTXM các tuyến đường trên địa bàn xóm Khê Tân thôn Cồ Lũy	468	382	0	86	0								456	371	0	86	0								
350	BTXM các tuyến đường trên địa bàn xóm Khê Thuận thôn Tư Cung	476	389	0	87	153	146		7					465	377	0	87	153	146		7					
351	BTXM các tuyến đường trên địa bàn xóm Khê Hội thôn Cồ Lũy	293	239	0	54	293	239		54					286	232	0	54	293	239		54					
352	Sửa chữa nâng cấp Chợ Tịnh Khê	703	502	0	201	111	102		9					688	487	0	201	111	102		9					
353	Bê tông mương tưới B8-17-1 tuyến Khê Thuận-Khê Hòa	2.000	0	2.000	0	0								139	0	139	0	0								
354	Xây dựng Trạm Bơm Cánh đồng Hóc (Khê Bình, Khê Định, Khê Trung)	3.000	0	3.000	0	0								2.085	0	2.085	0	0								
355	Xây dựng Trạm Bơm Cánh đồng Hóc Khê Thượng	0	0	0	0	0								0	0	0	0	0								
356	Xây dựng xưởng sơ chế, chế biến sản phẩm dừa xiêm lùn da xanh Tịnh Khê	700	0	700	0	0								487	0	487	0	0								
*	UBND Xã Tịnh Long (cũ)	4.161	2.588	0	1.573	566	527	0	39	0	0	0									0	0				
357	Đầu tư Vườn hoa, sân tập, thiết bị TDTT Khu dân cư thôn Gia Hòa	1.160	711	0	449	235	196		39					1.139	690	0	449	235	196		39					
358	Lát vỉa hè, boocduya, thoát nước trực đường chính của xã (Đoạn từ Trạm Y tế xã đến Trường Trần Văn Trà)	1.054	646	0	409	0								1.035	627	0	409	0								

TT	Chủ đầu tư/Đầu mỗi giao kế hoạch	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao											Chủ đầu tư/ Đầu mỗi giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh												Ghi chú			
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025				Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025				Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025				Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025							
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó						
			NSTW	NS tỉnh	NS huyện		NSTW	NS tỉnh	NS huyện						NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện				
359	Lát vỉa hè, boocđuya, thoát nước trục đường chính của xã (Đoạn KDC đi dõn dân Đồng Bến Sứ)	963	609	0	354	159	159							945	591	0	354	159	159										
360	Lát vỉa hè, boocđuya, thoát nước tuyến nhánh 1 đường nội bộ KDC đi dõn dân Đồng Bến Sứ	984	622	0	362	172	172							965	603	0	362	172	172										
*	UBND xã Tịnh Kỳ (cũ)	12.589	2.606	5.995	3.988	598	546	0	52	0	0	0	UBND xã Tịnh Khê								0	0	0						
361	Nâng cấp tuyến đường BTXM trên địa bàn thôn An Kỳ. Tuyến 1: Nhà Ông Phạm Nuôi đến nhà bà Quá. Hạng mục: Mặt đường Tuyến 2: Tuyến Nhà Bà Sau đến nhà ông Lý Hối, Hạng mục: Mặt đường	720	0	512	208	0								564	0	356	208	0											
362	Nâng cấp tuyến đường BTXM tuyến nhà ông Võ Sáo đi ra biển, thôn An Kỳ, Hạng mục: Mặt đường + thoát nước	622	0	440	182	0								487	0	306	182	0											
363	Nâng cấp tuyến đường BTXM trên địa bàn thôn An Vĩnh. Tuyến 1: từ Nhà ông Nguyễn Tấn Thống đi ra Biển, Hạng mục: Mặt đường Tuyến 2: Nhà ông Kỳ đến nhà ông Kiêm, Hạng mục: Mặt đường+thoát nước.	511	0	360	151	0								401	0	250	151	0											

TT	Chủ đầu tư/Đầu mỗi giao kế hoạch	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao											Chủ đầu tư/ Đầu mỗi giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh												Ghi chú
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025				Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025				Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025				Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025				
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			
			NSTW	NS tỉnh	NS huyện		NSTW	NS tỉnh	NS huyện						NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện	
364	Nâng cấp đường BTXM và Hệ thống thoát nước tuyến đường Nhà ông Phạm Thám đi cây xăng dầu thôn An Vinh (Đoạn Nhà bà Bùi Thị Thuyền đến nhà ông Nguyễn Thu)	624	0	440	184	0								489	0	306	184	0								
365	Nâng cấp các tuyến đường BTXM từ Ngã ba UBND xã đến nhà ông Dương Văn Lắm, hạng mục: Mặt đường	993	0	704	289	0								779	0	489	289	0								
366	BTXM các tuyến đường trên địa bàn thôn Kỳ Xuyên. Tuyến 1: Tuyến đường từ Nhà ông Phan Thanh Hải đến nhà ông Sang, hạng mục: Mặt đường + Thoát nước. Tuyến 2: tuyến đường từ nhà ông Võ Thuận đến nhà ông Dương Thanh Nhân, Hạng mục: Nền + Mặt đường	1.124	461	331	332	0								1.010	447	230	332	0								
367	BTXM tuyến đường từ nhà ông Trần Quốc Duy đi nhà ông Nguyễn Danh, Hạng mục: Nền + Mặt đường	441	0	312	129	0								346	0	217	129	0								
368	Nâng cấp tuyến đường từ nhà ông Đàng đi ra Biển, hạng mục: Mặt đường + thoát nước	315	257	0	58	0								307	249	0	58	0								
369	BTXM tuyến nhà ông Phụng đi ra Biển, hạng mục: Nền + Mặt đường	105	86	0	19	0								103	83	0	19	0								

TT	Chủ đầu tư/Đầu mỗi giao kế hoạch	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao											Chủ đầu tư/ Đầu mỗi giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh												Ghi chú
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025					Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025					
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			
			NSTW	NS tỉnh	NS huyện		NSTW	NS tỉnh	NS huyện						NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện	
370	Nâng cấp tuyến đường từ nhà Ông Dương Văn Thọ đến nhà ông Dương Văn Liên, hạng mục: Mặt đường	306	250	0	56	0								299	243	0	56	0								
371	Nâng cấp tuyến đường BTXM từ nhà bà Liên ra biển	196	160	0	36	196	160		36					191	155	0	36	196	160		36					
372	Xây dựng tường rào, cổng ngõ, sân nền nhà văn hóa xã	1.446	0	840	606	0								1.190	0	584	606	0								
373	Cải tạo khuôn viên nhà văn hóa thôn An Kỳ Hạng mục: Tường rào + Cổng ngõ, xây mới nhà vệ sinh + nhà kho	794	0	455	339	0								656	0	316	339	0								
374	Đầu tư lắp đặt thiết bị thể dục thể thao ngoài trời các nhà văn hóa thôn	980	0	560	420	0								809	0	389	420	0								
375	Nâng cấp sân nền trường Mầm non (cơ sở 1) Hạng mục: Sửa chữa phòng học; tường rào; sân nền; hệ thống thoát nước	795	0	560	235	0								624	0	389	235	0								
376	Trường Tiểu học Tịnh Kỳ (Phần mở rộng) Hạng mục: Xây dựng Tường rào, sân nền.	971	793	0	178	402	386		16					948	769	0	178	402	386		16					
377	Tường rào, cổng ngõ Trạm Y tế xã hạng mục: Tường rào, cổng ngõ, sân nền + thoát nước	676	0	480	196	0								530	0	334	196	0								
378	Xây dựng khu công viên cây xanh	970	600	0	370	0								944	574	0	370	0								
*	UBND xã Tịnh Thiên (cũ)	2.913	2.078	0	835	70	17	0	53																	
379	BTXM tuyến nhà Võ Đình Linh đi Nguyễn Văn Lợi	722	590	0	132	11			11					704	572	0	132	11			11					

TT	Chủ đầu tư/Đầu mỗi giao kế hoạch	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao										Chủ đầu tư/ Đầu mỗi giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh												Ghi chú		
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025				Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025							
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Ngân sách TW		Ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó				
			NSTW	NS tỉnh	NS huyện		NSTW	NS tỉnh	NS huyện						NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST		NS huyện	
380	BTXM tuyến nhà Trương Mễ đi Phạm Hùng	385	314	0	71	0									375	305	0	71	0								
381	Đầu tư, nâng cấp Trung tâm Văn hóa xã và lắp đặt thiết bị dụng cụ TDDT ngoài trời tại các nhà văn hoá điểm sinh hoạt thôn xóm trên địa bàn xã	0	0	0	0	0									0	0	0	0	0								
382	Nâng cấp vỉa hè Trung tâm xã, Hạng mục: Bê tông nền, lát lại gạch cũ, bồn hoa, cây cảnh, hệ thống nước tưới	1.165	713	0	452	59	17		42						1.143	692	0	452	59	17		42					
383	Nâng cấp nền, mái che hành lang tươi sống Chợ Tịnh Thiên	642	461	0	181	0									628	447	0	181	0								
*	UBND xã Ba Cung (cũ)	10.711	3.336	5.900	1.475	7.175	1.275	5.900	0						12.554	5.179	5.900	1.475	7.175	1.275	5.900	0	0	0	0	0	
384	Đường BTXM từ nhà văn hóa thôn Đồng Dầu-Kon Kua đến nhà ông Lưới	750		600	150	600		600	0						750		600	150	600		600	0					
385	Duy tu, nâng cấp đường BTXM Gò Rét - Ma Nghít	1.500		1.200	300	1.200		1.200	0						1.500		1.200	300	1.200		1.200	0					
386	Đập I Tờ	3.125		2.500	625	2.500		2.500	0						3.125		2.500	625	2.500		2.500	0					
387	Nhà bếp ănTrường Mầm non Ba Cung	613		490	123	490		490	0						613		490	123	490		490	0					
388	Tuyến đường BTXM từ Quán cà phê Bắp (Giáp Quốc lộ 24) đến giáp đường bê tông Rộc Tông	613		490	123	490		490	0						613		490	123	490		490	0					
389	Tuyến đường BTXM từ nhà ông Luôn đến xóm Gò Loa	775		620	155	620		620	0						775		620	155	620		620	0					

TT	Chủ đầu tư/Đầu mỗi giao kế hoạch	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao											Chủ đầu tư/ Đầu mỗi giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh												Ghi chú
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025				Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025				Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025				Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025				
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			
			NSTW	NS tỉnh	NS huyện		NSTW	NS tỉnh	NS huyện						NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện	
390	Nhà văn hóa các thôn: Làng Giấy- Dốc Mốc, Gò Rét- Ma Nghít, Đồng Dâu-Kon Kua, Gò Loa-Đồng Xoài	760	760			0							UBND xã Ba Tơ	760	760			0								
391	Nâng cấp nối tiếp đường BTXM từ quốc lộ 24 đi Gò Loa-Đồng Xoài	1.000	1.000			0								1.000	1.000			0								
392	Tuyến đường BTXM từ nhà ông Nông đến nhà ông Ôm (thôn Đồng Dâu-Kon Kua)	868	868			567	567							868	868			567	567							
393	Nâng cấp nối tiếp đường BTXM từ quốc lộ 24 đi Gò Loa-Đồng Xoài	708	708			708	708							708	708			708	708							
*	UBND xã Ba Bích (cũ)	39.675	4.486	31.070	4.119	11.489	0	8.459	3.030																	
394	Đường Làng Mâm đi Làng Điều (đoạn từ suối Con Trỏ nối tiếp đường bê tông Làng Mâm)	843	843				0						UBND xã Ba Điền (cũ)	843	843			0								
395	Đập và kênh Nước Phất thôn Làng Mâm	1.000	1.000				0							1.000	1.000			0								
*	UBND xã Ba Điền (cũ)	28.843	1.843	23.700	3.300	8.945	0	6.700	2.245	0	0	0		30.686	3.686	23.700	3.300	8.945	0	6.700	2.245				0	
396	Nối tiếp BTXM tuyến Gò Nghênh - Xóm Đồng	1.800	800	900	100	365		270	95					1.800	800	900	100	365		270	95					
397	Nối tiếp BTXM tuyến Gò Nghênh - Hy Long	750	0	675	75	70		0	70					750	0	675	75	70		0	70					
398	Nâng cấp BTXM Tuyến đường Nhà VH thôn Hy Long - thôn Gò Nghênh	1.150	0	1.035	115	223		113	110				1.150	0	1.035	115	223		113	110						
399	Tuyến đường DT 624 - Gò Nè (Nâng cấp Cầu Vã Giá)	1.100	0	990	110	402		297	105				1.100	0	990	110	402		297	105						
400	Nâng cấp tuyến đường Gò Nghênh – Làng Rêu	2.489	0	2.240	249	865		620	245				2.489	0	2.240	249	865		620	245						

TT	Chủ đầu tư/Đầu mỗi giao kế hoạch	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao										Chủ đầu tư/ Đầu mỗi giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh												Ghi chú	
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025				Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025						
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Ngân sách TW		Ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			
			NSTW	NS tỉnh	NS huyện		NSTW	NS tỉnh	NS huyện						NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST		NS huyện
401	Nâng cấp tuyến đường Làng Rêu - Gò Vi	1.000	0	900	100	365		270	95				UBND xã Ba Vinh	1.000	0	900	100	365		270	95					
402	Tuyến đường DT 624 - Gò Nê (Nâng cấp Công hộp suối Nước Ngọt)	700	0	630	70	254		189	65					700	0	630	70	254		189	65					
403	Nối tiếp BTXM tuyến Làng Roan - Làng Rót	500	0	450	50	180		135	45					500	0	450	50	180		135	45					
404	Nâng cấp tuyến đường Trường Mầm non - Ngã 4 Gò Nghênh	600	0	540	60	295		240	55					600	0	540	60	295		240	55					
405	Nâng cấp BTXM tuyến đường Gò Pa Nặng	500	0	450	50	180		135	45					500	0	450	50	180		135	45					
406	Nâng cấp BTXM tuyến đường Gò Nghênh - Khu thể thao xã	600	0	540	60	217		162	55					600	0	540	60	217		162	55					
407	Kênh A Lây - Ka La	300	0	270	30	111		81	30					300	0	270	30	111		81	30					
408	Đập A Vàng	1.820	0	1.638	182	616		441	175					1.820	0	1.638	182	616		441	175					
409	Kè Suối Hy Long	2.823	0	2.540	282	925		650	275					2.823	0	2.540	282	925		650	275					
410	Kè suối Nước Nê	1.883	0	1.694	188	614		434	180					1.883	0	1.694	188	614		434	180					
411	Tuyến đường điện Gò Nê	250	0	225	25	88		63	25					250	0	225	25	88		63	25					
412	Tuyến đường điện sân vận động xã	650	0	585	65	223		163	60					650	0	585	65	223		163	60					
413	Trường TH&THCS Ba Diên; hạng mục: Kè chống sạt lở, sân thể thao, nhà xe	1.200	0	1.080	120	115		0	115					1.200	0	1.080	120	115		0	115					
414	Trường Mầm non Ba Diên; hạng mục: Khu vệ sinh, nhà bếp, kho, phòng bảo vệ, khu vui chơi	1.200	0	1.080	120	115		0	115					1.200	0	1.080	120	115		0	115					
415	Nhà văn hóa xã	2.000	0	1.800	200	190		0	190					2.000	0	1.800	200	190		0	190					
416	Sân thể thao Làng Trương (tường rào, công ngõ, sân thể thao)	400	0	360	40	40		0	40					400	0	360	40	40		0	40					

TT	Chủ đầu tư/Đầu mỗi giao kế hoạch	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao											Chủ đầu tư/ Đầu mỗi giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh												Ghi chú
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025				Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025				Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025				Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025				
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			
			NSTW	NS tỉnh	NS huyện		NSTW	NS tỉnh	NS huyện						NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện	
417	Nhà văn hóa thôn Hy Long (trường rào, công ngõ, sân thể thao)	600	0	540	60	55		0	55					600	0	540	60	55		0	55					
418	Nghĩa trang nhân dân xã	3.000	0	2.100	900	2.000		2.000	0					3.000	0	2.100	900	2.000		2.000	0	100			100	
419	Trường Mầm non Ba Diên; hạng mục: Nhà vệ sinh dây phòng học tập, khu phát triển vận động, sân vườn	486	0	437	49	437		437	0					486	0	437	49	437		437	0					
420	Tuyến đường DT624- UBND xã	800	800											800	800											
421	Nhà văn hoá thôn Làng rêu- hạng mục sân thể thao	243	243											243	243											
	UBND xã Ba Vinh (cũ)	1.843	1.843																							
422	BTXM tuyến đường DT 624- Gò đụn	843	843											843	843											
423	BTXM đường Huy Vlawng - Làng Chùa	1.000	1.000											1.000	1.000											
*	UBND xã Ba Đình (cũ)	4.027	1.843	0	2.184	0	0	0	0	0	0	0	0	6.055	3.687	0	2.368	0	0	0	0	0	0	0	0	0
424	Tuyến QL24 (Km34+900) - tổ 4 Đồng Dinh	1.150	1.046		105									1.150	1.046		105									
425	BTXM đường GTNT tuyến QL24 (Km 37+650)- Nhà văn hóa thôn + Trường mầm non thôn Làng Măng	477	434		43									477	434		43									
426	Đường BTXM từ QL24 Km38+600 vào tổ 4 xóm ông Phạm Văn Sen, thôn Làng Măng	400	364		36									400	364		36									
427	Nhà văn hóa thôn Kách Lang	1.000			1.000									1.000			1.000									
428	BTXM Tuyến QL24 Km34+600 đi ngã 3 Tổ 2, thôn Đồng Dinh (nhà ông Lãi)	680			680									680			680									

TT	Chủ đầu tư/Đầu mỗi giao kế hoạch	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao											Chủ đầu tư/ Đầu mỗi giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh												Ghi chú
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025					Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025					
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			
			NSTW	NS tỉnh	NS huyện		NSTW	NS tỉnh	NS huyện						NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện	
429	Tuyến QL24 KM35+150 đi Tò 3, thôn Đồng Đình	320			320									320			320									
	UBND xã Ba Giang (cũ)	2.028	1.843	0	184																					
430	Nối tiếp đường UBND xã đi Nhà văn hoá thôn Gò Khôn (Làng Chai đi Gò Khôn lớn)	1.100	1.000		100									1.100	1.000		100									
431	Nâng cấp BTXM xóm làng Dốc-Gò Khôn	928	843		84									928	843		84									
*	UBND xã Ba Vi (cũ)	33.298	1.383	24.299	7.377	12.855	0	8.299	4.556					36.745	5.069	17.799	13.877	12.855	0	8.299	4.556	0	0	0	0	
432	Đường BTXM ngã ba Gò Da đi tổ 3 Gò Da (nhánh 1)	667	570											667	534											
433	Đường BTXM Cầu Nước Ui đi ngã ba Gò Da (đoạn nền bê tông hự)	537	458											537	430											
434	Cổng tràn suối Nước Trét, Gò Vành	418	354											418	334											
435	Kiến cổ hóa kênh Klui	725		580	145	143			143					725		423	302	143			143					
436	Nhà văn hóa xã Ba Vi; hạng mục: Sửa chữa, cải tạo nhà văn hóa, tường rào, cổng ngõ và đầu tư sân vườn, khu thể thao	1.143		800	343	342			342					1.143		645	498	342			342					
437	Cải tạo, nâng cấp tường rào, cổng ngõ điểm Trường Mầm non Gò Năng thành Nhà Văn hóa thôn Gò Năng	972		680	292	288			288					972		496	476	288			288					
438	Đường BTXM QL24 đi tổ Mang Cong, thôn Gò Vành	625		500	125	121			121					625		365	260	121			121					
439	Ngã 3 Gò Da đi tổ 3 Gò Da (nhánh 2)	1.113		890	223	221			221					1.113		650	463	221			221					

TT	Chủ đầu tư/Đầu mỗi giao kế hoạch	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao										Chủ đầu tư/ Đầu mỗi giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh												Ghi chú
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025				Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025					
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó				
			NSTW	NS tỉnh	NS huyện		NSTW	NS tỉnh						NS huyện	NSTW	NST		NS huyện	NSTW		NST	NS huyện			
440	Đường BTXM Nước Trét - Gò Vành (nhánh 1)	625		500	125	120			120					625		365	260	120			120				
441	Nhà văn hóa thôn Gò Vành	1.172		820	352	343			343					1.172		599	573	343			343				
442	Nhà văn hóa thôn Nước Ui	1.115		780	335	333			333					1.115		569	546	333			333				
443	Nối tiếp đường BTXM Mang Cảnh - K'diêu	1.188		950	238	231			231					1.188		694	495	231			231				
444	Trường Tiểu học Ba Vi; Hạng mục: 04 phòng học, 02 phòng hỗ trợ học tập và 02 phòng phụ trợ	5.685		4.548	1.137	1.130			1.130					5.685		3.320	2.365	1.130			1.130				
445	Trường THCS Ba Vi; Hạng mục: 04 phòng học tập và 02 phòng hỗ trợ	3.738		2.990	748	740			740					3.738		2.183	1.555	740			740				
446	Nâng cấp BTXM tuyến đường từ nhà Bà Lương đến cầu Nước Ui	1.000		800	200	485		300	185					1.000		584	416	485		300	185				
447	Đường BTXM Tổ Đồng Rò đi bể Nước sạch, thôn Nước Xuyên	700		560	140	298		160	138					700		409	291	298		160	138				
448	Kiên cố hóa kênh Mã Nin	1.187		950	237	408		188	220					1.187		694	494	408		188	220				
449	Nâng cấp, mở rộng đường BTXM đoạn từ cầu Suối Nước Đen đến nhà ông Lầy	3.000		2.400	600	2.300		2.300						3.000		1.752	1.248	2.300		2.300					
450	Nâng cấp, mở rộng đường BTXM Nước Trét - Gò Vành	1.840		1.472	368	1.372		1.372						1.840		1.075	765	1.372		1.372					
451	Kiên cố hóa Kênh Nước Trét	1.071		857	214	757		757						1.071		626	445	757		757					
452	Trường THCS Ba Vi; Sửa chữa, nâng cấp sân trường	1.065		852	213	852		852						1.065		622	443	852		852					
453	Trường Tiểu học Ba Vi; Hạng mục: Tường rào, sửa chữa, nâng cấp sân trường	713		570	143	570		570						713		416	296	570		570					

TT	Chủ đầu tư/Đầu mỗi giao kế hoạch	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao											Chủ đầu tư/ Đầu mỗi giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh												Ghi chú
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025					Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025				Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025				
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			
			NSTW	NS tỉnh	NS huyện		NSTW	NS tỉnh	NS huyện						NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện	
454	Nghĩa trang nhân dân xã Ba Vì	3.000		1.800	1.200	1.800		1.800						3.000		1.314	1.686	1.800		1.800						
*	UBND xã Ba Tiêu (cũ)	2.028	1.844	0	0	0	0	0	0									0								
455	Nối tiếp đường BTXM nhà Bà Tuyết đi Làng Lũy	1.150	1.045											1.150	1.045											
456	Đường QL 24 - Mang Biều	550	500											550	500											
457	Đường nhà Bà Trích đến nhà Ông Hương	328	299											328	299											
*	UBND xã Ba Ngạc (cũ)	6.707	4.757	1.169	781	782	567	0	214									0								
458	ĐT: Nối tiếp BTXM tuyến ngã 3 đường xã - Nhà ông Ưông	950	950											950	950											
459	Đường thôn: BTXM tuyến QL24-Tổ 4	893	893											893	893											
*	UBND Xã Đức Thanh (cũ)	4.334	2.628	984	723	782	567	0	214	0	0	0		12.729	8.592	1.967	2.170	3.109	2.410	0	700	0	0	0	0	0
460	Đ.Xã: Các hệ thống cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, gờ giảm tốc độ, cây xanh, đèn chiếu sáng...) tại các tuyến đường xã.	529	285	186	59	0								529	285	186	59	0								
461	Đ.xã: BTXM Tuyến đường Ông Nhớ đi Ông Đà	898		798	100	0								898		798	100	0								
462	Đ.Thôn: Các hệ thống cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, gờ giảm tốc độ, cây xanh, đèn chiếu sáng...) tại các tuyến đường thôn.	373	331		41	0								373	331		41	0								
463	Vùng sản xuất nông nghiệp (Khu 07ha), thôn Lương Nông Bắc	329	219		110	329	219		110					329	219		110	329	219		110					
464	Vùng sản xuất nông nghiệp (Khu 15,8ha), thôn Lương Nông Nam	525	350		175	5			5					525	350		175	5		5						

TT	Chủ đầu tư/Đầu mỗi giao kế hoạch	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao											Chủ đầu tư/ Đầu mỗi giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh												Ghi chú
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025					Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025				Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025				
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			
			NSTW	NS tỉnh	NS huyện		NSTW	NS tỉnh	NS huyện						NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện	
465	Nhà văn hóa thôn Lương Nông Nam	275	226		49	0								275	226		49	0								
466	Nhà văn hóa thôn Đôn Lương	251	207		44	0								251	207		44	0								
467	Nhà văn hóa thôn Phước Thịnh	255	210		45	0								255	210		45	0								
468	Trường Mầm non Đức Thạnh (Cơ sở 2)	900	800		100	448	348		100					900	800		100	448	348		100					
*	UBND xã Đức Minh (cũ)	4.279	2.628	984	667	748	567	0	181	0	0	0						0								
469	Đ.Xã: Các hệ thống cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, gờ giảm tốc độ, cây xanh, đèn chiếu sáng...) tại các tuyến đường xã.	376	335		42	5			5					376	335		42	5		5						
470	Đ. Xã: Nâng cấp, mở rộng BTXM tuyến Gò Rộc - Đạm Thủy Bắc	450	400		50	250	200		50					450	400		50	250	200		50					
471	Đ.Thôn: Các hệ thống cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, gờ giảm tốc độ, cây xanh, đèn chiếu sáng...) tại các tuyến đường thôn.	226	201		25	5			5					226	201		25	5		5						
472	Nhà văn hóa thôn Minh Tân Bắc	765	461	169	135	0								765	461	169	135	0								
473	Nhà văn hóa thôn Đạm Thủy Bắc	425		350	75	0								425		350	75	0								
474	Nhà văn hóa thôn Đạm Thủy Nam	128		105	23	0								128		105	23	0								
475	Nhà văn hóa thôn Minh Tân Nam	128		105	23	0								128		105	23	0								
476	Trường Mầm non Đức Minh	900	800		100	436	336		100					900	800		100	436	336		100					
477	Cảnh quan khu di tích căn cứ Phú Nhuận, xã Đức Minh	339		254	85	0								339		254	85	0								
478	Hệ thống wifi, camera ở xã, thôn	180	160		20	2			2					180	160		20	2		2						
479	Cảnh quan môi trường nông thôn trên địa bàn xã	320	240		80	8			8					320	240		80	8		8						

TT	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao											Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh												Ghi chú		
	Chủ đầu tư/Đầu mỗi giao kế hoạch	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025			Chủ đầu tư/ Đầu mỗi giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025						
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó					
			NSTW	NS tỉnh	NS huyện		NSTW	NS tỉnh						NS huyện	NSTW	NST		NS huyện	NSTW		NST	NS huyện	NSTW		NST	NS huyện
480	Cảnh quan môi trường nông thôn	42	32		11	42	32		11					42	32		11	42	32		11					
*	UBND Xã Đức Chánh (cũ)	4.116	3.336	0	780	1.580	1.275	0	305	0	0	0					0									
481	Đ.Xã: BTXM tuyến Cây Đa-Cổng Thợ Xưa (GD 3)	528	461		68	0								528	461		68	0								
482	KCH kênh S18-2-Vượt Cấp (GD 2)	756	672		84	17			17					756	672		84	17			17					
483	KCH kênh Đồng Đông	864	768		96	19			19					864	768		96	19			19					
484	KCH kênh S18-2.1.1.1 (Gđ 2)	648	576		72	588	516		72					648	576		72	588	516		72					
485	KCH kênh S18-8 (GD2)	460	151		309	146	101		45					460	151		309	146	101		45					
486	Sửa chữa, nâng cấp các điểm sinh hoạt văn hóa tại các nhà văn hóa thôn, xã Đức Chánh	859	708		152	809	658		152					859	708		152	809	658		152					
*	UBND xã Thanh An, Long Hiệp, Long Môn (cũ)	68.050	7.022	33.000	7.170	20.858	1.275	17.000	2.583					68.050	7.022	33.000	7.170	20.858	1.275	17.000	2.583	0	0	2.968	0	
487	Xây dựng tường rào, cổng ngõ, nhà vệ sinh nhà văn hóa thôn Một	200	180		20	0								200	180		20	0								
488	Xây dựng tường rào cổng ngõ nhà văn hóa thôn Hà Xuyên: Hạng mục tường rào cổng ngõ, sân nền, nhà để xe.	493		405	45	43			43					493		405	45	43			43					
489	Xây dựng tường rào, cổng ngõ nhà văn hóa thôn 1 (Hạng mục: Tường rào, cổng ngõ, sân nền và Sửa chữa mái nhà văn hóa)	769		630	70	69			69					769		630	70	69			69					
490	Nâng cấp,tường rào, cổng ngõ nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Hà Liet	420		342	38	40			40					420		342	38	40			40					

TT	Chủ đầu tư/Đầu mỗi giao kế hoạch	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao											Chủ đầu tư/ Đầu mỗi giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh												Ghi chú	
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025					Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025						
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó				
			NSTW	NS tỉnh	NS huyện		NSTW	NS tỉnh	NS huyện						NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện		
491	Nâng cấp, mở rộng khu thể thao thôn Hà Xuyên (Xóm Dục Ái cũ)	1.264		1.035	115	114				114					1.264		1.035	115	114			114					
492	Nâng cấp, mở rộng khu thể thao thôn thôn Hà Liệt	967		792	88	87				87					967		792	88	87			87					
493	Nâng cấp, mở rộng chỉnh trang đường và sân bóng chuyền tập đoàn 11 thôn Hà Bôi	401		328	37	36				36					401		328	37	36			36					
494	Bê tông đường từ nhà ông Chách đến Hồ Nước Va	443	363		40	40				40					443	363		40	40			40					
495	Bê tông đường vào Nghĩa trang nhân dân Hóc Quáo	610	500		55	55				55					610	500		55	55			55					
496	Đường từ Nghĩa trang nhân dân - TĐ10	1.264		1.035	115	114				114					1.264		1.035	115	114			114					
497	Đường TĐ 11 đi Hóc Chổ	444	400		44	0									444	400		44	0								
498	Đường từ đập Cây Đa lên Hồ Ba Rình (GD 2 qua tập đoàn 9 - Hà Bôi)	1.176		966	107	103				103					1.176		966	107	103			103					
499	Nâng cấp, sửa chữa đường giao thông nông thôn, thôn Hà Xuyên: Hạng mục: Nâng cấp mặt đường và hệ thống thoát nước (Thâm nhựt)	2.226		1.822	202	202				202					2.226		1.822	202	202			202			1.164		
500	Nâng cấp, sửa chữa đường GTNT Xóm ông Bôi thôn Hà Liệt	604		495	55	54				54					604		495	55	54			54					
501	Đường giao thông nông thôn từ nhà bà Ghiếu đến nhà ông Huỳnh	1.207		990	110	107				107					1.207		990	110	107			107					
502	Nâng cấp tuyến đường từ Ngã 3 nhà ông Quới đến nhà ông Định:Hạng mục: Thâm nhựt	1.264		1.035	115	114				114					1.264		1.035	115	114			114					

TT	Chủ đầu tư/Đầu mỗi giao kế hoạch	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao										Chủ đầu tư/ Đầu mỗi giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh												Ghi chú	
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025				Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025						
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Ngân sách TW		Ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			
			NSTW	NS tỉnh	NS huyện		NSTW	NS tỉnh	NS huyện						NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST		NS huyện
503	Đường giao thông nông thôn từ đập ông Nì lên Hồ ông Nô	600		495	55	50			50				UBND xã Minh Long	600		495	55	50			50					
504	Đường GTNT từ khu thể thao thôn Hà Xuyên đến Xóm Dục Ái: Hạng mục: mặt đường và hệ thống thoát nước (Xóm Dục Ái cũ)	1.099		900	100	99			99					1.099		900	100	99			99					
505	Đường từ thôn Dục Ái cũ đến Hồ Nước Hồng	1.264		1.035	115	114			114					1.264		1.035	115	114			114					
506	Nâng cấp, sửa chữa Đập và kênh mương đập Cây Đa	766		630	70	66			66					766		630	70	66			66					
507	Nâng cấp, sửa chữa Đập và kênh mương đập nước Xuyên 1	601		495	55	51			51					601		495	55	51			51					
508	Nâng cấp, sửa chữa Đập và kênh mương nước Xuyên 2	328		270	30	28			28					328		270	30	28			28					
509	Xây mới phòng chức năng Trường Tiểu học xã Long Hiệp	5.400		2.880	320	2.200		1.880	320					5.400		2.880	320	2.200		1.880	320			763		
510	Xây mới 04 phòng học bộ môn Trường Trung học cơ sở Long Hiệp	6.300		3.420	380	2.500		2.120	380					6.300		3.420	380	2.500		2.120	380			1.041		
511	Xây dựng Nghĩa trang nhân dân Gò Cà Róc	444	400		44	0								444	400		44	0								
512	San lấp mặt bằng công viên xã	1.111	1.000		111									1.111	1.000		111									
513	Sửa chữa, nâng cấp đường nhà ông Lý đến nhà ông Đây	937	843		94									937	843		94									
514	Đường nội đồng Gò Nhiều	1.800	800		200	800	800							1.800	800		200	800	800							
515	Nâng cấp kênh mương ruộng Con Làng Vàng	293	234		59	0								293	234		59	0								

TT	Chủ đầu tư/Đầu mỗi giao kế hoạch	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao										Chủ đầu tư/ Đầu mỗi giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh												Ghi chú	
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025				Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025						
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Ngân sách TW		Ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			
			NSTW	NS tỉnh	NS huyện		NSTW	NS tỉnh	NS huyện						NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST		NS huyện
516	Nâng cấp, mở rộng khu thể thao thôn Đồng Cản	800	500		300	0								800	500		300	0								
517	Nâng cấp, mở rộng khu thể thao thôn Đồng Vang	927	500		214	213				213				927	500		214	213			213					
518	Nâng cấp, mở rộng khu thể thao thôn Gò Nhiều	284	227		57	0								284	227		57	0								
519	Tường rào cổng ngõ nhà văn hóa thôn Đồng Vang	300	200		100	0								300	200		100	0								
520	Tường rào cổng ngõ nhà văn hóa thôn An Phương	510	210		90	210	210							510	210		90	210	210							
521	Tường rào cổng ngõ nhà văn hóa thôn Thương Đổ	372	200		86	86				86				372	200		86	86			86					
522	Tường rào cổng ngõ nhà văn hóa thôn Phiên Chá	300	200		100	0								300	200		100	0								
523	Xây dựng tường rào, cổng ngõ nghĩa tràng nhân dân thôn An Phương	615	265		85	265	265							615	265		85	265	265							
524	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường + mương thoát nước dọc từ ngã 3 cầu Thanh An đến ngã 4 trung tâm UBND xã Thanh An	3.600		1.600	400	1.600		1.600						3.600		1.600	400	1.600		1.600						
525	Đường bê tông GTNT từ nhà ông Hiệu đến khu sản xuất Hóc Pa Giang, Thanh Mâu	1.980		880	220	880		880						1.980		880	220	880		880						
526	Nâng cấp, tuyến đường từ xóm Ruộng Gò đến TL 628	1.080		480	120	480		480						1.080		480	120	480		480						
527	Đường bê tông GTNT từ nhà ông Cường, Công Loan đến khu sản xuất Hóc Tây	1.620		720	180	720		720						1.620		720	180	720		720						

TT	Chủ đầu tư/Đầu mỗi giao kế hoạch	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao											Chủ đầu tư/ Đầu mỗi giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh												Ghi chú
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025					Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025					
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			
			NSTW	NS tỉnh	NS huyện		NSTW	NS tỉnh	NS huyện						NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện	
528	Đường bê tông GTNT từ Cầu Cà Đĩa lên nhà ông Năm thôn An Thanh	1.926		856	214	856		856						1.926		856	214	856		856						
529	Nâng cấp, sửa chữa tuyến đường Ấp Gò Bắc (đoạn từ nhà Ngọc đến nhà ông Di)	360		160	40	160		160						360		160	40	160		160						
530	Bê tông hóa tuyến đường GTNTừ nhà ông Trái đến khu sản xuất Làng Bò Đồng Vang	1.800		800	200	800		800						1.800		800	200	800		800						
531	Bê tông hoá tuyến đường GTNT từ nhà ông Cua đến khu sản xuất nước Dạch thôn Gò Nhiều	1.800		800	200	800		800						1.800		800	200	800		800						
532	Đường Thanh An - Thác Trắng DH6 (Làng Dếp- Làng Đổ)	7.380		3.280	820	3.280		3.280						7.380		3.280	820	3.280		3.280						
533	Sửa chữa kênh mương Hóc Nhiều	1.080		480	120	480		480						1.080		480	120	480		480						
534	Bê tông kênh mương Ru Hoai Đồng Vang	1.260		560	140	560		560						1.260		560	140	560		560						
535	Sửa chữa kênh mương Làng Vang	468		208	52	208		208						468		208	52	208		208						
536	Bê tông kênh mương Suối Bò Đồng Vang	720		320	80	320		320						720		320	80	320		320						
537	Bê tông kênh mương Hóc Chim,Thanh Mậu	1.080		480	120	480		480						1.080		480	120	480		480						
538	Bê tông hóa tuyến đường nghĩa trang An Phương đến Hóc Rù Rã	1.080		480	120	480		480						1.080		480	120	480		480						
539	Bê tông hóa tuyến đường từ nhà ông Thanh đến núi Đổ	1.071		476	119	476		476						1.071		476	119	476		476						
540	Tuyến đường vào nghĩa trang nhân dân và tuyến đường nội bộ	945		420	105	420		420						945		420	105	420		420						

TT	Chủ đầu tư/Đầu mỗi giao kế hoạch	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao									Chủ đầu tư/ Đầu mỗi giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh												Ghi chú		
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025							
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Ngân sách TW		Ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó					
			NSTW	NS tỉnh	NS huyện		NSTW	NS tỉnh						NS huyện	NSTW	NST		NS huyện	NSTW		NST	NS huyện	NSTW		NST	NS huyện
*	UBND xã Nghĩa Phú (cũ)	3.642	2.628	0	1.014	627	512	0	115					16.365	12.985	0	3.379	3.058	2.681	0	377	0	0	0	0	
541	BTXM và thoát nước công chợ C xã Nghĩa Phú	564	461		104	0								564	460		104	0								
542	BTXM và thoát nước từ đường thôn Cỏ Lũy Nam đến KDC Nghĩa Phú	343	280		63	0								333	270		63	0								
543	BTXM và cải tạo hệ thống thoát nước tuyến đường Nguyễn Anh Thơ - Miếu Cây Gao	530	433		97	530	433		97					530	433		97	530	433		97					
544	Nâng cấp, sửa chữa sân nền, hệ thống thoát nước, nhà lồng, ki ốt Chợ Phú Thọ, xã Nghĩa Phú	1.029	735		294	0								1.014	720		294	0								
545	Lát vỉa hè đoạn trước UBND xã và Nhà Văn hóa xã	588	360		228	50	40		10					588	360		228	50	40		10					
546	Lát vỉa hè, boocduya đoạn trước Nghĩa trang liệt sỹ xã	588	360		228	47	40		7					588	360		228	47	40		7					
*	UBND xã Nghĩa An (cũ)	3.220	2.628	0	591	521	501	0	20													0	0	0	0	
547	Đường BTXM thôn Tân An (Tuyến 1: Võ Thị Cát giáp BTXM biển; Tuyến 2: Đỗ Thị Mỹ giáp BTXM biển)	564	461		104	0								564	460		104	0								
548	BTXM các tuyến đường thôn Tân An	936	764		172	515	501		14					936	764		172	515	501		14					
549	BTXM các tuyến đường thôn Phổ Trung (gồm: 11 tuyến)	1.719	1.404		316	7			7					1.719	1.404		316	7			7					
*	UBND xã Nghĩa Hà (cũ)	3.220	2.628	0	591	630	520	0	110													0	0	0	0	

TT	Chủ đầu tư/Đầu mỗi giao kế hoạch	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao											Chủ đầu tư/ Đầu mỗi giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh												Ghi chú
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025					Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025				Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025				
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			
			NSTW	NS tỉnh	NS huyện		NSTW	NS tỉnh	NS huyện						NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện	
550	BTXM tuyến Phạm Quân đi ông Nhì (thôn Hàm Long) và tuyến ông Tám đi Phạm Liên (thôn Hồ Tiểu)	564	461		104	0								564	461		104	0								
551	BTXM tuyến ông Tồn đi Ông Cang (Bình Đông)	501	409		92	501	409		92					501	409		92	501	409		92					
552	BTXM tuyến Hồ Mãng đi Bà Cúc và tuyến Miếu Bà đi Bà Chín (thôn Hồ Tiểu)	427	349		78	0								316	237		78	0								
553	BTXM tuyến Bà Muối đi ông Tánh (Bình Đông)	970	792		178	129	111		18					970	792		178	129	111		18					
554	BTXM tuyến ông Hồng đi ông Tạo (thôn Hội An) và tuyến Đặng Chung đi Đặng Từ (thôn Hiền Lương)	757	618		139	0								757	618		139	0								
*	UBND xã Nghĩa Dũng (cũ)	3.220	2.628	0	591	656	557	0	99				UBND xã An Phú								0	0	0	0		
555	Nâng cấp tuyến đường từ Cầu Sa - Đình Chủ Đề	564	461		104	0								558	454		104	0								
556	BTXM các tuyến đường trên địa bàn thôn 1, xã Nghĩa Dũng, gồm 06 tuyến	882	720		162	0								882	720		162	0								
557	BTXM các tuyến đường trên địa bàn thôn 2, xã Nghĩa Dũng, gồm 05 tuyến	490	400		90	0								490	400		90	0								
558	BTXM các tuyến đường trên địa bàn thôn 3, xã Nghĩa Dũng	347	283		64	347	283		64					347	283		64	347	283		64					
559	BTXM các tuyến đường trên địa bàn thôn 5, xã Nghĩa Dũng, gồm 04 tuyến	936	764		172	309	274		35				936	764		172	309	274		35						
*	UBND xã Nghĩa Dũng (cũ)	3.220	2.628	0	591	623	591	0	32													0	0	0		

TT	Chủ đầu tư/Đầu mỗi giao kế hoạch	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao											Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh												Ghi chú
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025			Chủ đầu tư/ Đầu mỗi giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025					
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó				
			NSTW	NS tỉnh	NS huyện		NSTW	NS tỉnh						NS huyện	NSTW	NST		NS huyện	NSTW		NST	NS huyện	NSTW	NST	
560	BTXM các tuyến đường trên địa bàn thôn 1, thôn 2, thôn 3 và thôn 4 xã Nghĩa Đông (gồm 05 tuyến: Tuyến từ Lê Văn Miến đến Phạm Hồng Huệ; Tuyến từ Hà Văn Tường đến Hà Văn Khánh; Tuyến từ Đồ Đình Thành đến Nguyễn Thị Liên; Tuyến từ Đình Dũng đến Đồng Thị Thu; tuyến từ Lê Thị Kim Anh đến Nguyễn Văn	564	461		104	0								554	450		104	0							
561	BTXM các tuyến đường trên địa bàn thôn 2 xã Nghĩa Đông (gồm 03 tuyến: Tuyến từ ông Lê Nhân đến Lê Văn Vũ; tuyến từ Lê Thương đến Bùi Ri; tuyến từ Nhà nghỉ Hoàng Gia đến Lê Thị	440	359		81	67	59		8					440	359		81	67	59		8				
562	BTXM các tuyến đường trên địa bàn thôn 1, xã Nghĩa Đông	1.229	1.003		226	509	503		6					1.229	1.003		226	509	503		6				
563	BTXM các tuyến đường trên địa bàn thôn 4, xã Nghĩa Đông (gồm 04 tuyến: Tuyến từ Nguyễn Tấn Tài đến Bùi Vạn Mai; tuyến từ Võ Hoàng đến Nguyễn Ngọc Bằng; tuyến nội đồng từ Hồ Quý Ly đến ruộng bà Thân; tuyến đường vào Nghĩa địa Gò Găng	987	806		181	47	28		18					987	806		181	47	28		18				

TT	Chủ đầu tư/Đầu mỗi giao kế hoạch	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao										Chủ đầu tư/ Đầu mỗi giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh												Ghi chú
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025				Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025					
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó				
			NSTW	NS tỉnh	NS huyện		NSTW	NS tỉnh						NS huyện	NSTW	NST		NS huyện	NSTW		NST	NS huyện			
*	UBND xã Tịnh Bình (cũ)	11.937	3.335	0	8.602	5.439	1.275	0	4.164				40.409	9.300	5.084	26.027	14.823	3.117	4.100	7.606	0	0	0	0	
564	Đường thôn: Tuyến Xóm 8 - Xóm 10 (Bình Bắc) (giai đoạn 2)	900	0	0	900	0			0				900	0	0	900	0			0					
565	Trụ sở UBND xã Tịnh Bình, hạng mục: Sân bê tông, kè taluy, bồn hoa	500	0	0	500	0			0				500	0	0	500	0			0					
566	Tuyến đường ngõ Hòa - giáp đường Bình Hiệp - Tịnh Trà (giai đoạn 2)	335	0	0	335	0			0				335	0	0	335	0			0					
567	Tuyến kênh Bm5-3 nối dài	315	0	0	315	135			135				315	0	0	315	135			135					
568	Đường thôn, tuyến: Ngõ Hoa Tâm - Ngõ 5 Nhĩ - Giáp Tịnh Thọ	500	0	0	500	405			405				500	0	0	500	405			405					
569	Tuyến kênh: Bia Tường niệm - Hóc Tóa	180	0	0	180	180			180				180	0	0	180	180			180					
570	Nhà văn hóa thôn Bình Đông; hạng mục: Tường rào, cổng ngõ, sân vườn	1.000	0	0	1.000	755			755				1.000	0	0	1.000	755			755					
571	Tuyến kênh Tuổi 63 - Ngõ Công	550	0	0	550	442			442				550	0	0	550	442			442					
572	Tuyến kênh ngõ Long - Tịnh lộ 622C	500	0	0	500	402			402				500	0	0	500	402			402					
573	Đường thôn, tuyến Ngõ Tư, đội 1 - Tầng Khang	600	0	0	600	481			481				600	0	0	600	481			481					
574	Tuyến kênh: Cổng Hiệp - Rộc Ngói	500	0	0	500	402			402				500	0	0	500	402			402					
575	Đường thôn, tuyến: Cổng chào xóm 4 Bình Đông - ĐT.622C	700	0	0	700	560			560				700	0	0	700	560			560					
576	Đường thôn, tuyến Ngõ Tuyệt xóm 3 - Ngõ Cường - Ngõ Bồi đi giáp TL 622C xóm 7 (giai đoạn 2)	500	0	0	500	402			402				500	0	0	500	402			402					
577	Nghĩa trang nhân dân Núi Đất	2.423	1.423	0	1.000	462	462		0				2.423	1.423	0	1.000	462	462		0					

TT	Chủ đầu tư/Đầu mỗi giao kế hoạch	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao										Chủ đầu tư/ Đầu mỗi giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh												Ghi chú	
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025				Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025						
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Ngân sách TW		Ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			
			NSTW	NS tỉnh	NS huyện		NSTW	NS tỉnh	NS huyện						NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST		NS huyện
578	Tuyến kênh Động Trao - đồng Phú Triển (giai đoạn 2)	900	528	0	372	28	28		0				900	528	0	372	28	28		0						
579	Tuyến đường ngõ 5 Tài - Chòi Kha - giáp ngõ Bồi (giáp Tỉnh Thọ)	750	600	0	150	0			0				750	600	0	150	0			0						
580	Tuyến ngõ Huỳnh Tân - ngõ 3 Dư - ngõ Trứ (622C)	484	484	0	0	484	484		0				484	484	0	0	484	484		0						
581	Trường Mầm non Tỉnh Bình: 04 phòng học	100	100	0	0	100	100		0				100	100	0	0	100	100		0						
582	Khu thể thao xã Tỉnh Bình	200	200	0	0	200	200		0				200	200	0	0	200	200		0						
*	UBND xã Tịnh Sơn (cũ)	13.475	2.628	5.084	5.764	5.227	567	4.100	560	0	0	0								0	0	0				
583	Tuyến Quốc Lộ 24B - Đường BTXM đội 11 - 14 - Ao Tròn	538	0	0	538	0			0				538	0	0	538	0			0						
584	Đường xã, tuyến: QL24B (Ngõ Bà Vần) - Ngõ ông 6 Kha (nâng cấp, mở rộng)	845	0	0	845	0			0				845	0	0	845	0			0						
585	Sửa chữa, nâng cấp đường xã, tuyến: Giáp QL24B - Cầu ông Mần (đoạn nối đường huyện Diên Niên - Minh Mỹ)	1.000	0	0	1.000	0			0				1.000	0	0	1.000	0			0						
586	Đường thôn, tuyến: Giáp đường Phước Lộc - Chợ Đình (Công chào văn hóa xóm 13) đi thôn Bình Nam, xã Tỉnh Bình (đoạn nhà ông Thăng - nhà ông Bảy)	300	0	0	300	0			0				300	0	0	300	0			0						
587	Sửa chữa nâng cấp tuyến kênh B4-3	800	36	604	160	0			0				800	36	604	160	0			0						
588	Nâng cấp, bổ sung một số hạng mục, gia cố chân khay mái taluy Khu thể thao xã	1.200	461	379	360	0			0				1.200	461	379	360	0			0						

TT	Chủ đầu tư/Đầu mỗi giao kế hoạch	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao											Chủ đầu tư/ Đầu mỗi giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh												Ghi chú
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025				Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025				Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025				Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025				
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			
			NSTW	NS tỉnh	NS huyện		NSTW	NS tỉnh	NS huyện						NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện	
589	Nâng cấp đường xã, tuyến: Tuyến Cầu Suối Sỏi - Ngõ ông Sinh	700	560	0	140	0		0	0				UBND xã Sơn Tịnh	700	560	0	140	0		0	0					
590	Kênh Trạm Bơm cây Duối (kéo dài)	416	0	256	160	416		256	160					416	0	256	160	416		256	160					
591	Sửa chữa, nâng cấp đường xã, tuyến Trường tiểu học An Thọ - Cầu Cửa Khâu - Ngõ ông Phi (Đoạn ngõ ông Phi - Cầu Cửa Khâu)	1.053	452	381	220	439	58	381	0					1.053	452	381	220	439	58	381	0					
592	Xây dựng tường rào, cổng ngõ nhà văn hóa thôn Bình Thọ	856	172	414	270	476	62	414	0					856	172	414	270	476	62	414	0					
593	Sửa chữa, nâng cấp đường xã, tuyến Ngõ Ông Phát - Ngõ Ông Năm Trình	400	0	320	80	320		320	0					400	0	320	80	320		320	0					
594	Sửa chữa, nâng cấp đường xã, tuyến: Giáp giáp đường Phước Lộc - Chợ Đình - Gò Nghĩa	1.110	277	593	240	705	112	593	0					1.110	277	593	240	705	112	593	0					
595	Sửa chữa, nâng cấp đường trục thôn, tuyến Đội 23- đội 20 - Ngõ ông Dương	871	0	691	180	691		691	0					871	0	691	180	691		691	0					
596	Nâng cấp các dãy lớp học, nhà ăn và các hạng mục khác Trường Mầm non Tịnh Sơn - Phân hiệu Trung tâm	1.056	208	628	220	686	58	628	0					1.056	208	628	220	686	58	628	0					
597	Sửa chữa, nâng cấp đường xã, tuyến Quốc Lộ 24B - Đường BTXM đội 11 - 14 - Ao Tròn (Đoạn Nghĩa trang liệt sĩ xã - Ngõ ông Hảo)	518	238		280	238	238		0					518	238		280	238	238		0					

TT	Chủ đầu tư/Đầu mỗi giao kế hoạch	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao											Chủ đầu tư/ Đầu mỗi giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh												Ghi chú
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025							
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	Tổng số		Trong đó			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó					
			NSTW	NS tỉnh	NS huyện		NSTW	NS tỉnh						NS huyện	NSTW	NST		NS huyện	NSTW		NST	NS huyện	NSTW	NST	NS huyện	
598	Nâng cấp, sửa chữa tuyến đường trước trường Mầm non - ngõ ông Hoàng - Bình Thọ (đoạn ngõ ông Thế, đội 7, thôn Phước Lộc Đông - ngõ ông Bưởi, đội 1 thôn Bình Thọ)	400	0	0	400	400		0	400				400	0	0	400	400		0	400						
599	Nâng cấp, sửa chữa các tuyến đường trên địa bàn xã (sửa chữa nâng cấp đường xã, tuyến QL 24B (ngõ bà Vân) - ngõ ông 6 Kha (đoạn ngõ ông Châu - ngõ ông 6 kha); sửa chữa nâng cấp đường xã, tuyến QL24B - ngõ ông 3 Chương)	1.078	170	606	302	636	30	606	0				1.078	170	606	302	636	30	606	0						
600	KCH tuyến kênh B6-2 - đi đồng gò giữa, đội 4, thôn Đông	335	55	211	69	221	10	211	0				335	55	211	69	221	10	211	0						
*	UBND xã Tịnh Hà (cũ)	14.997	3.336	0	11.661	4.157	1.275	0	2.882																	
601	KCH kênh B6-VC đội 7 Thọ Lộc Bắc	343			343	0			0				343			343	0			0						
602	Nâng cấp tuyến kênh B6-8-2 nối dài	295			295	0			0				295			295	0			0						
603	Tuyến đường Võ Văn Bình - Bãi Rác	384			384	0			0				384			384	0			0						
604	Nâng cấp tuyến đường Phạm Văn Chương - Võ Thị Liên	240			240	0			0				240			240	0			0						
605	Nâng cấp, sửa chữa tường rào cổng ngõ, cải tạo sân, vỉa hè và các hạng mục khác UBND xã	480			480	0			0				480			480	0			0						

TT	Chủ đầu tư/Đầu mỗi giao kế hoạch	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao											Chủ đầu tư/ Đầu mỗi giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh												Ghi chú
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025					Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025				Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025				
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			
			NSTW	NS tỉnh	NS huyện		NSTW	NS tỉnh	NS huyện						NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện	
606	Kè mái taluy, san nền, mương nước đường vào UBND xã (giai đoạn 2)	487			487	0			0					487			487	0			0					
607	Kênh VC Đội 7 Lâm Lộc Bắc	587			587	0			0					587			587	0			0					
608	Tường rào, công ngô sân thể thao thôn Trường Xuân	445			445	0			0					445			445	0			0					
609	Nâng cấp sửa chữa nhà văn hóa thôn và các hạng mục khác thôn Thọ Lộc Tây	254			254	0			0					254			254	0			0					
610	Nâng cấp đường BTXM tuyến Ngõ Lung - Ngõ Phùng	492			492	0			0					492			492	0			0					
611	Cấp phối các tuyến nội đồng – Đồng Công Điền, Thọ Lộc Tây	292			292	0			0					292			292	0			0					
612	Tuyến đường Ngõ Hựu thôn hà Trung - Đội 10, Hà Nhai Nam	485			485	0			0					485			485	0			0					
613	Kênh B6-5-3 xứ đồng trước, Hà Nhai Nam	393			393	0			0					393			393	0			0					
614	Nâng cấp đường BTXM tuyến Trần Quốc Tuấn - Nguyễn Chánh	491			491	0			0					491			491	0			0					
615	Tuyến đường Ngõ Đứng - Vườn Sung	194			194	0			0					194			194	0			0					
616	KCH tuyến kênh Đồng Công Chính - Hà Nhai Bắc (giai đoạn 3)	686			686	0			0					686			686	0			0					
617	Tuyến đường QL24B đi Hà Nhai Nam (đoạn đầu từ nhà ông Nguyễn Hữu Phưởng)	490			490	0			0					490			490	0			0					
618	Xây mới kho thiết bị cứu hộ lũ lụt	391			391	0			0					391			391	0			0					
619	Nâng cấp kênh B6-8	481			481	0			0					481			481	0			0					

TT	Chủ đầu tư/Đầu mỗi giao kế hoạch	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao											Chủ đầu tư/ Đầu mỗi giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh												Ghi chú
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025					Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025					
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			
			NSTW	NS tỉnh	NS huyện		NSTW	NS tỉnh	NS huyện						NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện	
620	Trường Mầm non Tỉnh Hà; Hạng mục: Khu vui chơi	900	354		546	900	354		546					900	354		546	900	354		546					
621	Tuyến đường xóm 6 đi xóm 8 thôn Lâm Lộc Bắc	1.000	354		646	1.000	354		646					1.000	354		646	1.000	354		646					
622	Nâng cấp tuyến đường Quốc lộ 24B - Tỉnh Thọ	590			590	590			590					590			590	590			590					
623	Nâng cấp tuyến đường Tỉnh Hà - Tỉnh An Tây	1.100			1.100	1.100			1.100					1.100			1.100	1.100			1.100					
624	Sửa chữa sân vận động xã; Hạng mục: San nền, đường bê tông lối vào và hạng mục khác	500	350		150	0			0					500	350		150	0			0					
625	Nâng cấp sửa chữa nhà văn hóa Lâm Lộc Bắc	400	280		120	0			0					400	280		120	0			0					
626	KCH kênh B6-VÇ đội 7 Thọ Lộc Bắc (giai đoạn 2)	500	400		100	139	139		0					500	400		100	139	139		0					
627	Đập tràn xử đống Cống Chính - Hà Nhai Bắc	200	160		40	0			0					200	160		40	0			0					
628	Tuyến đường ngõ Năm Ca - Đội 14, Hà Nhai Nam	200	160		40	0			0					200	160		40	0			0					
629	Sửa chữa sân vận động xã: Hạng mục: Mương thoát nước, son, sửa sân khấu, bệ ngồi và hạng mục khác	500	350		150	0			0					500	350		150	0			0					
630	Tuyến đường ngõ Lộc đi ngõ Rơi	300	240		60	90	90		0					300	240		60	90	90		0					
631	Kênh B6-11 đoạn cuối	500	400		100	200	200		0					500	400		100	200	200		0					
632	Sửa chữa nhà văn hóa thôn Hà Trung và tường rào cải tạo từ trường Mẫu giáo	400	288		112	138	138		0					400	288		112	138	138		0					
*	UBND xã Sơn Lập (cũ)	3.639	3.393	0	246	400	400	0	0					13.568	12.265	0	1.303	2.035	2.035	0	0	0	0	0	0	
633	Nâng cấp, mở rộng Nhà văn hoá xã Sơn Lập	770	700	0	70	250	250	0	0					770	700	0	70	250	250	0	0					

TT	Chủ đầu tư/Đầu mỗi giao kế hoạch	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao										Chủ đầu tư/ Đầu mỗi giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh												Ghi chú
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025				Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025					
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó				
			NSTW	NS tỉnh	NS huyện		NSTW	NS tỉnh						NS huyện	NSTW	NST		NS huyện	NSTW		NST	NS huyện			
634	Nâng cấp đập nước Bu	440	400	0	40	0	0	0	0				440	400	0	40	0	0	0	0					
635	Nâng cấp Nhà văn hóa thôn Mang Trầy	495	450	0	45	150	150	0	0				495	450	0	45	150	150	0	0					
636	Hệ thống thoát nước dọc đoạn từ ngã ba Trường PTDTBT TH&THCS Sơn Lập đến nhà ông Đình Bờ Ghi thôn Tà Ngảm	880	843		36	0	0	0	0				880	843		36	0	0	0	0					
637	Sửa chữa tường rào, cổng ngõ, mương thoát nước dọc Trụ sở UBND xã	1.054	1.000	0	54	0	0	0	0				1.054	1.000	0	54	0	0	0	0					
*	UBND xã Sơn Tinh (cũ)	5.494	4.843	0	651	900	900	0	0																
638	Xây dựng Tường rào cổng ngõ và Khu vui chơi cho trẻ Trường Mầm non Sơn Tinh	1.110	1.000	0	110	300	300	0	0				1.110	1.000	0	110	300	300	0	0					
639	Nâng cấp, sửa chữa đập thủy lợi Xã Ruồng	1.111	1.000	0	111	300	300	0	0				1.111	1.000	0	111	300	300	0	0					
640	Mở rộng và nâng cấp Nhà Văn hóa thôn Nước Kia, xã Sơn Tinh	691	643	0	48	0	0	0	0				691	643	0	48	0	0	0	0					
641	Xây dựng đường BTXM nhà ông Hiền - ông Nghén, thôn Bà He, xã Sơn Tinh	985	900	0	85	0	0	0	0				985	900	0	85	0	0	0	0					
642	Xây dựng Công viên cây xanh xã Sơn Tinh	421	300		121	0	0	0	0				421	300		121	0	0	0	0					
643	Xây dựng Công viên cây xanh xã Sơn Tinh (giai đoạn 2)	1.176	1.000	0	176	300	300	0	0				1.176	1.000	0	176	300	300	0	0					
*	UBND xã Sơn Mầu (cũ)	4.434	4.028	0	406	735	735	0	0																
644	Nâng cấp, mở rộng nhà văn hóa thôn Tà Vinh	1.210	1.100	0	110	350	350	0	0				1.210	1.100	0	110	350	350	0	0					
645	Khu vui chơi, giải trí	1.194	1.085	0	109	385	385	0	0				1.194	1.085	0	109	385	385	0	0					

TT	Chủ đầu tư/Đầu mỗi giao kế hoạch	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao									Chủ đầu tư/ Đầu mỗi giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh												Ghi chú			
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025								
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Ngân sách TW		Ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó						
			NSTW	NS tỉnh	NS huyện		NSTW	NS tỉnh						NS huyện	NSTW	NST		NS huyện	NSTW		NST	NS huyện					
646	Nước sinh hoạt (Thôn Tà Vinh)	645	583		61		0	0	0						645	583		61		0	0	0					
647	Kênh mương cánh đồng Ra Oay, thôn Đăk Panh	687	630		57		0	0	0						687	630		57		0	0	0					
648	Kênh mương cánh đồng Tà Vó, thôn Đăk Pao	699	630		69		0	0	0						699	630		69		0	0	0					
*	UBND xã Ba Tô (cũ)	4.065	1.843	2.000	222	220	0	0	220						5.752	5.530	0	222	220	0	0	220					
649	Đường BTXM đi xóm Ra Nhong, thôn Làng Xi 1	1.000	1.000			0									1.000	1.000			0								
650	Đường BTXM đi xóm Gò Lẻ, thôn Làng Ma	843	843			0									843	843			0								
651	Đường BTXM QL24 (km 46) - Tổ 1 thôn Mang Lũng I	280		252	28	28			28						28			28	28			28					
652	Nối tiếp đường BTXM đi Nước Con thôn Trà Nô	740		666	74	73			73						74			74	73			73					
653	Đường BTXM QL24 (Km39) - Khu dân cư Làng Rét - Nước Lâm, thôn Mô Lang	415		374	42	41			41						42			42	41			41					
654	Đường BTXM Rộc Măng - tổ Gò Đụn thôn Làng Ma	587		528	59	58			58						59			59	58			58					
655	Nối tiếp đường BTXM thôn Mang Lũng 1 từ nhà ông Y đến nhà ông Rum	200		180	20	20			20						20			20	20			20					
*	UBND xã Ba Nam (cũ)	1.843	1.843	0	0	0	0	0	0							0	0	0	0	0	0	0					
656	Nâng cấp sửa chữa Đường UBND xã đi Làng Dút	1.000	1.000				0								1.000	1.000			0								
657	Nâng cấp sửa chữa Đường BTXM UBND xã đi Xả Rầu	843	843				0								843	843			0								
	UBND xã Ba Lê (cũ)	1.843	1.843	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0														
UBND xã Ba Tô																											

TT	Chủ đầu tư/Đầu mỗi giao kế hoạch	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao											Chủ đầu tư/ Đầu mỗi giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh												Ghi chú
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025					Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025					
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			
			NSTW	NS tỉnh	NS huyện		NSTW	NS tỉnh	NS huyện						NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện	
658	Tuyến đường nhà ông Ghiệu đi nhà ông Dầy	930	930				0							930	930			0								
659	Kênh nước Lẻ tưới cánh đồng Vả Nu	913	913				0							913	913			0								
*	UBND xã Phố Châu (cũ)	4.629	3.336	800	493	2.319	1.273	800	245	0	0	0	UBND phường Sa Huỳnh	4.629	3.336	800	493	2.319	1.275	800	245	0	0	0	0	
660	Bể chứa nước công trình nước sinh hoạt thôn Châu Me	515	461	0	54	0								515	461	0	54	0								
661	Kênh tiêu Đầm bầu -Bãi lỏ Vĩnh Tuy (GD2)	649	580	0	69	0								649	580	0	69	0								
662	Cầu Ông Phú Tấn Lộc	358	320	0	38	0								358	320	0	38	0								
663	Đường khu 2, 3 đi Đèo Bình Đê thôn Hưng Long	786	700	0	86	0								786	700	0	86	0								
664	Kênh tiêu Đầm bầu- Bãi lỏ Vĩnh Tuy (GD3)	504	450		54	503	449		54					504	450		54	503	449		54					
665	Kênh tiêu Đầm bầu- Bãi lỏ Vĩnh Tuy (GD4)	895	0	800	95	895	0	800	95					895	0	800	95	895	0	800	95					
666	Kênh tiêu Đầm bầu- Tân lộc	921	825	0	96	920	824	0	96					921	825	0	96	920	824	0	96					
*	UBND xã Ba Liên (cũ)	13.893	1.843	10.845	1.205	3.974	0	2.845	1.129	5.650	0	5.650		27.106	7.022	18.015	2.068	12.419	1.275	10.015	1.129	5.650	0	5.650	0	
667	Nối tiếp tuyến BTXM từ trường TH&THCS đi NVH thôn hương Chiền	350		315	35	115		81	34	1		1		350		315	35	115		81	34	1		1		
668	Tuyến đường từ trụ sở UBND xã đi trường TH& THCS	1.147		1.032	115	143		33	110	593		593		1.147		1.032	115	143		33	110	593		593		
669	Nâng cấp tuyến đường từ cầu nước xuôi đi dốc ôi	1.000		900	100	329		234	95	340		340		1.000		900	100	329		234	95	340		340		
670	Kiên cố hóa Kênh mương tại đồng Dốc ôi	1.200		1.080	120	403		288	115	392		392		1.200		1.080	120	403		288	115	392		392		
671	Kè chống sạt lở phía đông suối Đá Chát	1.451		1.306	145	447		307	140	567		567		1.451		1.306	145	447		307	140	567		567		
672	Trường TH&THCS;Hàng mục nhà đa năng	5.476		4.928	548	1.824		1.284	540	3.411		3.411		5.476		4.928	548	1.824		1.284	540	3.411		3.411		

TT	Chủ đầu tư/Đầu mỗi giao kế hoạch	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao										Chủ đầu tư/ Đầu mỗi giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh												Ghi chú	
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025				Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025						
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Ngân sách TW		Ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			
			NSTW	NS tỉnh	NS huyện		NSTW	NS tỉnh	NS huyện						NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST		NS huyện
673	Trường Mầm non Ba Liên;hạng mục bếp ăn đạt chuẩn	1.000		900	100	329		234	95	345		345	UBND xã Ba Động	1.000		900	100	329		234	95	345		345		
674	Nội tiếp BTXM tuyến đường từ trụ sở UBND xã đi trường TH&THCS Ba Liên	426		384	43	384		384		0				426		384	43	384		384		0				
675	Tuyến đường bê tông cầu nước Xuôi đi Nghĩa Địa	900	900			0	0	0	0	0	0	0		900	900			0	0	0	0	0	0	0		
676	BTXM từ nhà ông Hồng đi nhà ông Rừng	200	200			0	0	0	0	0	0	0		200	200			0	0	0	0	0	0	0		
677	BTXM xi măng từ QL 24 đến nhà Ông Bu thôn đá Chát	200	200			0	0	0	0	0	0	0		200	200			0	0	0	0	0	0	0		
678	Xây dựng phòng học,, tường rào, khu vui chơi của trường mầm non Ba Liên	543	543			0	0	0	0	0	0	0		543	543			0	0	0	0	0	0	0		
*	UBND Xã Ba Động (cũ)	11.369	3.336	7.170	863	8.445	1.275	7.170	0	0	0	0														
679	Nâng cấp tuyến đường ngã 3 chợ cũ đi cầu treo thôn Tân Long	835	835			835	835							835	835			835	835							
680	Trường Trung học cơ sở Ba Động. Hạng mục: Tường rào và sân nền	1.222		1.100	122	1.100		1.100						1.222		1.100	122	1.100		1.100						
681	Trường Tiểu học Ba Động. Hạng mục: Nhà vệ sinh học sinh và tường rào	1.200		1.080	120	1.080		1.080						1.200		1.080	120	1.080		1.080						
682	BTXM tuyến đường thôn từ ngã 3 nhà ông Bùi Châu đến nhà ông Lê Văn Long thôn Trường An	256		230	26	230		230						256		230	26	230		230						
683	Trường Mầm non Ba Động. Hạng mục: Bếp ăn	411		370	41	370		370						411		370	41	370		370						

TT	Chủ đầu tư/Đầu mỗi giao kế hoạch	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao											Chủ đầu tư/ Đầu mỗi giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh												Ghi chú
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025					Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025					
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			
			NSTW	NS tỉnh	NS huyện		NSTW	NS tỉnh	NS huyện						NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện	
684	Nối tiếp BTXM đường Ngã 3 chợ cũ đi nhà lưu niệm đồng chí Trần Toại	870		783	87	783		783						870		783	87	783		783						
685	Kiên cố hóa kênh Hồ Rông thôn Suối Loa	800		720	80	720		720						800		720	80	720		720						
686	Nâng cấp đường QL24-cầu Gò Chùa	840		756	84	756		756						840		756	84	756		756						
687	BTXM đường xóm Chùa đi nhà ông Có	200		180	20	180		180						200		180	20	180		180						
688	BTXM đường xóm Chùa đi nhà bà Lê	250		225	25	225		225						250		225	25	225		225						
689	KCH kênh Rộc Bầu - đồng Bà Chánh	843		759	84	759		759						843		759	84	759		759						
690	Sân nền via hè đường vào Ngĩa trang liệt sĩ xã Ba Động	300		210	90	210		210						300		210	90	210		210						
691	Nối tiếp BTXM đường nhà ông Bùi Bảo Hồng đi Bãi Nà thôn Trường An	330		297	33	297		297						330		297	33	297		297						
692	Nối tiếp đường BTXM đường QL24 đi nhà ông Nguyễn Thanh Tuấn	511		460	51	460		460						511		460	51	460		460						
693	Nối tiếp KCH kênh mương Choi Liêm	1.028	1.028			0								1.028	1.028			0								
694	BTXM đường nhà ông Bùi Bảo Hồng đi Bãi Nà thôn Trường An	1.012	1.012			440	440							1.012	1.012			440	440							
695	BTXM đường Ngã 3 chợ cũ đi nhà lưu niệm đồng chí Trần Toại	461	461											461	461											
*	UBND xã Ba Thành (cũ)	1.843	1.843	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0								0	0	0			
696	nối tiếp đường BTXM tuyến Suối Ôn - Ông Xếp	1.046	1.046			0	0	0	0	0	0	0	0	1.046	1.046			0	0	0	0	0	0	0		
697	Nhà văn hóa thôn Huy Ba II	798	798			0	0	0	0	0	0	0	0	798	798			0	0	0	0	0	0	0		
*	UBND xã Ba xã (cũ)	2.028	1.843	0	185	0	0	0	0	0	0	0	0	2.028	1.843	0	185									
698	KCH Kênh Vả Pút	653	593		60									653	593		60									

TT	Chủ đầu tư/Đầu mỗi giao kế hoạch	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao											Chủ đầu tư/ Đầu mỗi giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh												Ghi chú	
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025					Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025						
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó				
			NSTW	NS tỉnh	NS huyện		NSTW	NS tỉnh	NS huyện						NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện		
699	KCH Kênh Nước Pách	385	350		35										385	350		35									
700	BTXM từ nhà ông Rừng đi nhà ông Tín (Tổ 6)	990	900		90										990	900		90									
*	UBND xã Bình Hiệp (cũ)	7.983	3.336	3.200	1.447	5.643	1.275	3.200	1.169						37.275	25.289	3.200	7.718	10.379	4.365	3.200	2.868	0	0	0	0	kế hoạch h vốn trung hạn chưa chuẩ n xác
701	Đường Ngõ Lực - Công Thịnh	572	508		64	0								572	508		64	0									
702	Tuyến đường nhà bà Lê đi đập Đồng Bình	720	640		80	0								720	640		80	0									
703	Tuyến kênh từ đập Đồng Bình đến cống Rộc Trang	495	440		55	0								495	440		55	0									
704	Đường Bình Hiệp - Bình Long	720	640		80	167	167							720	640		80	167	167								
705	Từ nhà ông Dũng (văn hóa) ruộng ông Quang Phú	436	388		49	436	387		49					436	388		49	436	387		49						
706	Chợ Liên Trì xã Bình Hiệp	5.040	720	3.200	1.120	5.040	720	3.200	1.120					2.960	720	1.120	1.120	5.040	720	3.200	1.120						
	UBND xã Bình Thanh (cũ)	10.289	2.628	5.995	1.666	1.946	567	0	1.379																		
707	Đường thôn tuyến Nguyễn Hữu Thọ - Đỗ Thế Vinh	518	461		58	0								518	461		58	0									
708	Đường thôn tuyến đường Ngõ Trăm - Đập Máng	540	480		60	0								540	480		60	0									
709	KCH kênh BM 2-4- 1 nhánh rẽ - đồng Con Mang	450	400		50	0								450	400		50	0									
710	KCH kênh Vượt cấp trạm bơm - Ruộng Gò	540	480		60	0								540	480		60	0									
711	Đường thôn tuyến Ngõ Đức - Ngõ Quý	540	480		60	240	240							540	480		60	240	240								
712	Trường THCS Bình Thanh; hạng mục: Nhà thi đấu đa năng, sân thể thao, công trường, nhà vệ sinh và nhà để xe	5.880	327	4.377	1.176	1.503	327		1.176					3.035	327	1.532	1.176	1.503	327		1.176						
713	Đường thôn tuyến đường Ngõ Sâm - Ngõ Thử	675		600	75	75			75					267		192	75	75		75							

TT	Chủ đầu tư/Đầu mỗi giao kế hoạch	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao											Chủ đầu tư/ Đầu mỗi giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh												Ghi chú
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025				Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025				Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025				Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025				
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			
			NSTW	NS tỉnh	NS huyện		NSTW	NS tỉnh	NS huyện						NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện	
714	KCH kênh KB 12-3 – Lỗ Vọi (đồng Cây Ninh)	741		658	83	83			83				UBND xã Đồng Sơn	313		230	83	83			83					
715	KCH kênh BM 2-1-Đồng Đạt	405		360	45	45			45					171		126	45	45			45					
*	UBND xã Bình Tân Phú (cũ)	3.753	3.336	0	417	1.297	1.221	0	77																	
716	Nâng cấp tuyến đường từ tỉnh lộ 621 đi khu kinh tế mới xã Bình Tân Phú (đoạn còn lại)	518	461		58	0								518	461		58	0								
717	BTXM tuyến đường nhà ông Nguyễn Văn Đường nối đường Dung Quất - Sa Huỳnh, thôn Phú Nhiều 1	1.227	1.090		136	0								1.227	1.090		136	0								
718	Nâng cấp tuyến đường Đại Lộc - Xóm Vườn xã Bình Tân Phú	796	708		89	198	198							796	708		89	198	198							
719	Đường BTXM tuyến xóm Ba, thôn Liềm Quang đi thôn Phú Nhiều 2 (nối dài)	690	613		77	690	613		77					690	613		77	690	613	77						
720	Nâng cấp tuyến Ngõ Bảy Tạ đi giếng Ông Cho	522	464		58	410	410							522	464		58	410	410							
*	UBND xã Bình Châu (cũ)	17.186	12.680	0	3.437																					
721	Trường Mẫu giáo Bình Châu (cụm đồng Tri)	6.500	5.200		1.300									6.500	5.200		1.300									
722	Trung tâm thể thao xã	7.986	5.590		1.597									7.986	5.590		1.597									
723	Nhà văn hóa thôn Châu Bình	900	630		180									900	630		180									
724	Nhà văn hóa thôn Tân Đức	900	630		180									900	630		180									
725	Nhà văn hóa thôn Châu Thuận Biển	900	630		180									900	630		180									
*	UBND xã Tịnh Hoà (cũ)	4.059	3.309	0	751	1.492	1.248	0	244	0	0	0														

TT	Chủ đầu tư/Đầu mỗi giao kế hoạch	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao											Chủ đầu tư/ Đầu mỗi giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh												Ghi chú
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025					Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025					
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			
			NSTW	NS tỉnh	NS huyện		NSTW	NS tỉnh	NS huyện						NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện	
726	BTXM tuyến từ ngã 3 nhà ông Thanh đi nhà ông Phạm Một, rẽ nhà ông Cừ và nhà ông Cần	564	461		104									564	461		104									
727	BTXM tuyến đường từ nhà Hồ Vàng đi nhà bà Nguyễn Thị Bé	325	265		60									325	265		60									
728	BTXM tuyến từ nhà ông Đỗ Đình Chính đi đường bê tông Phạm Sáu	294	240		54									294	240		54									
729	BTXM tuyến từ Nhà bà Nguyễn Thị Bông đến nhà ông Dương Luận	182	149		33									182	149		33									
730	BTXM tuyến đường từ kênh B10 đi Ngõ Lập	325	265		60									325	265		60									
731	BTXM đường nội đồng tuyến từ nhà ông Phạm Sứy đến kênh B10 VC9 Gò Cần	882	720		162	831	720		111					882	720		162	831	720		111					
732	BTXM đường nội đồng tuyến Đồng Phạm	647	528		119	611	528		83					647	528		119	611	528		83					
733	BTXM và hệ thống thoát nước đoạn từ Bưu Điện đến giáp UBND xã	448	361		87	23			23					448	361		87	23			23					
734	BTXM tuyến đường từ đường ĐH521 đến Hợp tác xã Hòa Tây	391	320		72	27			27					391	320		72	27			27					
*	UBND xã Trà Thủy (cũ)	9.613	1.843	7.089	680	5.011	0	4.539	472	1.600	0	1.600		11.585	3.686	7.089	810	5.011	0	4.539	472	1.600	0	1.600	0	kế hoạc h vốn trung hạn chưa chuẩ n xác
735	Đường BTXM từ nhà ông Hồ Văn Kim tổ 16A, thôn 5 đến giáp đường BTXM tổ 15, thôn 5	1.009	943		66	0				0				1.009	943		66	0			0					
736	Nâng cấp đường BTXM từ Quốc lộ 24C đi nhà ông Hùng Sương	963	900		63	0				0				963	900		63	0			0					

TT	Chủ đầu tư/Đầu mỗi giao kế hoạch	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao										Chủ đầu tư/ Đầu mỗi giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh											Ghi chú		
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025				Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025						
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Ngân sách TW		Ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			
			NSTW	NS tỉnh	NS huyện		NSTW	NS tỉnh	NS huyện						NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện		NSTW		NST	NS huyện
737	Xây mới nhà vệ sinh của 6 nhà văn hóa thôn	1.455		1.350	105	850		750	100	122		122	UBND xã Trà Bồng	1.455		1.350	105	850		750	100	122		122		
738	Chỉnh trang tường rào, cổng ngõ, sân vườn trụ sở UBND xã	1.067		990	77	712		640	72	8		8		1.067		990	77	712		640	72	8		8		
739	Đường vào khu chôn cất thôn 2,3	5.118		4.749	369	3.449		3.149	300	1.470		1.470		5.118		4.749	369	3.449		3.149	300	1.470		1.470		
*	UBND xã Trà Sơn (cũ)	1.973	1.843	0	129	0	0	0	0	0	0	0											0			
740	Đường dân sinh thôn Trung	856	800		56	0				0				856	800		56	0			0					
741	Đường điện tổ 5, thôn Sơn Bàn	1.117	1.043		73	0				0				1.117	1.043		73	0			0					
*	UBND xã Ba Trang (cũ)	1.843	1.843	0	0	0	0	0	0				UBND xã Đặng Thủy Trám	3.687	3.687	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
742	Nối tiếp BTXM tuyến đường Lăng Leo đi Bù Hui.	843	843											843	843			0								
743	Bê tông xi măng đường Sa Lung đi Tài Lui.	1.000	1.000											1.000	1.000			0								
*	UBND xã Ba Khâm (cũ)	1.843	1.843		0												0			0						
744	Nâng cấp sân vận động xã (xây dựng tường rào, cổng ngõ)	1.050	1.050											1.050	1.050			0								
745	Nối tiếp kênh mương Cây Khế thôn Đồng Rằm, xã Ba Khâm	793	793											793	793			0								
*	UBND xã Đức Nhuận, Đức Hiệp, Thắng Lợi	19.310	12.635	6.675	0	5.072	4.392	680	0	0	0	0		21.360	12.635	8.725	0	7.122	4.392	2.730	0	0	0	0		
746	Đ.Xã: Các hệ thống cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, gờ giảm tốc độ, cây xanh, đèn chiếu sáng...) tại các tuyến đường xã. Gồm có 9 tuyến đường.	336	336			0								336	336			0								

TT	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao												Chủ đầu tư/ Đầu mỗi giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh												Ghi chú
	Chủ đầu tư/Đầu mỗi giao kế hoạch	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025							
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			
			NSTW	NS tỉnh	NS huyện		NSTW	NS tỉnh	NS huyện						NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện	
747	Đ. Xã BTXM: Nâng cấp tuyến đường trung tâm xã từ Nhà văn hóa thôn Kỳ Tân đến ngã tư ông tâm (GD 1)	960		960		0								960		960		0								
748	Đ. Xã BTXM: Tuyến ven biển KDV Trùng dương - Trạm biên phòng Đức Lợi (GD 3)	920		920		0								920		920		0								
749	Đ. Xã BTXM: Nâng cấp tuyến đường ngã tư Vinh Phú - KDV Trùng Dương	960		960		0								960		960		0								
750	Đ. Xã BTXM: Tuyến Lê Minh Chín - Lê Văn Thor	640		640		0								640		640		0								
751	Đ. xã: Tuyến ven biển Khu dịch vụ Trùng Dương - Tràm Biên phòng Đức Lợi (giai đoạn 4)	877	877			237	237							877	877			237	237							
752	Đ. thôn BTXM: Nâng cấp tuyến đường Trường Mầm non Đức Lợi - Phạm Tấn An	480	480			130	130							480	480			130	130							
753	Đ. Xã: BTXM tuyến Ngõ Ngọc - Ngõ Huy	576	576			199	199							576	576			199	199							
754	Đ. Xã: BTXM tuyến Ngõ Quỳnh - Ngõ Tọa	480	480			0								480	480			0								
755	Đ. thôn BTXM tuyến Trần Bài - Lương Giảng	225	225			155	155							225	225			155	155							
756	Đ. thôn BTXM tuyến ngõ Hết - Thi	168	168			118	118							168	168			118	118							
757	Đ. thôn tuyến Lương Thạch Nghĩa - Dương Trượng	114	114			0								114	114			0								
758	Đ. thôn tuyếnNgõ Chư - Lê Tuấn Huệ	532	532			0								532	532			0								

TT	Chủ đầu tư/Đầu mỗi giao kế hoạch	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao											Chủ đầu tư/ Đầu mỗi giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh												Ghi chú	
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025					Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025				Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025					
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó				
			NSTW	NS tỉnh	NS huyện		NSTW	NS tỉnh	NS huyện						NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện		
759	Đ. thôn BTXM tuyến Ngõ Nghiêm - Ngõ Ba (giai đoạn 2)	168	168			0									168	168			0								
760	Đ. thôn BTXM tuyến Chuyên - Khuê	293	293			0									293	293			0								
761	Đ. thôn BTXM tuyến Lê Mỹ Sương - Hồ Thị Dung	262	262			262	262								262	262			262	262							
762	Củng hóa tuyến Đổ Đàng Tuấn - Hồ Thị Dung	132	132			132	132								132	132			132	132							
763	Đ. Thôn, tuyến Nguyễn Thanh Tâm - Nguyễn Boc	290	290			290	290								290	290			290	290							
764	Đ xã, BTXM tuyến ven biển KDV Trùng Dương - Trạm Biên phòng Đức Lợi (gđ 5)	680		680		680		680							680		680		680		680						
765	Đường xã, tuyến UBND xã đi bãi Dầu (Phước Sơn - Phú An)	1.087	1.087			0									1.087	1.087			0								
766	Cổng phục vụ vùng sản xuất bãi Dầu	872	872			572	572								872	872			572	572							
767	Đường và kè chống lũ thôn Phú An	916	916			703	703								916	916			703	703							
768	Hệ thống mương tiêu nước vùng SXNN xóm C, xã Đức Lợi, huyện Mộ Đức	800		800		0									800		800		0								
769	KCH tuyến kênh đồng Bến Bè	320	320			70	70								320	320			70	70							
770	KCH kênh S18-2 - Gò Vo - Đồng Gò	463	463			0									463	463			0								
771	KCH kênh Nhị Cầu Cát - Trước Viên Ngõ Hàn	369	369			369	369								369	369			369	369							
772	KCH tuyến kênh S18-2-5-4 (GĐ 4)	120	120			120	120								120	120			120	120							
773	KCH tuyến kênh S18-2-5 nối dài	220	220			120	120								220	220			120	120							
774	Kênh S18-2A, xã Đức Hiệp	461	461			0									461	461			0								

TT	Chủ đầu tư/Đầu mỗi giao kế hoạch	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao										Chủ đầu tư/ Đầu mỗi giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh												Ghi chú	
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025				Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025						
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Ngân sách TW		Ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			
			NSTW	NS tỉnh	NS huyện		NSTW	NS tỉnh	NS huyện						NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST		NS huyện
775	Hệ thống thoát nước tuyến đường trung Tâm xã (GD 2)	510		510		0								510		510		0								
776	Hệ thống điện chiếu sáng đường trung tâm xã	490	125	365		0								490	125	365		0								
777	Hệ thống điện khu sản xuất Mã Ca	78	78			78	78							78	78			78	78							
778	Xây dựng Công viên văn hóa, điểm dừng chân tại Cửa Lớ, thôn An Chuẩn, xã Đức Lợi	490	490			130	130							490	490			130	130							
779	Nhà văn hóa thôn Mỹ Khánh	735	735			0								735	735			0								
780	Sân vận động thể thao xã Đức Nhuận	461	461			0								461	461			0								
781	Nhà Văn hóa, sân thể thao thôn 5	280	280			0								280	280			0								
782	Sửa chữa, nâng cấp các điểm sinh hoạt văn hóa tại các nhà văn hóa thôn, xã Đức Nhuận	708	708			708	708							708	708			708	708							
783	Trường Mầm non Đức Lợi	840		840										840		840										
784	Điều chỉnh, bổ sung (đợt 2) cho UBND xã Long													2.050		2.050		2.050		2.050						
*	UBND xã Bình Minh (cũ)	3.779	3.293	0	486	564	564	0	0	0	0	0	0	8.567	6.639	0	1.928	1.135	1.135	0	0	0	0	0	0	0
785	Nâng cấp sân nền, xây dựng tường rào, bê tông phần sân nền phần còn lại, lát gạch vỉa hè nhà văn hóa Tân Phước Đông	593	461		132	0								533	401		132									
786	Tuyến đường nhà ông Trọng đến suối bà Hiền + 02 công thoát nước ngang đường	2.385	2.120		265	463	463							2.117	1.852		265	463	463							

TT	Chủ đầu tư/Đầu mỗi giao kế hoạch	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao											Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh													Ghi chú	
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025				Chủ đầu tư/ Đầu mỗi giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025						
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	Tổng số		Trong đó			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó						
			NSTW	NS tỉnh	NS huyện		NSTW	NS tỉnh						NS huyện	NSTW	NST		NS huyện	NSTW		NST	NS huyện	NSTW	NST	NS huyện		
787	Chỉnh trang các tuyến đường trồng cây xanh, điện chiếu sáng, biển báo giao thông và dụng cụ thể thao thôn Tân Phước Đông	801	712		89	101	101									708	619		89	101	101						
*	UBND xã Bình Khương (cũ)	3.676	2.926	0	751	567	567									0				0							
788	Đường xã tuyến nhà ông Minh - UBND xã (giai đoạn 2)	297	264		33	0										264	231		33	0							
789	Nâng cấp, sửa chữa kênh từ Bờ Trảng đến Ruộng Phán	221	197		25	0										197	172		25	0							
790	Trường Mẫu giáo Bình Khương - Cơ sở Trà Lâm; Hạng mục: Xây dựng hồ chứa nước ngầm, thiết bị Phòng cháy chữa cháy	400	320		80	0										360	280		80	0							
791	Khu thể thao và trang thiết bị thể thao trung tâm xã	900	700		200	0										809	609		200	0							
792	Nhà văn hóa thôn Phước An	1.858	1.445		413	567	567									1.677	1.264		413	567	567						
*	UBND xã Bình An (cũ)	2.074	1.383	0	691	0										0				0							
793	Nghĩa trang nhân dân xã (điểm Phúc Lâm)	1.036	691		345	0										950	604		345	0							
794	Nghĩa trang nhân dân xã (điểm Thọ An)	1.038	692		346	0										951	605		346	0							
*	UBND xã Phố Khánh (cũ)	19.544	708	15.200	3.636	1.696	708	800	188	0	0	0				25.992	3.336	18.592	4.065	5.826	1.275	4.192	359	0	0	0	0
795	Xây dựng tuyến đường Quốc lộ 1 - Phước Điện.	1.002		779	223											1.002		779	223								
796	Tuyến QL1 - xóm 8B - Rừng Tre (giai đoạn 2).	590		459	131											590		459	131								

TT	Chủ đầu tư/Đầu mỗi giao kế hoạch	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao											Chủ đầu tư/ Đầu mỗi giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh												Ghi chú
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025							
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	Tổng số		Trong đó			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó					
			NSTW	NS tỉnh	NS huyện		NSTW	NS tỉnh						NS huyện	NSTW	NST		NS huyện	NSTW		NST	NS huyện	NSTW	NST	NS huyện	
797	Tuyến đường từ xóm 33- xóm 31, Qui Thiện (giai đoạn 2).	999		777	222									999		777	222									
798	Tuyến cầu xóm 8B, Diên Trường - Xóm 9B, Phú Long.	1.008		784	224									1.008		784	224									
799	Tuyến Ngã tư xóm 32 - Đến điểm di tích Tàu Không Số, Qui Thiện.	990		770	220									990		770	220									
800	Tuyến đường từ chợ Trung tâm - Vườn Bạch - xóm 19, Trung Sơn	972		756	216									972		756	216									
801	Tuyến đường từ chợ Trung Tâm - Bàu Súng, Trung Sơn.	936		728	208									936		728	208									
802	Tuyến đường QL1- xóm 5 - Nhà ông Năng Diên Trường (giai đoạn 2).	923		718	205									923		718	205									
803	Tuyến đường từ nhà ông Lân - Đập ông Sỹ, Vĩnh An.	967		752	215									967		752	215									
804	Tuyến đường QL1- xóm 4 - Nhà ông Năng, Diên Trường (giai đoạn 3).	945		735	210									945		735	210									
805	Tuyến đường nhà ông Lung xóm 13 - giáp tuyến đường cầu xóm 8B - xóm 9B.	991		771	220									991		771	220									
806	Tuyến đường xóm 20 Trung Sơn - xóm 15, Trung Hải.	971		755	216									971		755	216									
807	Tuyến xóm 14 nghĩa địa Trung Hải	905		704	201									905		704	201									
808	Tuyến đường từ nhà văn hóa thôn Qui Thiện- đi ra Biển	1.026		798	228									1.026		798	228									
809	Tuyến ngã 5 Phước Diên - xóm 27, Vĩnh An (giáp đường ĐH47)	1.009		785	224									1.009		785	224									

TT	Chủ đầu tư/Đầu mỗi giao kế hoạch	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao											Chủ đầu tư/ Đầu mỗi giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh												Ghi chú	
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025				Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025				Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025				Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025					
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó				
			NSTW	NS tỉnh	NS huyện		NSTW	NS tỉnh	NS huyện						NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện		
810	Đường Nội đồng cấp phối từ hạ lưu Cầu ông Văn - Cầu xóm 8B, Diên Trường; Đường xóm 8A- Cầu ông Văn	472		394	79								UBND xã Khánh Cường	472		394	79										
811	Tuyến đường từ xóm 8A, Diên Trường - xóm 19 - xóm 20, Trung Sơn.	565		471	94									565		471	94										
812	Trung tâm văn hóa thể dục thể thao xã	896		784	112									896		784	112										
813	Nhà Văn hóa thôn Diên Trường.	240		240	0									240		240	0										
814	Nhà văn hóa thôn Phú Long.	240		240	0									240		240	0										
815	Nhà văn hóa thôn Trung Hải.	240		240	0									240		240	0										
816	Nhà văn hóa thôn Trung Sơn.	240		240	0									240		240	0										
817	Nhà văn hóa thôn Phước Điền.	240		240	0									240		240	0										
818	Nhà văn hóa thôn Quý Thiện.	240		240	0									240		240	0										
819	Nhà văn hóa thôn Vĩnh An.	240		240	0									240		240	0										
820	Tuyến đường QL1A đi xóm 7 Hồ Diên Trường xã Phở Khánh	796	708		88	796	708		88					796	708		88	796	708		88						
821	Kiên cố hóa tuyến kênh, mương thoát KDC số 3, thôn Diên Trường	900		800	100	900		800	100					900		800	100	900		800	100						
*	UBND xã Phở Cường (cũ)	3.857	2.628	800	429	1.538	567	800	171	0	0	0									0	0	0				
822	Xây dựng đập dâng suối xóm 1, thôn Thủy Thạch	518	461		58									518	461		58										
823	KCH tuyến kênh từ Ao Vuông - Nhà ông Liều	788	700		88								788	700		88											
824	KCH tuyến kênh đồng Càn Cung - đồng Gò Đá	1.013	900		113								1.013	900		113											

TT	Chủ đầu tư/Đầu mỗi giao kế hoạch	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao											Chủ đầu tư/ Đầu mỗi giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh												Ghi chú
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025					Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025					
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			
			NSTW	NS tỉnh	NS huyện		NSTW	NS tỉnh	NS huyện						NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện	
825	Tuyến đường Mỹ Trang đi Lâm Bình (đoạn từ QL1- giáp đường tránh đông)	900		800	100	900		800	100					900		800	100	900		800	100					
826	Tuyến đường từ cầu đập Làng Nam đi KDC 6 Thanh Sơn - Đường công vu hồ Huân Phong.	638	567		71	638	567		71					638	567		71	638	567		71					
826	Điều chỉnh, bổ sung vốn (đợt2) cho xã Khánh													2.592		2.592		2.592		2.592						
*	UBND xã Phố An (cũ)	9.701	2.628	5.995	1.078	638	567	0	71					14.021	5.256	6.978	1.787	1.277	1.135	0	142	0	0	0	0	0
827	Kiên cố hóa kênh mương triển cát Quản Huân, hội An 1	963		856	107									963		856	107									
828	Kiên cố hóa kênh mương Cầu Bà Bộ đi Ba Gò thôn An Thạch.	963		856	107									963		856	107									
829	Kiên cố hóa kênh mương Gò Tim đi trạm bơm, thôn Hội An 1	945		840	105									945		840	105									
830	Kiên cố hóa kênh mương đội đội xóm 8, thôn An	756	461	211	84									756	461	211	84									
831	Kiên cố hóa kênh mương N10 đi mương tiêu, đội 3, thôn An Thổ.	855		760	95									855		760	95									
832	Kiên cố hóa kênh mương Triển cát, đội 7, thôn An Thổ	855		760	95									855		760	95									
833	Tuyến kênh Gò Soáy đi mương tiêu đội 4, thôn An Thổ	963		856	107									963		856	107									
834	Kiên cố hóa kênh mương Bầu Đưng đi mương tiêu, thôn Hội An 2	963		856	107									963		856	107									
835	Kiên cố hóa kênh mương Đội 5 đi Sông Thoa	1.013	900		113									1.013	900		113									

TT	Chủ đầu tư/Đầu mỗi giao kế hoạch	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao											Chủ đầu tư/ Đầu mỗi giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh												Ghi chú
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025							
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			
			NSTW	NS tỉnh	NS huyện		NSTW	NS tỉnh	NS huyện						NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện	
836	Kiên cố hóa kênh mương Đội 6 đi Sông Thoa Gò Soáy đi mương tiêu đôi 4, thôn An Thổ	788	700		88								UBND phường Trà Cau	788	700		88									
837	Kiên cố hóa kênh mương Hội An 2 đi Sông Thoa (giai đoạn 2)	638	567		71	638	567		71					638	567		71	638	567		71					
*	UBND xã Phổ Thuận (cũ)	4.320	2.628	984	708	638	567	0	71																	
838	KCH kênh từ Rộc Lữ - Nã Gò xuống mương Cầu Vinh Hiền (giai đoạn 1)	816			725	91	0							816			725	91	0							
839	KCH Kênh sau Nhà bà Thu - Kênh N8 Bis (giai đoạn 1)	809	461		258	90	0							809	461		258	90	0							
840	KCH kênh từ Rộc Lữ - Nã Gò xuống mương Cầu Vinh Hiền (giai đoạn 2)	0				0								0				0								
841	KCH Kênh từ nhà ông Lê - Đường xe lửa	0				0								0				0								
842	KCH Kênh từ đồng Ga trong - Đồng Ga ngoài	0				0								0				0								
843	KCH Kênh từ Phạm Tiến An - Mười Giao	0				0	0							0				0	0							
844	KCH Kênh từ Kênh N10+1 đi Đình Tế (giai đoạn 1)	0				0	0							0				0	0							
845	KCH Kênh từ nhà ông Đông - Cổng Bàu Lát (giai đoạn 1)	0				0	0							0				0	0							
846	Nhà văn hóa, sân thể thao thôn Thiệp Sơn	900	700			200	0							900	700			200	0							
847	Nhà văn hóa, sân thể thao thôn An Định	1.157	900			257	0							1.157	900			257	0							
848	KCH Kênh từ kênh N8 - Vườn ông Tinh	638	567			71	638	567		71				638	567			71	638	567		71				

TT	Chủ đầu tư/Đầu mỗi giao kế hoạch	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao											Chủ đầu tư/ Đầu mỗi giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh												Ghi chú
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025				Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025				Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025				Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025				
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			
			NSTW	NS tỉnh	NS huyện		NSTW	NS tỉnh	NS huyện						NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện	
*	UBND xã Tịnh An Tây (cũ)	4.906	2.628	984	1.294	250	243	0	7	0	0	0	UBND	11.918	8.175	984	2.760	2.507	1.993	0	514	0	0	0	0	
849	Xử lý đọng nước bằng cống hộp và nâng cấp mặt đường từ ngã ba Chùa Linh Quang xuống đường dẫn Cầu Thạch Bích (200)m)	790	0	645	145	0								787	0	645	142	0								
850	Xử lý đọng nước bằng cống hộp và nâng cấp mặt đường từ ngã ba đường dẫn cầu Thạch Bích đến Soi Đông Dương (280m)	980	461	339	180	0								976	461	339	176	0								
851	Nâng cấp tuyến đường BTXM Ngõ Bà Đình - Sân Kho (600m)	500	408		92	107	107							477	390		87	107	107							
852	Xử lý đọng nước bằng cống hộp và nâng cấp mặt đường từ ngõ Lê Ngọc Linh - Ngõ ông Đỗ Hào	549	448		101	143	136		7					539	440		99	143	136		7					
853	Nghĩa trang liệt sỹ xã Tịnh An Tây	1.764	1.080		684	0								1.696	1.020		676	0								
854	Sửa chữa nâng cấp tường rào cổng ngõ, sân nền và lắp đặt thiết bị TDDT nhà văn hóa thôn Thống Nhất	324	231		93	0								0	0		0	0								
*	UBND Xã Tịnh An (cũ)	3.219	2.628	0	591	674	588	0	86	0	0	0														
855	Tuyến từ đường Trần Văn Trà - Ngõ Phạm Hải (đoạn từ vườn Hoang - Ngõ bà Thành)	564	461		104	0							564	461		104	0									

TT	Chủ đầu tư/Đầu mỗi giao kế hoạch	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao											Chủ đầu tư/ Đầu mỗi giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh											Ghi chú	
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025					Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025					
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			
			NSTW	NS tỉnh	NS huyện		NSTW	NS tỉnh	NS huyện						NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST		NS huyện
856	Nâng cấp sửa chữa tuyến từ đường Trần Văn Trà - Ngõ Phạm Hải (đoạn từ Ngõ bà Thành - Ngõ Phạm Hải)	862	704		158	0								845	690		155	0								
857	Nâng cấp sửa chữa tuyến đường ngõ Đình Tấn Hùng - Trạm biến thế I xã Tịnh An	593	484		109	202	184		18					581	475		106	202	184		18					
858	Nâng cấp sửa chữa các tuyến đường thôn Tân Mỹ (02 tuyến)	200	163		37	265	216		49					265	216		49	265	216		49					
859	Nâng cấp sửa chữa các tuyến đường thôn Long Bàn (03 tuyến)	647	528		119	207	188		19					624	510		114	207	188		19					
860	BTXM tuyến Lý Đà đến Sa Kiêu - Phạm Cự đến Tịnh Long	353	288		65	0								345	281		64	0								
*	UBND xã Tịnh Ấn Đông (cũ)	4.210	3.336	0	874	1.583	1.162	0	421	0	0	0									0	0	0			
861	KCH tuyến kênh ngõ bà Hoàng - ngõ Quang (thôn Đoàn Kết-Hạnh Phúc)	564	461		104	0								557	461		96	0								
862	KCH tuyến kênh Miếu đội 3 - Đồng Gò Nghi	431	352		79	469	346		123					473	350		123	469	346		123					
863	KCH tuyến kênh mương Cây Bưư (Bình Đăng)	377	308		69	22	22							372	303		69	22	22							
864	KCH tuyến kênh B8-11 - Ao Dương (Đoàn Kết)	809	660		149	809	578		231					831	600		231	809	578		231					
865	KCH tuyến kênh chính đồng Gò Nghi (Hoà Bình)	1.038	847		191	45	10		35					1.018	831		187	45	10		35					
866	Bê tông sân nền và lắp đặt thiết bị TDTT ngoài trời Nhà văn hóa xã	991	708		283	239	207		32					969	686		283	239	207		32					
*	UBND xã Tịnh Thọ (cũ)	3.834	3.336	0	498	1.275	1.275	0	0	0	0	0		12.538	5.964	4.100	2.474	5.942	1.842	4.100	0	0	0	0	0	0

TT	Chủ đầu tư/Đầu mỗi giao kế hoạch	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao											Chủ đầu tư/ Đầu mỗi giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh												Ghi chú
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025					Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025					
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			
			NSTW	NS tỉnh	NS huyện		NSTW	NS tỉnh	NS huyện						NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện	
867	Tuyến Kênh B5A2	598	503		95	0								598	503		95	0								
868	Tuyến kênh VC2B5	532	448		84	0								532	448		84	0								
869	Đường trục thôn; Tuyến TL622C - Ngõ 3 Thọ	950	800		150	0								950	800		150	0								
870	Tuyến đường Trường Mái bằng - Trường Thọ, Phú Hậu	1.005	836		169	526	526							1.005	836		169	526	526							
871	Đường trục thôn; Tuyến Nhà sinh hoạt xóm 1 Thọ Nam - Tịnh Sơn	749	749			749	749							749	749			749	749							
*	UBND xã Tịnh phong (cũ)	8.704	2.627	4.100	1.976	4.667	567	4.100	0	0	0	0							0	0	0	0				
872	Đường xã: Tuyến mường B10 - Bình Tân (đoạn còn lại)	1.000	780		220	0								1.000	780		220	0								
873	Nâng cấp tuyến đường thôn: Tuyến ngã ba ĐH15 - KCN VSIP	475	200	200	75	200		200						475	200	200	75	200		200						
874	Nâng cấp tuyến đường xã: Ngõ Bà Định - Tịnh Ân Đông (đoạn còn lại)	500	50	350	100	350		350						500	50	350	100	350		350						
875	Nâng cấp, sửa chữa tuyến đường Đình Huân - Nguyễn Thị Thỉnh	950	200	600	150	600		600						950	200	600	150	600		600						
876	Tuyến QL1A - Phạm Trúc (đoạn còn lại)	570	100	380	90	380		380						570	100	380	90	380		380						
877	Nâng cấp, sửa chữa đường xã, tuyến: Trường Thọ - Thuận Yên (Bình Tân)	1.628	738	670	220	709	39	670						1.628	738	670	220	709	39	670						
878	Tuyến đường xã: Ngõ Đình Phụng - Ra Miếu (nối dài giáp với Tịnh Ân Đông)	500	400		100	0								500	400		100	0								
879	Kiên cố hóa tuyến mường chính của xứ đồng Gò Mạ, thôn Phú Lộc	200	160		40	0								200	160		40	0								

TT	Chủ đầu tư/Đầu mỗi giao kế hoạch	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao											Chủ đầu tư/ Đầu mỗi giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh												Ghi chú	
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025					Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025						
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó				
			NSTW	NS tỉnh	NS huyện		NSTW	NS tỉnh	NS huyện						NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện		
880	KCH tuyến kênh B8-9-Đường Cái Mót (đoạn còn lại)	490		400	90	480	80	400						490		400	90	480	80	400							
881	Tuyến đường Huỳnh Tấn Hùng - Lê Đức Duy	408			408	23	23							408			408	23	23								
882	Nâng cấp, sửa chữa tuyến đường Xóm 3 - xóm 2, thôn Phong Niên Hạ	290		200	90	345	145	200						290		200	90	345	145	200							
883	Tuyến ngã ba đường Thề Lợi, Tịnh Hòa, Nguyễn Hữu	313		260	53	280	20	260						313		260	53	280	20	260							
884	Tuyến đường Trương Thị Loan - Mương B10	425		320	105	560	240	320						425		320	105	560	240	320							
885	Nâng cấp, sửa chữa tuyến đường Ba Tân Gân đi nhà Trần Đức Lưu	360		300	60	320	20	300						360		300	60	320	20	300							
886	Nâng cấp, sửa chữa tuyến đường Quốc lộ 1A - Mương B10	310		210	100	210		210						310		210	100	210		210							
887	Tuyến Nguyễn Tấn Thành - Nguyễn Thăng Long	285		210	75	210		210						285		210	75	210		210							
*	UBND xã Trà Thanh (cũ)	1.972	1.843	0	129									5.972	5.530	0	442	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
888	Trang thiết bị nhà văn hóa 04 thôn	963	900		63									963	900		63										
889	Nước sinh hoạt tổ 7 thôn Gổ	1.009	943		66									1.009	943		66										
*	UBND xã Trà Hiệp (cũ)	1.972	1.843	0	129																						
890	Đường bê tông xi măng Khu tái định cư Tpot Tket thôn Cả	974	910		64									974	910		64										
891	Đường bê tông xi măng Tuyến Nhà ông Thanh đến Nhà Ông Thuận tổ 1 thôn Cả	999	933		65									999	933		65										
*	UBND xã Trà Lâm (cũ)	2.028	1.843	0	184																						

UBND xã Thanh Bồng

TT	Chủ đầu tư/Đầu mỗi giao kế hoạch	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao											Chủ đầu tư/ Đầu mỗi giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh												Ghi chú
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025							
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			
			NSTW	NS tỉnh	NS huyện		NSTW	NS tỉnh	NS huyện						NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện	
892	Nối tiếp đường BTXM từ tỉnh lộ 622B đi tổ 1,2,3 thôn Trà Lạc điểm cuối đến Nước Ló	1.056	960		96									1.056	960		96									
893	Nhà văn hóa thôn Trà Khương	972	883		88									972	883		88									
*	UBND xã Đức Hoà (cũ)	4.128	2.628	1.500	0	2.067	567	1.500	0					21.091	11.497	9.595	0	5.302	1.702	3.600	0	0	0	0	0	0
894	Đ.Xã: Các hệ thống cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, gờ giảm tốc độ, cây xanh, đèn chiếu sáng...) tại các tuyến đường xã.	328	328			328	328	0						328	328			328	328	0						
895	Các hệ thống cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, gờ giảm tốc độ, cây xanh, đèn chiếu sáng...) tại các tuyến đường thôn.	800	400	400		400		400						800	400	400		400		400						
896	Tuyến Phước Mỹ - Phước Điện	650		650										650		650										
897	Cảnh quan vỉa hè và cây xanh trung tâm xã	335	335			335		335						335	335			335		335						
898	Điêm hạ tầng, vui chơi, trang thiết bị nhà văn hóa các thôn và nhà văn hóa xã	315	315			315		315						315	315			315		315						
899	Tuyến kênh S18- 1B - Bầu Trà	0				0								0				0								
900	Tuyến kênh Mẫu Cần	0				0								0				0								
901	Trường Mầm non Đức Hòa	800	800			240	240	0						800	800			240	240	0						
902	Trường Mầm non Đức Hòa (Nhà bảo vệ và sửa chữa các hạng mục)	900	450	450		450	0	450						900	450	450		450	0	450						
*	UBND xã Đức Phú	4.728	2.628	2.100	0	2.667	567	2.100	0																	
903	Đ.Xã: Nâng cấp tuyến đường Phước Hòa – Mạch Điều.	800	800			0	0	0						800	800			0	0	0						

TT	Chủ đầu tư/Đầu mỗi giao kế hoạch	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao												Chủ đầu tư/ Đầu mỗi giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh												Ghi chú
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025				Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025					Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025				Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025				
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	Tổng số		Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó				
			NSTW	NS tỉnh	NS huyện		NSTW	NS tỉnh	NS huyện						NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện		
904	Đ. Xã: Các hệ thống cần thiết (biển báo, gờ giảm sóc..) trên các tuyến đường xã	512	512			309	309	0							512	512		309	309	0							
905	Đ.Xã: BTXM tuyến ông Danh - Nhà Ông Dư	640		640		640	0	640							640		640	640	0	640							
906	Sân vận động thể dục thể thao xã Đức Phú	436	436			259	259	0							436	436		259	259	0							
907	Trường Mầm non Đức Phú	1.200		1.200		1.200	0	1.200							1.200		1.200	1.200	0	1.200							
908	Cảnh quan môi trường nông thôn trên địa bàn xã	420	420			0	0	0							420	420		0	0	0							
909	Chợ Đường Mương	260		260		260	0	260							260		260	260	0	260							
910	Cơ sở hạ tầng công trình bảo vệ môi trường, chống ô nhiễm các thôn, xã Đức Phú	461	461												461	461											
*	UBND Đức Tân	8.623	2.628	5.995	0	567	567	0	0																		
911	Đ.Xã: Tuyến xóm Đồng - đường tránh Đồng (GĐ 2)	807	807			107	107	0							807	807		107	107	0							
912	Đ.Thôn: Tuyến Ngõ Triệu - Gò Nế (Gđ 2)	360	360			80	80	0							360	360		80	80	0							
913	Đ.Thôn: Tuyến xóm Thanh Thủy	280	280			30	30	0							280	280		30	30	0							
914	Hệ thống cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, gờ giảm tốc độ, cây xanh, đèn chiếu sáng...) tại các tuyến đường xã + thôn. Gồm có 11 tuyến đường xã + 40 tuyến đường thôn	792	461	331											792	461	331										
915	Đ.Xã: Tuyến QL1A - Đập Đôn Lương	896		896											896		896										
916	Đ.Xã: Tuyến từ đường trung tâm xã - Kênh S22B	744		744											744		744										
917	Đ.Xã: Tuyến Hồ Mua - Suối Mơ	686		686											686		686										

TT	Chủ đầu tư/Đầu mỗi giao kế hoạch	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao											Chủ đầu tư/ Đầu mỗi giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh												Ghi chú
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025					Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025				Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025				
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			
			NSTW	NS tỉnh	NS huyện		NSTW	NS tỉnh	NS huyện						NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện	
918	Đ. Ngõ xóm: Các hệ thống cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, gờ giảm tốc, cây xanh, điện chiếu sáng...). Gồm 63 tuyến.	320		320										320		320										
919	Mua sắm trang thiết bị nhà Văn hóa xã	147		147										147		147										
920	Điểm hạ tầng sinh hoạt vui chơi, thôn	133		133										133		133										
921	Điểm hạ tầng sinh hoạt vui chơi, thôn	70		70										70		70										
922	Điểm hạ tầng sinh hoạt vui chơi, thôn	133		133										133		133										
923	Điểm hạ tầng sinh hoạt vui chơi, thôn	70		70										70		70										
924	Điểm hạ tầng sinh hoạt vui chơi, thôn	133		133										133		133										
925	Nâng cấp sân thể thao thôn 7	126	126			6	6	0						126	126			6	6	0						
926	Tuyến mương Hào - Đồng Chùa	792		792										792		792										
927	Tuyến kênh đạt 5 (Gđ 2)	384		384										384		384										
928	Trường Mầm non Đức Tân	280		280										280		280										
929	Hệ thống wifi, camera trên địa bàn xã Đức Tân	426		426										426		426										
930	Vùng sản xuất nông nghiệp thôn 2, xã Đức Tân	450		450										450		450										
931	Nghĩa trang nhân dân, xã Đức Tân	594	594			344	344							594	594			344	344							
931	điều chỉnh, bổ sung cho xã Mộ Đức (từ KH của huyện Mộ Đức (cũ))													3.612	3.612											
*	UBND xã Đức Lân cũ	3.753	3.336		417	1.541	1.275	0	266					9.730	6.671	2.224	835	5.292	2.550	2.224	518	0	0	0	0	
932	Đ. Thôn: Tuyến Phạm Có - Nguyễn Đình Châu	518	461		58	0								518	461		58	0								
933	Đ. Thôn: Nguyễn Chung - Gò Mây (GĐ 2)	270	240		30	6			6					270	240		30	6		6						

TT	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao											Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh													Ghi chú
	Chủ đầu tư/Đầu mỗi giao kế hoạch	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025			Chủ đầu tư/ Đầu mỗi giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025					
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Tổng số	NSTW	NST	NS huyện	Tổng số	NSTW	NST	NS huyện	Tổng số	NSTW	NST	NS huyện	
			NSTW	NS tỉnh	NS huyện		NSTW	NS tỉnh																	
934	Đ. Thôn: Tuyền QL1A (Chùa Quảng Đức) - Ngõ ông Bưởi	743	660		83	13			13				UBND xã Lân Phong	743	660		83	13			13				
935	Đ. xã: Tuyền QL1A(Châu Văn Tuyền) - Lê Thanh Sang (gđ 2)	162	144		18	18			18					162	144		18	18			18				
936	Đ xã: HTX Thạch Trụ - QL1A (Lê Biên) (gđ 3)	1.017	904		113	661	548		113					1.017	904		113	661	548		113				
937	Đ xã: HTX Tú Sơn 2 - Ngõ ông Sáu Lèo (gđ 3)	521	463		58	320	263		58					521	463		58	320	263		58				
938	Đ. Thôn: Võ Văn Bảy - Ngõ Bà Lẹ (gđ2)	378	336		42	378	336		42					378	336		42	378	336		42				
939	Đ. Thôn: Nhà Bà Dũng - ngõ ông Cánh (gđ 2)	144	128		16	144	128		16					144	128		16	144	128		16				
*	UBND xã Đức Phong cũ	3.753	3.336		418	1.527	1.275	0	253																
940	Tuyền Trám Biển áp - Nghĩa trang liệt sỹ	223	198		25	0								223	198		25	0							
941	Đ.Xã:Ngã 3 ông Thành - Tân An (Giai đoạn 2)	586	521		65	6			6					586	521		65	6			6				
942	KCH tuyến kênh Đồng Bàu-Giáp Bàu Súng	296	263		33	0								296	263		33	0							
943	KCH tuyến kênh Gò Cam -Gò Mạ	648	576		72	648	576		72					648	576		72	648	576		72				
944	KCH tuyến kênh tưới Nam Đồng Nà	497	442		55	505	450		55					497	442		55	505	450		55				
945	KCH tuyến kênh Gò Du - Phấn Võ	426	379		47	1			1					426	379		47	1			1				
946	Đ.Xã:Ngã 3 ông Thành - Tân An (Giai đoạn 3)	430	382		49	159	111		48					430	382		49	159	111		48				
947	Cầu sông Thoá thôn Châu Me	648	576		72	208	137		71					648	576		72	208	137		71				
947	Điều chỉnh, bổ sung (dợt 2) cho UBND xã Lân													2.224		2.224		2.224		2.224					
*	UBND xã Bình Trị (cũ)	11.620	2.628	8.992	0	567	567	0	0				47.435	12.635	34.800	0	4.392	4.392	0	0	0	0	0	0	kế

TT	Chủ đầu tư/Đầu mỗi giao kế hoạch	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao											Chủ đầu tư/ Đầu mỗi giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh												Ghi chú	
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025					Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025						
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó				
			NSTW	NS tỉnh	NS huyện		NSTW	NS tỉnh	NS huyện						NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện		
948	Bê tông xi măng đường Cầu Đen đến ngõ Huân Bình Thuận; Đoạn: Ngõ Miết đi Ao Trắng	810		810		0									778		778		0							Kế hoạch h vốn trung hạn chưa chuẩ n xác	
949	Bê tông xi măng đường từ kênh B7 đến Ao Ngeh; tuyến: Cầu Đen - Dốc Đèo	1.280		1.280		253	253								1.216		1.216		253	253							
950	Bê tông xi măng đường từ nhà Hà Văn Ba đến Giếng Chùa	360		360		0									342		342		0								
951	Bê tông xi măng tuyến: Nguyễn Thành đến ngã ba đường ra thôn Lê Thủy	280		280		0									266		266		0								
952	Bê tông xi măng đường từ nhà hơp KDC Hòa Tây đến Ngõ Quảng	1.240		1.240		315	315								1.178		1.178		315	315							
953	KCH kênh B7.13 tuyến kênh Ao Đất Sét đi Cây Cốc (Tân An)	640		640		0									589		589		0								
954	Bê tông xi măng tuyến kênh nối dài từ Suối Khoai - Công Điền	640		640		0									608		608		0								
955	Bê tông xi măng tuyến kênh nối dài từ Ao Hóa - Công Điền	600		600		0									552		552		0								
956	Trường THCS Bình Trị; Hạng mục: xây dựng đầy 04 phòng học	1.920		1.920		0									1.805		1.805		0								
957	Nhà, tường rào hội trường đa năng xã Bình Trị	3.850	2.628	1.222		0									3.767	2.606	1.161		0								
*	UBND xã Bình Phước (cũ)	3.336	3.336	0	0	1.275	1.275	0	0																		
958	Đường xã tuyến nhà ông Dãi - nhà ông Hốp (giai đoạn 2)	708	708			345	345								690	690			345	345							

TT	Chủ đầu tư/Đầu mỗi giao kế hoạch	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao											Chủ đầu tư/ Đầu mỗi giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh												Ghi chú	
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025								
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó				
			NSTW	NS tỉnh	NS huyện		NSTW	NS tỉnh	NS huyện						NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện		
959	Đường xã tuyến nhà Ông Lê Hồng Việt - Đường Võ Văn Kiệt	400	400			400	400							396	396			400	400								
960	Đường xã tuyến Trường THCS - Kênh B7 (ông Hường)	429	429			0								425	425			0									
961	KCH Kênh BM 25-2 - Đường Võ Văn Kiệt	461	461			0								456	456			0									
962	KCH kênh B79 - nhà Huỳnh Nhiên nối dài	530	530			530	530							530	530			530	530								
963	KCH kênh Hồ Bông - Cống Đầu Bàu	608	608			0								608	608			0									
964	KCH kênh B7 - Giếng đá - Trước nhà ông Lợi	200	200			0								200	200			0									
*	UBND xã Bình Hoà (cũ)	2.628	2.628	0	0	567	567	0	0																		
965	Tuyến đường từ nhà bà Lan đến ông Lâm Hồng Liên	461	461			0								461	461			0									
966	BTXM Tuyến đường từ ngõ bà Đù xóm Cầu đến đập Hòa Hải	720	720			0								720	720			0									
967	Khu thể thao xã Bình Hoà	47	47			47	47							47	47			47	47								
968	KCH kênh đập Ao Gió đến Gò Chùa	800	800			520	520							800	800			520	520								
969	Công viên xã Bình Hoà	600	600			0								600	600			0									
*	UBND xã Bình Đông (cũ)	3.388	3.388	0		1.275	1.275	0																			
970	Đường từ nhà Nguyễn Văn Cầm - Nguyễn Nờ vực 2 thôn Thượng Hòa	616	616			0								616	616			0									
971	Nâng cấp nghĩa trang liệt sỹ	347	347			347	347							347	347			347	347								
972	Tường rào, sân vườn, điện chiếu sáng nghĩa trang liệt sỹ Bình Đông	708	708			163	163							708	708			163	163								

TT	Chủ đầu tư/Đầu mỗi giao kế hoạch	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao											Chủ đầu tư/ Đầu mỗi giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh												Ghi chú
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025				Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025				Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025				Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025				
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			
			NSTW	NS tỉnh	NS huyện		NSTW	NS tỉnh	NS huyện						NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện	
973	Hệ thống nước sạch thôn Sơn Trà giai đoạn 2	461	461			0								461	461			0								
974	Hệ thống nước sạch thôn Thượng Hòa giai đoạn 2	491	491			0								491	491			0								
975	Trường THCS Bình Đông	141	141			141	141							141	141			141	141							
976	Trường tiểu học Bình Đông (Điểm chính) 04 phòng chức năng	273	273			273	273							273	273			273	273							
977	Trường Tiểu học Bình Đông (Cụm thôn Thuận Hoà khu Cà Ninh) Nhà vệ sinh, sân vườn, tường rào, cổng ngõ	136	136			136	136							136	136			136	136							
978	Khu thể thao xã Bình Đông	215	215			215	215							215	215			215	215							
*	UBND xã Bình Hải (cũ)	15.108	708	14.400		708	708	0										0								
979	Tuyến từ Nhà Ông Việt đi Cây Quen (An Cường)	315		315		0								290		290		0								
980	Ngã tư nhà chị Mới - quán Tâm (Hải Tường)	708	708	0		708	708							708	708	0		708	708							
981	Tuyến đường Bắc Nam đến cầu Lô Ô	826		826		0								760		760		0								
982	Đường Cây Quen - Nhà Ông Sơn (Vạn Tường)	681		681		0								627		627		0								
983	Đường từ nhà Tám - Gò song	826		826		0								760		760		0								
984	Tuyến ngã 4 Bùi Thị Thành đến tuyến đường Bắc Nam	826		826		0								760		760		0								
985	Đường Thanh Thủy	826		826		0								760		760		0								
986	Trường tiểu học số 1 Bình Hải khối phục vụ học tập, hành chính, công ngõ, sân bê tông (Cụm chính)	4.120		4.120		0								3.914		3.914		0								

TT	Chủ đầu tư/Đầu mỗi giao kế hoạch	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao									Chủ đầu tư/ Đầu mỗi giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh												Ghi chú				
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025									
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		NS huyện	Tổng số		Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó						
			NSTW	NS tỉnh	NS huyện		NSTW	NS tỉnh							NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST		NS huyện	NSTW		NST	NS huyện		
987	Trường mẫu giáo thôn An Cường	1.600		1.600		0								1.472		1.472		0										
988	Trường Tiểu học số 1 Bình Hải khối phòng học, công ngô (Cụm An Cường)	2.400		2.400		0								2.280		2.280		0										
989	Nhà văn hóa thôn Phước Thiện 1	720		720		0								662		662		0										
990	Nhà văn hóa thôn Phước Thiện 2	600		600		0								552		552		0										
991	Sửa chữa nhà văn hóa thôn Thanh Thủy	330		330		0								304		304		0										
992	Sửa chữa nhà văn hóa thôn Vạn Tường	330		330		0								304		304		0										
*	UBND xã Bình Thuận (cũ)	14.400	0	14.400		0	0	0									0	0	0									
993	BTXM tuyến từ ống sản Phẩm - Nhà ông Nghĩa	784		784		0								721		721		0										
994	BTXM tuyến từ đường Võ Văn Kiệt - Nhà ông Quang (giáp xã Bình Trị)	784		784		0								721		721		0										
995	BTXM tuyến từ Nhà Ao Hồng (Đội 14) - Nhà ông Võ Văn Thanh	259		259		0								238		238		0										
996	BTXM tuyến từ QL 24C - tuyến ống dẫn sản phẩm; hạ độ cao 0,5 m	770		770		0								708		708		0										
997	BTXM tuyến từ nhà Phùng Thiết - Nhà Ông Châu (giai đoạn 2)	490		490		0								451		451		0										
998	BTXM tuyến từ Sông Cầu - Nghĩa Trang liệt sỹ (từ sông Cầu - Cổng chào KDC số 9)	350		350		0								322		322		0										
999	BTXM tuyến Quốc lộ 24C - Ngõ Bả Dầy	455		455		0								419		419		0										

TT	Chủ đầu tư/Đầu mỗi giao kế hoạch	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao											Chủ đầu tư/ Đầu mỗi giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh												Ghi chú	
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn năm 2025				Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025				Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn năm 2025				Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025					
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó				
			NSTW	NS tỉnh	NS huyện		NSTW	NS tỉnh	NS huyện						NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện		
1000	BTXM đường từ nhà ông Nguyễn Chí Danh - Nhà ông Nguyễn Hữu Thọ	500		500		0									460		460		0								
1001	BTXM đường từ Cổng Đội 6 - Ao Bà Sao	400		400		0									368		368		0								
1002	KCH tuyến Kênh từ ruộng Bầu - Ngõ Ông Khanh	432		432		0									397		397		0								
1003	Xây dựng phòng học bộ môn trường THCS xã	1.883		1.883		0									1.789		1.789		0								
1004	Trường tiểu học (cơ sở 2) hạng mục: Lát gạch, san nền, nhà để xe	388		388		0									357		357		0								
1005	Trường Mầm non 18/3 (cơ sở 1): Phòng hành chính quản trị, phòng nhân viên	880		880		0									810		810		0								
1006	Sân vận động xã: Tường rào, cổng ngõ	805		805		0									741		741		0								
1007	Nhà văn hóa thôn Tuyệt Diễm 1; Hạng mục: Tường rào, cổng ngõ, nhà vệ sinh	360		360		0									331		331		0								
1008	Nhà văn hóa thôn Tuyệt Diễm 2; Hạng mục: tường rào, cổng ngõ, nhà vệ sinh, bể tông sân nền	240		240		0									221		221		0								
1009	Xây mới Nhà văn hóa, sân thể thao thôn Tuyệt Diễm 3 và nhà vệ sinh	690		690		0									635		635		0								
1010	Nhà văn hóa thôn Thuận Phước: Hạng mục: Tường rào, cổng ngõ, nhà vệ sinh, sân bê tông	450		450		0									414		414		0								
1011	Nhà văn hóa xã Bình Thuận	2.905		2.905		0									2.760		2.760		0								

TT	Chủ đầu tư/Đầu mỗi giao kế hoạch	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao											Chủ đầu tư/ Đầu mỗi giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh												Ghi chú
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025					Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025					
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			
			NSTW	NS tỉnh	NS huyện		NSTW	NS tỉnh	NS huyện						NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện	
*	UBND xã Sơn Hạ (cũ)	9.172	6.671	1.000	1.501	4.342	2.550	1.000	792	667	667	0	UBND xã Sơn Hạ	11.220	8.515	1.000	1.705	4.342	2.550	1.000	792	667	667	0	0	
1012	Đường xã: Thôn Ka Tu - đi thôn Đồng Reng	1.111	1.000		111	120	120			282	282			1.111	1.000		111	120	120			282	282			
1013	Đường xã: Từ QL24B - thôn TrườngKa	1.111	1.000		111	120	120			292	292			1.111	1.000		111	120	120			292	292			
1014	Đường xã: Xóm Nham - đá đen Hà Bắc	698	628		70	327	327			93	93			698	628		70	327	327			93	93			
1015	Nối tiếp kênh mương đập Xã diệu: Từ cánh đồng Suối Cầu - Cánh đồng Gò Mỏ, thôn Trường Ka	884	708		177	884	708		177					884	708		177	884	708		177					
*	UBND Xã Sơn Thành (cũ)																									
1016	Đường BTXM Xã Trạch - Làng Vết (nối tiếp)	512	461		51									512	461		51									
1017	Đường BTXM nhà ông Nghĩa đi Gò pừ rầy (nối tiếp)	356	320		36									356	320		36									
1018	+ Lâm mới kênh mương Xã Trạch đến cánh đồng Bờ Rầy	356	320		36									356	320		36									
1019	Kiên cố hóa kênh mương đập Vọt Rầy	444	400		44									444	400		44									
1020	Đường MTXM nhà ông Trự đi nhà ông Dôn (Làng Vết)	700	560		140	140			140					700	560		140	140			140					
1021	Đường BTXM nhà ông Nghĩa đi Gò Pừ rầy (nối tiếp); Lý trình: Km0+365 - Km0+685.	500	350		150	500	350		150					500	350		150	500	350		150					
1022	Làm mới kênh mương Xã Trạch Nâng cấp kênh mương Xã Trạch (tuyến nhánh tại Km1+120 – Cánh đồng Lãng, thôn Gò Gao)	750	525		225	750	525		225					750	525		225	750	525		225					

TT	Chủ đầu tư/Đầu mỗi giao kế hoạch	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao											Chủ đầu tư/ Đầu mỗi giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh												Ghi chú	
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025					Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025						
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó				
			NSTW	NS tỉnh	NS huyện		NSTW	NS tỉnh	NS huyện						NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện		
1023	+ Xây dựng mới đập Bờ Reo, thôn Gò chu	500	400		100	500	400		100					500	400		100	500	400		100						
1024	Xây mới đập Tà Vin, thôn Làng Vệt, xã Sơn Thành	1.250			1.000	250	1.000		1.000					1.250			1.000	250	1.000		1.000						
*	UBND xã Sơn Nham (cũ)	2.048	1.843		0	205	0		0	0	0	0	0														
1025	Tường rào, nhà để xe Trụ sở làm việc UBND xã	800	720			80								800	720			80									
1026	Đường BTXM tuyến Cây Da - Bến Đò	300	270			30								300	270			30									
1027	Đập và kênh mương Đồng Un thôn Xà Riêng	948	853			95								948	853			95									
*	UBND Xã Phố Nhơn (cũ)	21.111	2.167	15.200	3.743	1.538	567	800	171	0	0	0	0	28.467	4.796	19.200	4.471	6.577	1.135	4.800	642	0	0	0	0		
1028	Tuyển từ nhà Bà Tự đi Trường Tiểu học Phố Nhơn (điểm Nhơn Tân cũ)	660			550	110								660			550	110									
1029	Tuyển từ ngã ba nhà ông Chút đến Góc Đá Lỗ Tranh (Nhơn Bích)	377			314	63								377			314	63									
1030	Tuyển từ nhà ông Thịnh đi nhà Mười Phương	660			550	110								660			550	110									
1031	Tuyển cầu Suối Đục đi Dinh Bà (GD2)	510			425	85								510			425	85									
1032	Tuyển Thi Khoa (An Điền) đi Gò Gai (An Tây) (GD3)	600			500	100								600			500	100									
1033	Tuyển Thủ kỳ Phước Nhơn đi Nhơn Tân (Gò Kỳ - nhà Chín Lê)	1.008			784	224								1.008			784	224									
1034	Tuyển từ ngõ Phước Điền – giáp đường Mương Bửu, đôi Cỏ	953			741	212								953			741	212									

TT	Chủ đầu tư/Đầu mỗi giao kế hoạch	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao										Chủ đầu tư/ Đầu mỗi giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh												Ghi chú	
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025				Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025						
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Ngân sách TW		Ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			
			NSTW	NS tỉnh	NS huyện		NSTW	NS tỉnh	NS huyện						NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST		NS huyện
1047	Nhà văn hoá thôn Tân Sơn	480		480										480		480										
1048	Nhà văn hoá thôn Phước Lợi	480		480										480		480										
1049	Sân vận động và khu thể thao xã Phổ Nhơn	880		770	110									880		770	110									
1050	Nghĩa trang nhân dân xã Phổ Nhơn	550		550										550		550										
1051	Tuyến kênh từ nhà ông Cấn đến Phần Thầu	1.013	900		113									1.013	900		113									
1052	KCH tuyến kênh N7 đi mương Ngang	788	700		88									788	700		88									
1053	KCH hồ Lỗ Lá đến nhà ông Nhuận đi đốc bà Buôn (GD2)	900		800	100	900		800	100					900		800	100	900		800	100					
1054	KCH kênh mương từ nhà ông Thường đi khu đồn điền dôi thừa	638	567	0	71	638	567		71					638	567	0	71	638	567		71					
*	UBND Xã Phổ Phong (cũ)	4.956	2.628	1.600	728	2.638	567	1.600	471																	
1055	Tuyến Lê Tây (Vạn Trung) đi giáp QL 24	518	461		58									518	461		58									
1056	Tuyến Cầu Sộp – nhà ông Tùng (thôn Tân Phong)	788	700	0	88									788	700	0	88									
1057	Tuyến kênh cầu Bộ Đội Km8 đi đồng Tư Sơn (Vạn Trung)	382	340	0	42									382	340	0	42									
1058	Tuyến kênh đầu nối kênh B2.1.4 đến cống ông Sâm (Tân Phong)	630	560	0	70									630	560	0	70									
1059	Trường Mầm non Phổ Phong	2.000		1.600	400	2.000		1.600	400					2.000		1.600	400	2.000		1.600	400					
1060	Tuyến kênh ngỗ Trần Quýt (Hùng Nghĩa) đi cây xanh (Hiệp An)	638	567		71	638	567		71					638	567		71	638	567		71					

TT	Chủ đầu tư/Đầu mỗi giao kế hoạch	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao											Chủ đầu tư/ Đầu mỗi giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh												Ghi chú	
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025				Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025				Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025				Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025					
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó				
			NSTW	NS tỉnh	NS huyện		NSTW	NS tỉnh	NS huyện						NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện		
1061	Điều chỉnh, bổ sung vốn (đợt2) cho xã Nguyễn													2.400		2.400		2.400		2.400							
*	UBND xã Bình Chương (cũ)	3.428	2.628	800		1.367	567	800						9.056	5.256	3.800	0	4.935	1.135	3.800	0	0	0	0	0	0	0
1062	KCH kênh nội đồng tuyến số 1 (B3VC7)	1.704	1.704											1.704	1.704												
1063	Tuyến mương cát	1.724	924	800		1.367	567	800						1.724	924	800		1.367	567	800							
*	UBND xã Bình Mỹ (cũ)	5.628	2.628	3.000		3.567	567	3.000																			
1064	BTXM đường trục thôn: Nối tiếp đường BTXM trung an từ ngõ Lý Văn Hiệp (TL622B) đến QL 24C	461	461			0								461	461		0										
1065	Nâng cấp sân vận động xã Bình Mỹ	700	700			0	0							700	700		0	0									
1066	Nối tiếp đường BTXM tuyến QL24C- Đập dâng 2/9	800	800			180	180							800	800		180	180									
1067	Lát gạch sân nền: sửa chữa công trình vệ sinh, trang thiết bị và hệ thống điện Khu thể thao xã Bình Mỹ	280	280			0								280	280		0										
1068	Chợ thạc an xã Bình Mỹ	3.387	387	3.000		3.387	387	3.000						3.387	387	3.000		3.387	387	3.000							
*	UBND xã Sơn Liên (cũ)	1.500	1.500	0	0	450	450	0	0					17.030	14.330	2.700	0	3.970	2.770	1.200	0	0	0	0			
1069	Nâng cấp, sửa chữa sân vận động xã Sơn Liên; Hạng mục: Kê chống sạt lở	1.500	1.500	0	0	450	450	0	0					1.500	1.500	0	0	450	450	0	0						
*	UBND xã Sơn Mùa (cũ)	10.600	5.900	4.700	0	3.100	1.900	1.200	0					0													
1070	Đường từ nhà ông Thiếu đi Nước Ka Chín; Hạng mục: Thông tuyến	0				0								0			0										

TT	Chủ đầu tư/Đầu mỗi giao kế hoạch	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao											Chủ đầu tư/ Đầu mỗi giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh												Ghi chú
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025					Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025					
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			
			NSTW	NS tỉnh	NS huyện		NSTW	NS tỉnh	NS huyện						NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện	
1071	Đường từ nhà ông Minh đi nhà ông Xanh; hạng mục: Nền + mặt đường + thoát nước	0				0										0										
1072	Đường BTXM Huy Ra Lung- Nước A Rang	1.000			1.000	0										750		750		0						
1073	Đường BTXM Ngọc Răng- Mang Ha Ênh	1.000			1.000	0										750		750		0						
1074	Nâng cấp đường điện qua KDC Ra Ne, thôn Huy Ra Long	900			900	400			400							400		400		400		400				
1075	Nước sinh hoạt KDC Tu Ka Nhỏ	900			900	400			400							400		400		400		400				
1076	Nâng cấp Đập Thủy lợi Nước Lát 2	900			900	400			400							400		400		400		400				
1077	Đường BTXM Tập đoàn 8- Mang Vàng (giai đoạn 2)	1.100	1.100			400	400									1.100	1.100			400	400					
1078	Nâng cấp đập thủy lợi Ra lang 1	800	800			240	240									800	800			240	240					
1079	Nâng cấp đập nước Lát	1.000	1.000			300	300									1.000	1.000			300	300					
1080	Nâng cấp đập thủy lợi Nước Mìn	800	800			300	300									800	800			300	300					
1081	Nước sinh hoạt thôn Huy Em	1.100	1.100			330	330									1.100	1.100			330	330					
1082	Nước sinh hoạt thôn Nước Mìn	1.100	1.100			330	330									1.100	1.100			330	330					
*	UBND xã Sơn Bua (cũ)	1.000	1.000	0	0	420	420	0	0							0										
1083	Nâng cấp sân Vận độnglàng thanh niên lập nghiệp	0	0			0										0	0			0						
1084	Nâng cấp, sửa chữa, mở rộng NSH KDC Mang Tà Bể, thôn Mang He	0	0			0										0	0			0						
1085	Nâng cấp, sửa chữa, mở rộng Đập Thủy lợi Nước Tang	0	0			0										0	0			0						

TT	Chủ đầu tư/Đầu mỗi giao kế hoạch	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao											Chủ đầu tư/ Đầu mỗi giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh												Ghi chú
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025					Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025					
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			
			NSTW	NS tỉnh	NS huyện		NSTW	NS tỉnh	NS huyện						NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện	
1086	Nâng cấp, sửa chữa tuyến đường KLót - Xóm ông Vây	0	0			0								0	0			0								
1087	Đường giao thông nông thôn xóm ông Me - KDC nước Toa (giai đoạn 2)	1.000	1.000			300	300							1.000	1.000			300	300							
1088	Nâng cấp Nghĩa tràng nhân dân xã	0	0			120	120							0	0			120	120							
*	UBND xã Long Mai (cũ)	41.865	1.843	35.498	4.524	19.288	0	15.000	4.288	27	0	27		62.254	5.179	43.000	8.609	33.730	1.275	28.000	4.455	27	0	27	0	
1089	Dự án: Sửa chữa đường GTNT ĐT 628 - nhà ông Bá thôn Trung Thượng	277	250		27	0								277	250		27	0								
1090	Đường bê tông GTNT xóm ông Rệp thôn Kỳ Hát	383	345		38	0								383	345		38	0								
1091	Đường TL 628 - Nghĩa trảng nhân dân thôn Trung Thượng	167	150		17	0								167	150		17	0								
1092	Đường GTNT từ nhà văn hóa cũ Ngã Lãng - Nghĩa trảng nhân dân thôn Long Thượng	139	125		14	0								139	125		14	0								
1093	Đường GTNT từ nhà ông Phiếu - nhà bà Ương thôn Mai Lãnh Hữu	422	380		42	0								422	380		42	0								
1094	Sửa chữa đường GTNT ĐT 628 - nhà ông Tư thôn Trung Thượng	294	265		29	0								294	265		29	0								
1095	Đường bê tông GTNT đập Hồ Lịnh - nhà ông Máy	1.164		1.048	116	116			116					1.164		901	116	116			116					
1096	Đường GTNT TL.628 - nhà ông Chiêu	600		540	60	60			60					600		464	60	60			60					
1097	Đường bê tông GTNT TL.628- Lãng Bò	1.084		975	108	108			108					1.084		839	108	108			108					
1098	Đường GTNT TL624 - Xóm ông Trình	540		486	54	54			54					540		418	54	54			54					

TT	Chủ đầu tư/Đầu mỗi giao kế hoạch	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao											Chủ đầu tư/ Đầu mỗi giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh												Ghi chú
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025					Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025					
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			
			NSTW	NS tỉnh	NS huyện		NSTW	NS tỉnh	NS huyện						NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện	
1099	Đường bê tông GTNT TL.628 - Làng Bò (Giai đoạn 2)	1.100		990	110	599		490	109					1.100		851	110	599		490	109					
1100	Đường từ nhà ông Bá đến bề thu nước thôn Trung Thượng	1.100		990	110	599		490	109					1.100		851	110	599		490	109					
1101	Nâng cấp đường GTNT TL 628 - Xóm Gò Rai	1.050		945	105	569		465	104					1.050		813	105	569		465	104					
1102	Đường từ nhà bà Quê - Khu sản xuất Ru Ghen	1.040		936	104	569		466	103					1.040		805	104	569		466	103					
1103	Tuyến đường từ nhà ông Chí đi khu sản xuất Hồ Đốt	1.160		1.044	116	629		514	115					1.160		898	116	629		514	115					
1104	Đường từ nhà ông Yếu đến Hồ Vọc Ý	1.120		1.008	112	609		498	111					1.120		867	112	609		498	111					
1105	Nâng cấp đường Phú Lâm - Hồ Cả	3.832		3.449	383	2.332		1.949	383	18		18		3.832		2.910	383	2.332		1.949	383	18		18		
1106	Đường GTNT TL 624 - Khu sản xuất Hồ Dôi	1.150		1.035	115	629		515	114					1.150		890	115	629		515	114					
1107	Đường GTNT từ Ngã Lăng đi khu sản xuất Hóc Chanh	1.100		990	110	599		490	109					1.100		851	110	599		490	109					
1108	Đường GTNT, đoạn TL628 - Taleu, thôn Mai Lãnh Hạ	1.100		990	110	599		490	109					1.100		851	110	599		490	109					
1109	Đường GTNT ĐT.628-Xóm ông Trua	1.000		900	100	549		450	99	4		4		1.000		774	100	549		450	99	4		4		
1110	Đường GTNT từ Hồ Cả đi nghĩa tràng nhân dân	1.140		1.026	114	619		506	113					1.140		882	114	619		506	113					
1111	Đường từ ngã 3 Gò Bóp đến khu sản xuất Hồ Cái	1.000		900	100	549		450	99					1.000		774	100	549		450	99					
1112	Sửa chữa, nâng cấp đường GTNT xóm Gò Hồng, thôn Trung Thượng (HM: dầy đan bê tông mương thoát nước)	620		558	62	339		278	61					620		536	62	339		278	61					

TT	Chủ đầu tư/Đầu mỗi giao kế hoạch	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao											Chủ đầu tư/ Đầu mỗi giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh												Ghi chú
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025				Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025				Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025				Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025				
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			
			NSTW	NS tỉnh	NS huyện		NSTW	NS tỉnh	NS huyện						NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện	
1113	Đường GTNT TL 624 đến nhà ông Bông, thôn Mai Lãnh Hữu	600		540	60	319		260	59				UBND xã Sơn Mai	600		518	60	319		260	59					
1114	Đường GTNT từ nhà ông Biều đến khu sản xuất Hóc Ngăn	1.100		990	110	599		490	109					1.100		851	110	599		490	109					
1115	Đường từ nhà ông Ba - Đập Suối Ren	900		810	90	489		400	89					900		697	90	489		400	89					
1116	Nâng cấp đường từ nhà ông Kê – Cầu Dư Hữu	1.100		990	110	599		490	109					1.100		851	110	599		490	109					
1117	Nâng cấp, cải tạo nghĩa trang nhân dân thôn Kỳ Hát	1.100		770	330	698		370	328	4		4		1.100		662	330	698		370	328	4		4		
1118	Nghĩa trang nhân dân thôn Mai Lãnh Hạ	1.120		784	336	717		384	333					1.120		674	336	717		384	333					
1119	Nâng cấp kênh mương đập nước Loan - cánh đồng Gò Lãng thôn Dư Hữu	690		621	69	369		301	68					690		534	69	369		301	68					
1120	Bê tông kênh mương Hát Xanh	1.090		990	100	599		490	109					1.090		851	100	599		490	109					
1121	Công lấy nước và bê tông kênh mương Mai Lãnh Hạ	500		450	50	247		200	47					500		387	50	247		200	47					
1122	Nâng cấp kênh mương đập Suối Lớn đoạn từ cụm đầu mối đến ruộng ông Hòa	850		765	85	448		365	83					850		658	85	448		365	83					
1123	Sửa chữa, nâng cấp kênh mương từ ruộng ông Rái đến xi phông Nước Co	820		738	82	439		358	81					820		635	82	439		358	81					
1124	Công lấy nước và Kênh mương Ru Cà Biều	700		630	70	369		300	69					700		542	70	369		300	69					
1125	Kê chống sạt lở từ nhà ông Lố- Cầu nước Sim thôn Trung Thượng	1.150		1.035	115	629		515	114					1.150		890	115	629		515	114					

TT	Chủ đầu tư/Đầu mỗi giao kế hoạch	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao											Chủ đầu tư/ Đầu mỗi giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh												Ghi chú
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025					Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025					
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			
			NSTW	NS tỉnh	NS huyện		NSTW	NS tỉnh	NS huyện						NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện	
1126	Xây dựng mương thoát nước sinh hoạt khu dân cư định canh định cư Đồng Tranh	520		364	156	316		164	152					520		313	156	316		164	152					
1127	Nhà văn hóa thôn Mai Lành Hạ (Sửa chữa, nâng cấp Nhà văn hóa, sân,...)	499		449	50	50			50					499		522	50	50			50					
1128	Nhà văn hóa, sân thể thao thôn Minh Xuân (Sửa chữa nhà văn hóa thôn Minh Xuân)	365	328		36									365	328		36									
1129	Xây dựng thư viện Trường trung học cơ sở Long Mai	1.050		945	105	569		465	104					1.050		813	105	569		465	104					
1130	Nâng cấp Hệ thống nước sinh hoạt thôn Minh Xuân	1.130		1.017	113	619		507	112					1.130		875	113	619		507	112					
1131	Nâng cấp, cải tạo Hệ thống nước sinh hoạt thôn Mai Lành Hạ	950		855	95	519		425	94					950		735	95	519		425	94					
1132	Nâng cấp, cải tạo Hệ thống nước sinh hoạt xóm Gò Hồng	1.050		945	105	569		465	104					1.050		813	105	569		465	104					
1133	Xây dựng nhà kho, giếng nước (HTX Nông lâm nghiệp Đoàn Kết)	1.000		1.000										1.000		860										
1134	Xây dựng xưởng sơ chế - chế biến và mua trang thiết bị (HTX Nông lâm nghiệp Đoàn Kết)	1.000		1.000										1.000		860										
*	UBND xã Long Sơn (cũ)	20.389	1.944	14.361	4.084	14.442	1.275	13.000	167	0	0	0														
1135	Bê tông hóa đường từ nhà văn hóa đến đá lục cục, thôn Yên Ngựa	576		461	115									576		396	115									
1136	Bê tông hoá đường từ nhà bà Bảy vào Đình ông Chúa	850	680		170	178	11		167					850	680		170	178	11		167					
1137	Bê tông hóa đường Hồ Linh - Gò Chè	830	664		166	664	664							830	664		166	664	664							

TT	Chủ đầu tư/Đầu mỗi giao kế hoạch	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao											Chủ đầu tư/ Đầu mỗi giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh												Ghi chú
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025					Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025					
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			
			NSTW	NS tỉnh	NS huyện		NSTW	NS tỉnh	NS huyện						NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện	
1138	Nối dài đường bê tông Làng Diêu, thôn Diên Sơn	375	300		75	300	300							375	300		75	300	300							
1139	Bê tông hóa đường từ Nhà văn hóa đến Đá Lục Cục, thôn Yên Ngựa (giai đoạn 2)	375	300		75	300	300							375	300		75	300	300							
1140	Bê tông hóa đường từ nhà bà Trị đến đồng ruộng Gò Nay, thôn Gò Tranh	900			720	180		720						900			619	180		720						
1141	Bê tông hóa đường từ nhà ông Lũy đến Sông Phước Giang	540			432	108		432						540			372	108		432						
1142	Bê tông hóa đường từ Nghĩa trang nhân dân Diên Sơn - núi Hòn Bà	550			440	110		440						550			378	110		440						
1143	Nâng cấp đường Long Sơn - Long Mai qua Đèo Chân (đoạn từ cầu Mương Súng đến Biều Qua) (bao gồm công trình điều chỉnh bổ sung)	3.450			2.760	690		2.760						3.450			2.374	690		2.760						
1144	Bê tông hóa đường và rãnh thoát nước dọc, thôn Lạc Sơn	700			560	140		560						700			482	140		560						
1145	Nâng cấp đường Yên Ngựa - Gò Tranh	600			480	120		480						600			413	120		480						
1146	Bê tông hóa đường xuống đồng Hồ Nghệ, thôn Sơn Châu	600			480	120		480						600			413	120		480						
1147	Đường từ nhà ông Thầy đến đất ông Quản, thôn Biều Qua	800			640	160		640						800			550	160		640						
1148	Bê tông hoá đường đường GTNT Biều Qua	630			504	126		504						630			433	126		504						
1149	Bê tông hóa đường Hóc Non, thôn Yên Ngựa	800			640	160		640						800			550	160		640						

TT	Chủ đầu tư/Đầu mỗi giao kế hoạch	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao											Chủ đầu tư/ Đầu mỗi giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh												Ghi chú
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025					Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025					
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			
			NSTW	NS tỉnh	NS huyện		NSTW	NS tỉnh	NS huyện						NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện	
1150	Bê tông hóa đường từ nhà ông Bê đến đập Đồng Trè, thôn Diên Sơn	880		704	176	704		704						880		605	176	704		704						
1151	Chỉnh trang đường từ Trường mầm non Long Sơn đến nhà văn hóa xã	400		320	80	320		320						400		275	80	320		320						
1152	Kê xóm Bà Trĩ - Gò Tranh	1.133		900	233									1.133		774	233									
1153	Nâng cấp kênh mương nội đồng Ruộng Thủ	840		672	168	672		672						840		511	168	672		672						
1154	Nâng cấp kênh mương nội đồng Gò Nay, thôn Gò Tranh	500		400	100	400		400						500		344	100	400		400						
1155	Xây dựng đập Hồ Lam, Yên Ngựa	560		448	112	448		448						560		385	112	448		448						
1156	Xây dựng cầu Ba Suối, thôn Yên Ngựa	3.500		2.800	700	2.800		2.800						3.500		2.408	700	2.800		2.800						
*	UBND xã Trà Búi (cũ)	5.872	1.843	3.900	129	0	0	0	0					9.110	3.687	4.685	738	661	0	300	361	0	0	0	0	
1157	Đường BTXM từ UBND xã đi tổ 2 thôn Niên, xã Trà Búi	986	922		65									986	922		65									
1158	Đường BTXM từ UBND xã đi thôn Gò, xã Trà Búi	986	922		65									986	922		65									
1159	HTCNSH nước Gầm thôn Tây, xã Trà Búi, huyện Trà Bồng	3.900	0	3.900										1.755	0	1.755										
*	UBND xã Trà Tân (cũ)	8.628	1.843	6.175	609	661	0	300	361																	
1160	Nâng cấp tuyến đường Tà vác	1.067		990	77	72			72					523		446	77	72		72						
1161	Đường đi vào điểm chôn cất thôn Trà Ôt	1.940		1.800	140	435		300	135					950		810	140	435		300	135					
1162	Điểm vui chơi giải trí, thể thao cho trẻ e và người cao tuổi	970		900	70	17			17					520		450	70	17		17						

TT	Chủ đầu tư/Đầu mỗi giao kế hoạch	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao											Chủ đầu tư/ Đầu mỗi giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh												Ghi chú	
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025					Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025						
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó				
			NSTW	NS tỉnh	NS huyện		NSTW	NS tỉnh	NS huyện						NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện		
1163	Tường rào công ngô, sân vườn và các hạng mục khác của Tru sở UBND xã Trà Tân	1.972	1.843		129									1.972	1.843		129										
1164	Mua sắm trang thiết bị nhà văn hóa xã và nhà văn hóa 04 thôn	641			595	46								364			318	46									
1165	BTXM tổ 15 đi 21 thôn Trà Ngon	1.067			990	77	72					72		552			475	77	72			72					
1166	Xây mới nhà vệ sinh của 4 nhà văn hóa thôn	970			900	70	65					65		502			432	70	65			65					
*	UBND xã Sơn Linh (cũ)	8.373	3.687	3.133	1.553									8.373	5.530	3.133	1.553	153		153	0	0	0	0	0		
1167	Nhà văn hóa thôn Làng Gung	700	630		70									700	630		70										
1168	Nhà Văn hóa thôn Làng Trà	700	630		70									700	630		70										
1169	Nhà văn hóa thôn Đồng Sạ	648	583		65									648	583		65										
1170	Xây dựng Sân vận động xã, trung tâm văn hóa - Thể thao	2.843	1.843		1.000									2.843	1.843		1.000										
1171	Trường Tiểu học Sơn Linh (điểm trường chính)	1.281			1.153	128							UBND xã Sơn Linh	1.281			1.153	128			153						
1172	Đường BTXM ĐH 72 – Nhà ông Rê – TTCX nối tiếp	850			765	85								850			765	85									
1173	Đường BTXM Nhà ông Bênh – Đồi Gò Rin	950			855	95								950			855	95									
1174	Nâng cấp, sửa chữa Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Làng Ghè	400			360	40								400			360	40									
*	UBND xã Sơn Trung (cũ)	15.880	5.530	15.880	0	14.800	0	14.800	0	0	0	0		15.880	5.530	15.880	0	14.800	0	14.800	0	0	0	0	0		
1175	Đường BTXM ông Giới - Gò Gu, Thôn Gia Ry (Nối tiếp)				810				810								810				810						
1176	Đường nội đồng xóm Suối				450				450								450				450						
1177	Sửa chữa, nâng cấp kênh đập Tà Mầu				585				585								585				585						

TT	Chủ đầu tư/Đầu mỗi giao kế hoạch	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao											Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh												Ghi chú	
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025			Chủ đầu tư/ Đầu mỗi giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025							
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó						
			NSTW	NS tỉnh	NS huyện		NSTW	NS tỉnh						NS huyện	NSTW		NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện				
1178	Nối dài hệ thống cấp nước Di Lăng vào thôn Gia Ry (nối tiếp), đoạn từ xóm Suối thôn Gia Ry đến xóm Làng Đèo, thôn Làng Đèo			810					810							810			810							
1179	Sửa chữa, nâng cấp, nối dài đường BTXM xóm Gò Rộc			720					720							720			720							
1180	Sửa chữa, nâng cấp, hệ thống thoát nước tuyến đường từ Trạm Y tế xã - Khu sinh hoạt Văn hóa - thể thao xã Sơn Trung			900					900							900			900							
1181	BTXM đường bà Nê - ông Nghiêng (Nối tiếp)			720					720							720			720							
1182	Đường nội đồng Vọt Lít - Mang Cảnh			585					585							585			585							
1183	Đường trục chính nội đồng Sân bóng Làng Nà đi Vọt Vọt			585					585							585			585							
1184	Sửa chữa, nâng cấp Đường Làng Đèo - Làng Trùm			810					810							810			810							
1185	Đường BTXM Pa Lái – Gò Ven			1.035					1.035							1.035			1.035							
1186	Đường nội đồng Tà Mầu - Bãi Nà (nối tiếp)			450					450							450			450							
1187	Đường nội đồng Gò Ven - Vả So			1.035					1.035							1.035			1.035							
1188	Sửa chữa, nâng cấp đường Làng Rin - Làng Lòn			5.305					5.305							5.305			5.305							
*	UBND xã Tịnh Giang (cũ)	11.760	2.628	5.995	3.137	567	567	0	0						18.838	8.592	6.978	5.577	4.186	2.410	0	1.776	0	0	0	0
1189	Nâng cấp, chỉnh trang sân và các hạng mục khác trụ sở UBND xã Tịnh Giang	1.200		560	640	0		0	0						1.088		448	640	0	0	0					

TT	Chủ đầu tư/Đầu mỗi giao kế hoạch	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao											Chủ đầu tư/ Đầu mỗi giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh												Ghi chú		
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025				Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025				Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025				Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025						
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó					
			NSTW	NS tỉnh	NS huyện		NSTW	NS tỉnh	NS huyện						NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện			
1190	Xây dựng Sân trường và sân tập cho học sinh và các hạng mục khác của Trường THCS Tịnh Giang	700	560		140	0			0	0					700	560		140	0			0	0					
1191	Nâng cấp sửa chữa Nhà văn hóa xã Tịnh Giang; Hạng mục: Xây mới tường rào, kết hợp kê chắn (đoạn còn lại, chưa được đầu tư xây dựng) và một số hạng mục khác	800			560	240	0	0	0	0					688			448	240	0	0	0	0					
1192	Tuyến đường Ông Quang - Ông Hoa	600			480	120	0	0	0	0					456			336	120	0	0	0	0					
1193	Nâng cấp, mở rộng đường xã tuyến QL24B - Cù Và (giai đoạn 2)	1.100			880	220	0	0	0	0					479			259	220	0	0	0	0					
1194	Nâng cấp, mở rộng đường xã tuyến QL24B - Cù Và (giai đoạn 3)	1.100			880	220	0	0	0	0					836			616	220	0	0	0	0					
1195	Sửa chữa, nâng cấp trạm bơm An Kim	700			560	140	0	0	0	0					532			392	140	0	0	0	0					
1196	KCH kênh mương tuyến kênh Bờ Càn - nước nóng	450			360	90	0	0	0	0					378			288	90	0	0	0	0					
1197	Sửa chữa, nâng cấp trạm bơm Phước Thọ	600			480	120	0	0	0	0					314			194	120	0	0	0	0					
1198	Tuyến Bà Lùn - ông Cang (nối dài)	350			280	70	0	0	0	0					266			196	70	0	0	0	0					
1199	Tường rào, hệ thống thoát nước và các hạng mục khác của Sân thể thao xã	1.000			700	300	0	0	0	0					790			490	300	0	0	0	0					
1200	Công viên cây xanh (thôn Cù Và)	1.200	500	255	445	0	0	0	0	0					1.157	500	212	445	0	0	0	0	0					

TT	Chủ đầu tư/Đầu mỗi giao kế hoạch	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao											Chủ đầu tư/ Đầu mỗi giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh												Ghi chú
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025				Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025				Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025				Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025				
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			
			NSTW	NS tỉnh	NS huyện		NSTW	NS tỉnh	NS huyện						NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện	
1201	Đầu tư 04 tuyến điện chiếu sáng trên địa bàn xã Tịnh Giang (Tuyến QL24B - Cù Và (đến trường THCS), Tuyến QL24B - Đồng Hòa (đến cổng chào), Tuyến QL24B- Phước Thọ (đến nhà thờ), Tuyến QL24B - Xi phông sông Giang (2 nhánh)	1.000	800		200	300	300	0	0				UBND xã Trường Giang	760		560	200	300	300	0	0					
1202	Nâng cấp, sửa chữa các tuyến đường trên địa bàn xã Tịnh Giang (Tuyến QL24B - Xóm Rẫy; Tuyến QL24B - Trung Yên; Tuyến QL24B - Miếu Võ)	960	768		192	267	267	0	0					730		538	192	267	267	0	0					
1203	UBND xã Tịnh Đông (cũ)	3.543	2.594	0	949	533	533	0	0																	
1204	Đường BTXM đi An Bình Bắc - Gò Lòn Mót	603	536		67	0	0	0	0					603	536		67	0	0	0	0					
1205	Tuyến kênh ngò Bà Lưu - ngò ông Khâm	545	436		109	116	116	0	0					545	436		109	116	116	0	0					
1206	Nâng cấp tuyến đường QL 24B - Nhà ông Hồng Đức	700	560		140	190	190	0	0					700	560		140	190	190	0	0					
1207	Nhà văn hóa thôn Tân An	1.100	572		528	165	165	0	0					1.100	572		528	165	165	0	0					
1208	Tuyến kênh B2 - Hóc Lầy	263	210		53	17	17	0	0					263	210		53	17	17	0	0					
1209	Đường giao thông nội đồng, tuyến nhà ông Thu - nhà ông Lô	332	280		52	45	45	0	0					332	280		52	45	45	0	0					
1210	UBND xã Tịnh Minh (cũ)	6.913	2.628	984	3.301	2.343	567	0	1.776																	
1211	Nâng cấp tuyến đường QL24B - Trường Tiểu học Tịnh Minh	1.160	461	419	280	0	0	0	0					1.034	461	293	280	0	0	0	0					

TT	Chủ đầu tư/Đầu mỗi giao kế hoạch	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao											Chủ đầu tư/ Đầu mỗi giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh												Ghi chú
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn năm 2025				Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025				Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn năm 2025				Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025				
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			
			NSTW	NS tỉnh	NS huyện		NSTW	NS tỉnh	NS huyện						NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện	
1212	Nâng cấp, mở rộng cầu Vũng Đục, xã Tịnh Minh	1.000	236	564	200	0	0	0	0					830	236	395	200	0	0	0	0					
1213	KCH tuyến kênh B2-1	1.100	422	0	678	424	0	0	424					1.008	422	366	220	424	0	0	424					
1214	Chợ Đồng Cỏ; hạng mục: Sân nền, tường rào và các hạng mục khác	600	420		180	0	0	0	0					600	420		180	0	0	0	0					
1215	Nâng cấp, mở rộng đường xã trên địa bàn xã Tịnh Minh (Tuyến: ĐX.2 (Góc Dầu Lai - Nhà Ông Bàng), Tuyến: ĐX.6 (Cầu UBND xã - Nhà ông Nguyễn Vi Tiên - Nhà ông Nguyễn Hưng), Tuyến: ĐX.4 (Ngã ba Ông Lượng - Cổng Đá Đen - ĐX.8).	1.800	568	0	1.232	1.439	567	0	872					1.538	568	610	360	1.439	567	0	872					
1216	Nâng cấp, mở rộng đường thôn trên địa bàn xã Tịnh Minh (Tuyến: Đth.11 (Ngã Ba Ba Chê - Sông Trà Khúc), Tuyến: Đth.13 (NVH xóm 6 Minh Khánh - Sông Trà Khúc), Tuyến: Đth.14 (Lê Thanh Bình - Nguyễn Thiệu)	1.100	400	0	700	480	0	0	480					956	400	336	220	480	0	0	480					
1217	Sửa chữa tuyến kênh Thỏ Miếu - Ngõ ông Đường	153	122		31	0	0	0	0					153	122		31	0	0	0	0					
1218	UBND xã Tịnh Trà (cũ)	6.728	2.628	4.100		4.667	567	4.100						17.988	8.592	10.095	0	5.235	2.410	4.100	0	0	0	0	0	0
1219	Tuyến đường từ ngõ Bẩy đi ngõ Viết, thôn Thạch Nội	400	400	0		0	0	0						400	400	0		0	0	0						

TT	Chủ đầu tư/Đầu mỗi giao kế hoạch	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao											Chủ đầu tư/ Đầu mỗi giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh												Ghi chú	
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025				Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025				Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025				Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025					
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó				
			NSTW	NS tỉnh	NS huyện		NSTW	NS tỉnh	NS huyện						NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện		
1220	Nâng cấp, sửa chữa đường xã tuyến Ngõ Mần - Tĩnh Hiệp (Trà Bình)	456	456	0		0	0	0						456	456	0		0	0	0							
1221	Tuyến Ngõ Chung - xóm Dừa	150	150	0		0	0	0						150	150	0		0	0	0							
1222	Tuyến đường ngõ Huỳnh Cuộc – ngõ Huỳnh Nhân (Khánh Mỹ)	225	225	0		0	0	0						225	225	0		0	0	0							
1223	Tuyến đường ngõ Ất – Khu dân cư Mỹ Nam	225	225	0		0	0	0						225	225	0		0	0	0							
1224	Nâng cấp, sửa chữa đường xã tuyến Bờ Kênh B3 - Nhà văn hóa thôn Thạch Nội	605	605	0		0	0	0						605	605	0		0	0	0							
1225	Tuyến đường Ngõ Bông - Ngõ Phú	250	250	0		250	250	0						250	250	0		250	250	0							
1226	Xây dựng tuyến nhà ông Trương Quang Dũng - kênh B3VC1A	250	250	0		250	250	0						250	250	0		250	250	0							
1227	Tuyến đường xóm mới – Gò Mít	67	67	0		67	67	0						67	67,4	0		67	67,4	0							
1228	Nâng cấp, sửa chữa tuyến xóm mới Bình Trung	720	0	720		720	0	720						698	0	698		720	0	720							
1229	Tuyến đường ngõ Tam - Rừng Đinh	480	0	480		480	0	480						466	0	466		480	0	480							
1230	Tuyến đường Ngõ Cầm - xóm Núi	640	0	640		640	0	640						621	0	621		640	0	640							
1231	Tuyến kênh Sơn Rái - Khánh Mỹ nối dài	400		400		400	0	400						388		388		400	0	400							
1232	Tuyến B3-1-1	320	0	320		320	0	320						310	0	310		320	0	320							
1233	Tuyến kênh B1VC nhà 3 Qua	480	0	480		480	0	480						466	0	466		480	0	480							
1234	Tuyến kênh Sơn Rái Trà Bình	320	0	320		320	0	320						310	0	310		320	0	320							
1235	Tuyến kênh B3VC5B	360	0	360		360	0	360						349	0	349		360	0	360							

TT	Chủ đầu tư/Đầu mỗi giao kế hoạch	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao											Chủ đầu tư/ Đầu mỗi giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh												Ghi chú	
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025				Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025				Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025				Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025					
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó				
			NSTW	NS tỉnh	NS huyện		NSTW	NS tỉnh	NS huyện						NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện		
1236	Xây dựng mới đường GTNT tuyến ĐTh.5: ĐTh.17b - ĐTh.11 (ngõ Lâm - ngõ Qua)	380	0	380		380	0	380						369	0	369		380	0	380							
1237	UBND xã Tịnh Bắc (cũ)	8.224	1.929	6.295		568	568	0																			
1238	Kênh: VC7- 6 dung, Đồng Ao	320	0	320		0	0	0						310	0	310		0	0	0							
1239	Kênh : Lâm Quang Thiện - Suối Minh Lộc (nhánh 2), Đồng Nà	231	0	231		0	0	0						226	0	226,1		0	0	0							
1240	Kênh: VC7- Cống Thần (nhánh 1), Đồng Ao	320	0	320		0	0	0						310	0	310		0	0	0							
1241	Kênh: Ông Phong - Bùi Văn Hòa, Đồng Nà	320		320		0	0	0						310		310		0	0	0							
1242	Kênh: Đồng mốc - (ông Long - Đi suối) nhánh 1	480	0	480		0	0	0						466	0	466		0	0	0							
1243	Kênh: Ông Hải - Đặng Khâm, Đồng Nà	320	0	320		0	0	0						310	0	310		0	0	0							
1244	Kênh: Lâm Quang Vinh - Suối Minh Lộc (Nhánh 1), Đồng Nà	320	0	320		0	0	0						310	0	310		0	0	0							
1245	Kênh : VC7- Huỳnh Lúc, Đồng Ao	320	0	320		0	0	0						310	0	310		0	0	0							
1246	Tuyến kênh B42 - Suối Minh Lộc (Nhánh 2)	400	0	400		0	0	0						388	0	388		0	0	0							
1247	Kênh: Đồng mốc (ông thanh - ông Lý) nhánh 2	148	0	148		0	0	0						144	0	144		0	0	0							
1248	Nâng cấp Nghĩa tràng liệt sĩ xã Tịnh Bắc	300	0	300		0	0	0						291	0	291		0	0	0							
1249	Kênh : Lâm Quang Thiện - Suối Minh Lộc (nhánh 1), Đồng Nà	240	0	240		0	0	0						233	0	233		0	0	0							
1250	kênh: Bà Chờ - Ông Nhị - Suối Minh Lộc, Đồng Nà	320	0	320		0	0	0						310	0	310		0	0	0							

TT	Chủ đầu tư/Đầu mỗi giao kế hoạch	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao											Chủ đầu tư/ Đầu mỗi giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh												Ghi chú
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025					Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025				Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025				
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			
			NSTW	NS tỉnh	NS huyện		NSTW	NS tỉnh	NS huyện						NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện	
1251	Kênh: Bà Mai - Suối Minh Lộc, Đồng Nà	320	0	320		0	0	0						310	0	310		0	0	0						
1252	Kênh: Ông Thủy - suối Minh Lộc (nhánh 2), Đồng Nà	320	0	320		0	0	0						310	0	310		0	0	0						
1253	Kênh VC7- Hoàng Sơn Quang, Đồng ao	320	0	320		0	0	0						310	0	310		0	0	0						
1254	Kênh: Đồng mớc - (ông Long - Đi suối) nhánh 2	276	0	276		0	0	0						268	0	268		0	0	0						
1255	Kênh VC7 - ông thạch Đồng ao	320	0	320		0	0	0						320	0	320		0	0	0						
1256	Kênh: 6 Bình - Đức xem (nhánh 1)	400	400	0		0	0	0						400	400	0		0	0	0						
1257	Tuyến kênh B42 - Suối Minh Lộc (Nhánh 1)	400	400	0		0	0	0						400	400	0		0	0	0						
1258	Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng công cộng dọc 02 bên đường thôn Minh Lộc	320	320	0		0	0	0						320	320	0		0	0	0						
1259	Tường rào cổng ngõ, khán đài và các hạng mục khác của Trung tâm Văn hóa xã	1.390	690	700		449	449	0						1.369	689,50	679		448,5	449	0						
1260	Tuyến DTh.8 (DH.14 - ĐX.20)	119	119	0		119	119	0						119	118,9	0		119,0	119,00	0						
*	UBND xã Tịnh hiệp (cũ)	3.336	3.336	0		0	1.275	0																		
1261	Dự án: Kiên cố hóa Tuyến kênh B4-2a	400	400	0		0	0							400	400	0		0	0							
1262	Dự án: Đường thôn, tuyến Ngõ ông Nga - ngõ ông Hai Điền	312	312	0		0	0							312	312	0		0	0							
1263	Dự án: Đường xã, tuyến Kênh Chính Bắc - nhà ông Đa	392	392	0		0	120							392	392	0		0	119,5							
1264	Dự án: Đường xã, tuyến đường nội bộ Trung tâm xã - đường vào vị trí di dời mới của Chợ Than (nd)	288	288	0		0	0							288	288	0		0	0							

TT	Chủ đầu tư/Đầu mỗi giao kế hoạch	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao											Chủ đầu tư/ Đầu mỗi giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh												Ghi chú
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025					Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025					
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			
			NSTW	NS tỉnh	NS huyện		NSTW	NS tỉnh	NS huyện						NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện	
1265	Dự án: Đường xã, tuyến Nguyễn Đức Thu - đường 622C	389	389	0		0	0							389	389	0		0	0							
1266	Dự án: Đường thôn, tuyến Ngõ ông Thuận - ngõ ông 10 Ninh	400	400	0		0	0							400	400	0		0	0							
1267	Đường xã, tuyến Đỗ Ngọc Anh - ngõ ông 8 Vàng	310	310	0		0	310							310	310	0		0	310							
1268	Đường thôn, tuyến Ngõ ông Ao Trước - nhà ông Vàng	280	280	0		0	280							280	280	0		0	280							
1269	Đường xã, tuyến Ngõ bà Cù - xóm 4 Vĩnh Tuy (nd)	280	280	0		0	280							280	280	0		0	280							
1270	Đường xã, tuyến đường tỉnh 622C - nhà ông Hồ	280	280	0		0	280							280	280	0		0	280							
1271	KCH Tuyến kênh: B1-1a	5	5	0		0	5							5	5	0		0	5							
*	UBND Xã Trà Bình (cũ)	17.000	2.619	6.100	1.141	7.141	567	6.100	473	0	0	0		32.485	7.807	10.168	2.187	13.200	1.842	10.230	1.128	0	0	0	0	
1272	Kiên cố hóa GTNT từ QL 24C đi nhà ông Bá, thôn Bình Đông	718	671		48	0								718	671		48	0,00								
1273	Tường rào cổng ngõ sân vườn nhà văn hoá thôn Bình Thanh	1.153	800		56	297	297							1.153	800		56	297,35	297,35							
1274	Tường rào cổng ngõ sân vườn nhà văn hoá thôn Bình Đông	1.126	800		56	270	270							1.126	800		56	270,00	270,00							
1275	Tường rào cổng ngõ sân vườn nhà văn hoá thôn Bình Trung	856	348		508	0								856	348		508	0,00								
1276	Kiên cố hóa GTNT từ TL 622C đi Hóc Cát nối dài nhà ông Phan Thành Sơn, đội 6	2.479		1.150	89	1.239		1.150	89					2.042		713	89	1.239,44		1.150,00	89,44					

TT	Chủ đầu tư/Đầu mỗi giao kế hoạch	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao											Chủ đầu tư/ Đầu mỗi giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh												Ghi chú
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025					Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025					
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			
			NSTW	NS tỉnh	NS huyện		NSTW	NS tỉnh	NS huyện						NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện	
1277	Xây dựng cống, rãnh thoát nước và cải tạo mặt đường thuộc khu dân cư số 2, thôn Bình Thanh, xã Trà Bình	1.724		800	62	862		800	62					1.420		496	62	862,22		800,00	62,22					
1278	Cải tạo, nâng cấp Nghĩa trang liệt sĩ xã Trà Bình	1.830		850	65	915		850	65					1.507		527	65	915,00		850,00	65,00					
1279	Chợ Trà Bình; Hạng mục: Xây dựng nhà lồng và cải tạo một số hạng mục khác	2.479		1.150	89	1.239		1.150	89					2.042		713	89	1.239,44		1.150,00	89,44					
1280	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ QL24C đi ngõ ông Thành thôn Bình Thanh	862		400	31	431		400	31					729		267	31	431,11		400,00	31,11					
1281	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ QL24C đi cơ quan thôn Bình Trung	2.156		1.000	78	1.078		1.000	78					1.776		620	78	1.077,78		1.000,00	77,78					
1282	Tuyến đường nội đồng Hồ Lài, thôn Bình Tân	1.617		750	58	808		750	58					1.332		465	58	808,33		750,00	58,33					
*	UBND xã Trà Phú (cũ)	13.083	2.743	4.130	464	0				0	0	0														
1283	Sân, tường rào công ngõ Khu thể thao xã Trà Phú	2.745	2.035		142	567	567							2.745	2.035		142	567,35	567,35							
1284	Tường rào, cổng ngõ, nhà vệ sinh, sân vườn Nhà văn hóa thôn Phú Long, thôn Phú Tài	1.415	708			708	708							1.415	708			707,50	707,50							
1285	Đường nội đồng tuyến từ nhà ông TrầnHuỳnh đi kênh mương Đập Quang - Đá mọc	2.156		1.000	78	1.078		1.000	78					1.776		620	78	1.077,78		1.000,00	77,78					
1286	Đường nội đồng tuyến từ đập Cây Đa đi ruộng Gò Ké giáp với đường bê tông kinh tế	1.121		520	40	560		520	40					939		338	40	560,44		520,00	40,44					
1287	Đường nội đồng Gò Đình - Ruộng Cát	1.681		780	61	841		780	61					1.385		484	61	840,67		780,00	60,67					

UBND xã
Đông Trà
Bồng

TT	Chủ đầu tư/Đầu mỗi giao kế hoạch	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao										Chủ đầu tư/ Đầu mỗi giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh												Ghi chú
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025				Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025					
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó				
			NSTW	NS tỉnh	NS huyện		NSTW	NS tỉnh						NS huyện	NSTW	NST		NS huyện	NSTW		NST	NS huyện			
1288	Đường nội đồng Ruộng Vín	1.293		600	47	647		600	47					1.083		390	47	646,67		600,00	46,67				
1289	Đường nội đồng Cây Da - Đồng Diễn - Hồ Dầu	1.358		630	49	679		630	49					1.119		391	49	679,00		630,00	49,00				
1290	Nối tiếp đường bê tông đi hồ Vực Thành (tiếp theo)	1.313		600	47	667		600	67					1.085		372	47	666,67		600,00	66,67				
*	UBND xã Trà Giang (cũ)	8.549	1.568	6.085	583	0				0	0	0													
1291	Nối tiếp đường BTXM từ nhà ông thông Đi Sinh Nửa	1.677	1.568		110	0								1.677	1.568		110	0,00							
1292	Điểm vui chơi giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi	1.164		1.080	84	0								754		670	84	0,00							
1293	Mua sắm trang thiết bị nhà văn hoá	641		595	46	0								415		369	46	0,00							
1294	Nâng cấp mở rộng đường từ nhà Ông Rí đi nhà ông Bình (Đoạn từ ngã 3 nhà bà Thủy đến Nhà văn hóa thôn 1)	1.243		1.080	84	79			79					833		670	84	79,00		79,00					
1295	Bê tông xi măng tuyến đường từ nhà ông Hỷ đi nhà ông Bình	1.035		900	70	65			65					693		558	70	65,00		65,00					
1296	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ cây Ké đi nhà ông Hải	619		540	42	37			37					414		335	42	37,00		37,00					
1297	BTXM tuyến đường từ nhà bà Hội đi hồ bờ Gieo	567		495	39	34			34					379		307	39	33,50		33,50					
1298	Tường rào, cổng ngõ, sân vườn trụ sở UBND xã	1.243		1.080	84	79			79					833		670	84	79,00		79,00					
1299	Xây mới nhà vệ sinh, sân nền nhà văn hóa thôn 1	359		315	25	20			20					239		195	25	19,50		19,50					
*	UBND xã Sơn Tân (cũ)	2.065	2.065	0	0	1.450	1.450	0	0					10.810	14.995	7.045	0	1.674	2.695	1.545	0	0	0	0	0
1300	Trường PTDTBT Tiểu học và THCS (cơ sở 2 điểm trường cũ)	1.065	1.065			750	750							1.065	1.065			750	570						
1301	Nhà văn hóa xã	1.000	1.000			700	700							1.000	1.000			532	532						

TT	Chủ đầu tư/Đầu mỗi giao kế hoạch	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao											Chủ đầu tư/ Đầu mỗi giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh												Ghi chú
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025				Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025				Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025				Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025				
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			
			NSTW	NS tỉnh	NS huyện		NSTW	NS tỉnh	NS huyện						NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện	
	UBND xã Sơn Long (cũ)	1.700	1.700	0	0	500	500	0	0																	
1302	Đập thủy lợi Mang Nông	1.000	1.000			300	300							1.000	1.000			234	234							
1303	Xây dựng nhà vệ sinh, sân nền và mái hiên trường Mầm non Đắk Ra Pân(Điểm trường	700	700			200	200							700	700			158	158							
	UBND xã Sơn Dung (cũ)	10.383	0	10.383	0	0	1.580	1.545	0																	
1304	Sân bóng chuyền thôn Gò Lã	671		671				171						458		458			171							
1305	Nâng cấp hệ thống nước trung tâm huyện	1.104		1.104				404						740		740			404							
1306	Đường điện 0,4kv kết hợp chiếu sáng vào xóm ông Nhù - KDC Tân Vía	720		720				220						503		503			220							
1307	Đường điện 0,4kv vào xóm ông Du - KDC Ta Gân	630		630				130						428		428			130							
1308	Sân bóng chuyền thôn Huy Măng	720		720				220						490		490			220							
1309	Đường điện 0,4kv kết hợp chiếu sáng nhà ông Minh - nhà ông Nhiều	900		900				400						603		603			400							
1310	Đầu tư sân thể thao Đắk Trên (NSTW)	800		800			200							544		544		152								
1311	Điện 0,4kv kết hợp chiếu sáng từ nhà ông Mèo đi nhà văn hóa thôn Đắk Trên (NSTW)	1.100		1.100			280							737		737		213								
1312	Điện 0,4kv kết hợp chiếu sáng đường vào KDC Tu Broai (NSTW)	600		600										408		408										
1313	Hệ thống nước sinh hoạt Đắk Trên (NSTW)	1.138		1.138			400							774		774		304								
1314	Nâng cấp đường BTXM vào KDC Ta Gân (NSTW)	900		900			300							612		612		228								
1315	Nâng cấp sân thể thao Đắk Lang (NSTW)	1.100		1.100			400							748		748		304								

TT	Chủ đầu tư/Đầu mỗi giao kế hoạch	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao										Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh														Ghi chú
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025			Chủ đầu tư/ Đầu mỗi giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025			Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025							
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó						
			NSTW	NS tỉnh	NS huyện		NSTW	NS tỉnh						NS huyện	NSTW		NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện	NSTW	NST	NS huyện	

* Ghi chú:

- 1.Tổng số vốn còn lại sau điều chỉnh là 16.063 triệu đồng (bao gồm 15.843 triệu đồng vốn năm 2025 còn lại sau điều chỉnh và 220 triệu đồng được TU bổ sung tại QĐ 864/QĐ-TTg ngày 05/5/2025) được phân bổ cho các xã (mới) cụ thể: xã Tư Nghĩa (2.692 triệu đồng), xã Vệ Giang (2.315 triệu đồng), xã Trà Giang (1.790 triệu đồng), xã Khánh Cường (2.592 triệu đồng), xã Nguyễn Nghiêm (2.400 triệu đồng), xã Long Phụng (2.050 triệu đồng), xã Lân Phong (2.224 triệu đồng).
2. Tổng kế hoạch vốn các xã thuộc Chương trình do các huyện thuộc tỉnh Quảng Ngãi (cũ) phân cao hơn 28.612 triệu đồng so với QĐ của UBND tỉnh vì UBND huyện Sơn Tây cũ phân vốn bố trí huyện trắng nông thôn mới cho các xã 25.000 triệu đồng và UBND huyện Mộ Đức (cũ) phân bổ cho xã Mộ Đức 3.612 triệu từ nguồn huyện nông thôn mới.

Phụ lục 1b
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 VÀ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TỈNH QUẢNG NGÃI (mới)

(Nguồn vốn: Ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương)
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /9/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao										Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh										Ghi chú
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025			Chủ đầu tư/ Đầu mối giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025			
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
			NSTW	NS tỉnh		NSTW	NS tỉnh						NSTW	NST		NSTW	NST		NSTW	NST	
*	UBND xã Đắk Cấm (cũ)	3.372	3.372	0	922	922	0	26	26	0	Phường Đắk Cấm	3.372	3.372	0	922	922	0	26	26	0	
1	Tuyến đường từ rẫy ông Thư ra suối	212	212		0	0		0				212	212		0	0		0			
2	Tuyến đường từ cây Đa ra suối	109	109		0	0		0				109	109		0	0		0			
3	Đoạn từ nhà ông Keo đến nhà ông Avelo	101	101		0	0		0				101	101		0	0		0			
4	Đường giao thông nội thôn 4	981	981		564	564		26	26			981	981		564	564		26	26		
5	Đường thôn 4, Đoạn từ hộ bà Nguyễn Thị Xinh đến hộ bà Nguyễn Thị Hảo	247	247		0	0		0				247	247		0	0		0			
6	Đường thôn 9 Đoạn từ hộ ông Lê Minh Nhom đến hộ ông Dương Văn Đình	165	165		165	165		0				165	165		165	165		0			
7	Cuối đường nhựa thôn 9 đến giáp đất Đắk Blá	151	151		151	151		0				151	151		151	151		0			
8	Đoạn từ nhà ông Võ Văn Thuận đến nhà bà Trần Thị Kiều Thu	43	43		43	43		0				43	43		43	43		0			
9	Đầu tư xây dựng cầu tràn dân sinh trên địa bàn xã Đắk Cấm, thành phố Kon Tum	1.363	1.363		0	0		0			UBND xã Ngok Bay	1.363	1.363		0	0		0			
*	UBND xã Kroong (cũ)	3.525	3.525	0	825	825	0	0	0	0		23.521	23.521	0	8.001	8.001	0				
10	Đường trục thôn thôn Trung Nghĩa Tây (Từ nhà Hồ Tấn Phước đến nhà Bùi Thị Hồng)	365	365		0	0					365	365		0	0						

TT	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao									Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh											Ghi chú
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025			Chủ đầu tư/ Đầu mối giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025			
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
			NSTW	NS tỉnh		NSTW	NS tỉnh						NSTW	NST		NSTW	NST		NSTW	NST	
11	Đường trục thôn thôn 2 (Từ Nhà Nguyễn Phú Dũng đến Nhà Võ Thị Thu Thủy)	556	556		0	0					556	556		0	0						
12	Đường trục thôn thôn Trung Nghĩa Đông (Từ nhà Hoàng Du Lịch đến nhà Phan Thanh Giảng)	354	354		0	0					354	354		0	0						
13	Xây mới Hội trường thôn 2	505	505		285	285					505	505		285	285						
14	Đường trục thôn thôn Trung Nghĩa Tây (Từ nhà Ngô Hữu Công đến nhà Trần Thị Thanh Liễu)	755	755		0	0					755	755		0	0						
15	Đường nội thôn thôn Trung Nghĩa Tây (Từ nhà Huỳnh Thị Thủy đến nhà Trần Văn Duệ)	97	97		0	0					97	97		0	0						
16	Xây mới Hội trường thôn Trung Nghĩa Đông	500	500		134	134					500	500		134	134						
17	Đường nội thôn thông Trung Nghĩa Đông (từ nhà ông Đồng đến Nhà làng)	85	85		66	66					85	85		66	66						
18	Đường nội thôn Kroong Klah (Từ Hồ Ba Tam đến nhà ông A Tanh)	309	309		340	340					309	309		340	340						
*	UBND xã Vinh Quang (cũ)	3.372	3.372	0	974	974	0	0	0		0										
19	Tuyến đường từ nhà Y Hlor đến nhà A Nin	267	267		0	0					267	267		0	0						
20	Tuyến đường từ nhà A Chang đến Y Krai	129	129		0	0					129	129		0	0						
21	Tuyến đường từ nhà ông Ngô Đậu đến điểm trường MN Bằng Lăng	98	98		0	0					98	98		0	0						
22	Tuyến đường từ nhà ông A Ngô đến giáp Sông Đắk Bla	39	39		0	0				39	39		0	0							

TT	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao									Chủ đầu tư/ Đầu mối giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh									Ghi chú	
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025				
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Ngân sách TW		Ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
			NSTW	NS tỉnh		NSTW	NS tỉnh						NSTW	NST		NSTW	NST				
23	Tuyến đường từ nhà bà Y Dêm đến nhà Lê Trí Thiện	294	294		0	0					294	294		0	0						
24	Tuyến đường từ nhà bà Nguyễn Thị Phụng đến nhà Y Khanh	241	241		0	0					241	241		0	0						
25	Tuyến đường từ nhà A Hrul đến đối diện nhà ông A Truih	340	340		0	0					340	340		0	0						
26	Tuyến đường từ nhà Y Bư đến nhà Y Ta	364	364		0	0					364	364		0	0						
27	Tuyến đường từ nhà Đồ Gò Tùng Hăng đến nhà Nguyễn Văn Trường	197	197		0	0					197	197		0	0						
28	Tuyến đường từ nhà A Gang đến cây đa	194	194		0	0					194	194		0	0						
29	Tuyến đường từ TL666 nhà ông Thái Văn Khánh đến giáp bờ kè sông ĐăkBlá	262	262		27	27					262	262		27	27						
30	Tuyến đường bà Y Chanh đến nhà ông A Nhuru	100	100		100	100					100	100		100	100						
31	Tuyến đường nhà bà Y Râm đến nhà bà Y Ngơih	55	55		55	55					55	55		55	55						
32	Xây dựng nhà vệ sinh nhà văn hóa thôn 30m2	100	100		100	100					100	100		100	100						
33	Sửa chữa nhà rông Kon rơ băng 2 (Nhà rông cũ đang hư hỏng, cần cải tạo)	692	692		692	692					692	692		692	692						
*	UBND xã Ngok Bay (cũ)	16.624	16.624	0	6.202	6.202	0														
34	Đường nội thôn số 2 thôn KơNăng	591	591		0	0					591	591		0	0						
35	Đường nội thôn số 3 thôn KơNăng	251	251		0	0					251	251		0	0						
36	Đường nội thôn số 4 thôn KơNăng	72	72		0	0					72	72		0	0						
37	Đường nội thôn số 5 thôn KơNăng	116	116		0	0					116	116		0	0						

TT	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao									Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh										Ghi chú	
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025		Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025			Chủ đầu tư/ Đầu mối giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025		Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025					
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Ngân sách TW		Ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
			NSTW	NS tỉnh		NSTW	NS tỉnh						NSTW	NST		NSTW	NST				
38	Điểm trường mầm non thôn Kơ Năng, xã Ngok Bay	434	434		0	0					434	434		0	0						
39	Đường trục thôn số 1 thôn KonHơNgolKlah	269	269		0	0					269	269		0	0						
40	Đường trục thôn số 2 thôn KonHơNgolKlah	264	264		0	0					264	264		0	0						
41	Đường trục thôn số 3 thôn KonHơNgolKlah	188	188		0	0					188	188		0	0						
42	Đường trục thôn số 4 thôn KonHơNgolKơLah QH	618	618		0	0					618	618		0	0						
43	Đường trục thôn số 5 thôn KonHơNgolKơLah QH	127	127		0	0					127	127		0	0						
44	Đường trục thôn số 6 thôn KonHơNgolKơLah QH	134	134		0	0					134	134		0	0						
45	Đường trục thôn số 1 thôn MăngLa	222	222		0	0					222	222		0	0						
46	Đường trục thôn số 2 thôn MăngLa	184	184		0	0					184	184		0	0						
47	Đường trục thôn số 3 thôn MăngLa	268	268		0	0					268	268		0	0						
48	Đường trục thôn số 2 thôn ĐăkRơĐe	107	107		0	0					107	107		0	0						
49	Đường trục thôn số 3 thôn ĐăkRơĐe	313	313		0	0					313	313		0	0						
50	Đường trục thôn số 4 thôn Plei Klech	303	303		0	0					303	303		0	0						
51	Đường GTNT thôn Măng La (đoạn từ nhà A Chuát đến nhà A Tróp)	274	274		274	274					274	274		274	274						
52	Đường GTNT thôn Kơ Năng (đoạn từ nhà Hồ Văn Trung đến giáp TL 666 cũ)	227	227		0	0					227	227		0	0						
53	Đường GTNT thôn K ơ Năng (đoạn từ nhà A Xoa đến nhà ông Paul Prin)	256	256		256	256					256	256		256	256						

TT	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao									Chủ đầu tư/ Đầu mối giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh									Ghi chú	
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025		Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025				Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025		Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025					
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Ngân sách TW		Ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
			NSTW	NS tỉnh		NSTW	NS tỉnh						NSTW	NST		NSTW	NST				
54	Đường GTNT thôn Kơ Năng (đoạn từ nhà rông đến nhà A Tih và nhà A Nguru)	219	219		0	0					219	219		0	0						
55	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường trục thôn Plei Klech (đoạn từ nhà A Klanh đến nhà A Lâm)	259	259		0	0					259	259		0	0						
56	Điện chiếu sáng công lộ thôn Măng La, xã Ngok Bay	550	550		0	0					550	550		0	0						
57	Điện chiếu sáng công lộ thôn PleiKlech, xã Ngok Bay	772	772		0	0					772	772		0	0						
58	Điện chiếu sáng công lộ thôn Kơ Năng, xã Ngok Bay	687	687		0	0					687	687		0	0						
59	Cải tạo nhà rông văn hóa thôn KonHoNgoKlah	262	262		0	0					262	262		0	0						
60	Cải tạo nhà rông văn hóa thôn Kơ Năng	837	837		837	837					837	837		837	837						
61	Cải tạo nhà rông văn hóa thôn Măng La	540	540		540	540					540	540		540	540						
62	Cải tạo nhà rông văn hóa thôn Đăk Rơ Đe	313	313		0	0					313	313		0	0						
63	Cải tạo nhà rông văn hóa thôn Plei Klech	810	810		810	810					810	810		810	810						
64	Nâng cấp sửa chữa tuyến đường liên thôn xã Ngok Bay (đoạn từ TL 675 đến cầu sắt thôn Kơ Năng)	1.928	1.928		1.928	1.928					1.928	1.928		1.928	1.928						
65	Điện chiếu sáng công lộ TL 675 (đoạn từ UBND xã đến hết thôn PleiKlech)	387	387		387	387					387	387		387	387						
66	Điện chiếu sáng công lộ thôn Đăk Rơ Đe, xã Ngok Bay, thành phố Kon Tum	630	630		630	630					630	630		630	630						

TT	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao									Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh											Ghi chú
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025			Chủ đầu tư/ Đầu mối giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025			
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
			NSTW	NS tỉnh		NSTW	NS tỉnh						NSTW	NST		NSTW	NST		NSTW	NST	
67	Đường GTNT thôn Măng La (đoạn từ nhà Y Nhâm đến giáp TL 666 cũ)	540	540		540	540				UBND xã Ia Chim	540	540		540	540						
68	Trường tiểu học Đặng Trần Côn, thành phố KonTum	2.672	2.672		0	0					2.672	2.672		0	0						
*	UBND xã Đắk Năng (cũ)										10.177	10.177	0	2.675	2.675	0					
69	Đường GTNT thôn Rơ Wăk (đoạn từ nhà A Thâm đến nhà A Sre:40m, đoạn đường bê tông đến nhà A Chanh:50m, đoạn bê tông đến nhà A Yiêng:40m, đoạn nhà A Liu đến nhà A Hnhiêuh:40m, đoạn nhà A Bet đến nhà Y Chuinh 40m, đoạn nhà y Buk đến nhà A chúu:100m)	381	381		0	0					381	381		0	0						
70	Đường GTNT thôn Jơ Droy (Từ nhà A Tumh đến nhà A Rit)	379	379		0	0					379	379		0	0						
71	Đường GTNT thôn Jơ Droy (Từ nhà A Turi đến nhà A Cưng)	645	645		0	0					645	645		0	0						
72	Đường GTNT thôn Jơ Droy (Từ nhà A Mui đến nhà ông Nguyễn Văn Thiệu)	378	378		0	0					378	378		0	0						
73	đường GTNT thôn Ia Hội (Từ nhà ông Nguyễn Sang đến nhà ông Nguyễn Trường sơn)	268	268		0	0					268	268		0	0						
74	Đường GTNT thôn Ia Hội (từ nhà ông Phạm Tri đến nhà ông Ngô Đình Dũng)	295	295		0	0					295	295		0	0						

TT	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao									Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh										Ghi chú	
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025			Chủ đầu tư/ Đầu mỗi giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025			
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
			NSTW	NS tỉnh		NSTW	NS tỉnh						NSTW	NST		NSTW	NST		NSTW		NST
75	Đường GTNT thôn Ia Hội (từ nhà ông Lê Xuân Sơn đến khu sản xuất)	201	201		35	35						201	201		35	35					
76	Sửa chữa Hội trường thôn Ia Hội : xây dựng tường rào xung quanh, xây dựng khu vệ sinh	150	150		150	150						150	150		150	150					
77	Sửa chữa Hội trường thôn Ngõ Thanh : xây dựng tường rào xung quanh, xây dựng nhà vệ sinh	150	150		150	150						150	150		150	150					
78	Sửa chữa Hội trường thôn Ia Kim :xây dựng tường rào xung quanh, xây dựng nhà vệ sinh	150	150		150	150						150	150		150	150					
79	sửa chữa Nhà rồng thôn Rờ Wăk :xây dựng tường rào xung quanh, xây dựng nhà vệ sinh	81	81		81	81						81	81		81	81					
80	Đường giao thông nông thôn, thôn Rơ wăk,tuyến đường từ nhà ông A Yêng đến bến nước giọt 1	356	356		356	356						356	356		356	356					
*	UBND xã Iachim (cũ)	4.790	4.790	0	1.045	1.045	0														
81	Đường ngõ xóm 1 (Đoạn đường từ nhà Bà Y Lai dẫn đến hộ Bà Y Mik và từ nhà Ông A Thơ dẫn đến hộ ông A Lir)	223	223		0	0						223	223		0	0					
82	Đường ngõ xóm số 2 (từ đất bà Y Gáo đến đất bà Y Thom)	223	223		0	0						223	223		0	0					
83	Đường ngõ xóm số 1 (từ đất Bà Y Nhin đến đất ông A Khaoh)	105	105		0	0						105	105		0	0					

TT	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao									Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh										Ghi chú	
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025		Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025			Chủ đầu tư/ Đầu mối giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025		Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025					
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Ngân sách TW		Ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
			NSTW	NS tỉnh		NSTW	NS tỉnh						NSTW	NST		NSTW	NST		NSTW		NST
84	Đường trục chính nội đồng số 2 (từ đất ông A Nglir đến ranh giới xã Hòa Bình)	203	203		0	0					203	203		0	0						
85	Đường Ngõ Xóm 2 (đoạn từ nhà ông Nguyễn Văn Lường đến nhà ông Phan Văn Thế và đoạn từ nhà ông Mai Ngọc Nhuận đến nhà ông Nguyễn Văn Thủy)	200	200		0	0					200	200		0	0						
86	Đường ngõ xóm số 6 (đoạn từ nhà ông Phan Viết Dũng đến nhà bà Lê Thị Tuyết Nhung)	145	145		0	0					145	145		0	0						
87	Đường Ngõ Xóm số 2 (đoạn từ nhà ông A Wunh đến nhà ông A Phen)	403	403		0	0					403	403		0	0						
88	Đường Ngõ Xóm 1 (đoạn từ nhà ông A Khum đến nhà ông A Dao và nhà ông A Núi đến nhà ông A Kui)	465	465		0	0					465	465		0	0						
89	Đường ngõ xóm 1 (Đoạn đường từ nhà Ông A Hrik dẫn đến nhà Ông A Văn).	239	239		0	0					239	239		0	0						
90	Đường ngõ xóm Tuyến 1 (Đoạn đường từ nhà Ông A Tin dẫn đến hộ A Thương và Đoạn đường từ nhà Ông A Huuk đi đến khu sản xuất)	390	390		270	270					390	390		270	270						
91	Đường Ngõ Xóm 4 (đoạn từ nhà ông A Dyur đến nhà ông A Tan)	401	401		401	401					401	401		401	401						
92	Đường Ngõ Xóm 6 (đoạn từ nhà ông A U'n đến nhà ông A Thoan)	224	224		224	224					224	224		224	224						

TT	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao										Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh										Ghi chú
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025			Chu đầu tư/ Đầu mối giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025			
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
			NSTW	NS tỉnh		NSTW	NS tỉnh						NSTW	NST		NSTW	NST				
93	Hệ thống điện chiếu sáng công lộ thôn Tân An (đoạn từ nhà ông Trần Văn Hạnh đến nhà ông Phạm Tam)	150	150		150	150					UBND xã Đắk Rơ Wa	150	150		150	150					
94	Trường mầm non Hoa Mai, thành phố KonTum	1.419	1.419		0	0						1.419	1.419		0	0					
*	Xã Đoàn Kết (cũ)	1.953	1.953	0	708	708	0														
95	Tuyến đường đi khu sản xuất thôn 8	1.695	1.695		450	450						1.695	1.695		450	450					
96	Đường trục chính nội đồng thôn 5, xã Đoàn Kết, thành phố Kon Tum: (Đoạn từ nhà Bà Trương Thị Chanh đi Nông trường tiếp giáp đường bê tông xây dựng năm 2020)	258	258		258	258						258	258		258	258					
*	UBND xã Đắk rơ wa (cũ)	10.105	10.105	0	3.430	3.430	0	230	230	0		26.992	26.992	0	9.091	9.091	0	274	274	0	
97	Sửa chữa sân, xây tường rào xung quanh nhà rông và xây dựng khu thể thao thôn Kon Tum Kơ Pong, xã Đắk Rơ Wa	129	129		0	0		0				129	129		0	0		0			
98	Đường đi khu sản xuất số 1 ra hồ chứa ĐắkRơWa	683	683		0	0		0				683	683		0	0		0			
99	Đường nội thôn (từ nhà ông Nhà ô.Trieh đến đất ông Banh)	211	211		0	0		0				211	211		0	0		0			
100	Đường nội thôn số 4 thôn KonTum KơPong 2	215	215		0	0		0				215	215		0	0		0			
101	Đường nội thôn số 6 thôn KonTum KơPong 2	112	112		0	0		0				112	112		0	0		0			
102	Đường nội thôn (từ nhà Bà Y Hằng đến nhà Bà Y Much)	153	153		0	0		0				153	153		0	0		0			

TT	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao									Chủ đầu tư/ Đầu mối giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh									Ghi chú	
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025		Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025				Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025		Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025					
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Ngân sách TW		Ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
			NSTW	NS tỉnh		NSTW	NS tỉnh						NSTW	NST		NSTW	NST				
103	Đường nội thôn (từ nhà Bà Y Hằng đến nhà Ông A Heh)	178	178		0	0		0				178	178		0	0		0			
104	Đường nội thôn (từ nhà ông A Guch đến bờ sông)	57	57		0	0		0				57	57		0	0		0			
105	Đường nội thôn (từ đường nhựa đến nhà ông A Năng)	76	76		0	0		0				76	76		0	0		0			
106	Điểm trường mầm non Thôn Kon Jodri	466	466		0	0		0				466	466		0	0		0			
107	Điểm trường tiểu học Thôn Kon Ktu	1.028	1.028		0	0		0				1.028	1.028		0	0		0			
108	Điểm trường mầm non Thôn Kon Tum Kơ Pong	1.373	1.373		0	0		0				1.373	1.373		0	0		0			
109	Sửa chữa nhà rông văn hóa thôn Kon Klor, xã Đắk Rơ Wa.	420	420		0	0		55	55			420	420		0	0		55	55		
110	Hệ thống điện công lộ dọc Tỉnh lộ 671 (từ nhà ông A Tuy- đến nghĩa địa thôn Kon Tum Kơ Năm)	400	400		0	0		71	71			400	400		0	0		71	71		
111	Hệ thống điện chiếu sáng Kon Jodri, xã Đắk rơ wa	364	364		0	0		31	31			364	364		0	0		31	31		
112	Đường GTNT nội thôn Kon Klor, xã Đắk rơ wa (đoạn từ ngã ba đường liên thôn đến nhà bà Y Âm)	115	115		0	0		5	5			115	115		0	0		5	5		
113	Sửa chữa nhà rông văn hóa thôn Kon Tum Kơ Năm	338	338		338	338		0				338	338		338	338		0			
114	Sửa chữa đường GTNT Kon Tum Kơ Pong (đoạn từ ngã ba đường tỉnh lộ 671 đến điểm trường thôn)	695	695		0	0		68	68			695	695		0	0		68	68		
115	Đường đi khu sản xuất thôn Kon Klor: đoạn từ cầu tràn	273	273		273	273		0				273	273		273	273		0			

TT	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao									Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh											Ghi chú
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025		Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025			Chủ đầu tư/ Đầu mối giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025		Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025					
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Ngân sách TW		Ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
			NSTW	NS tỉnh		NSTW	NS tỉnh						NSTW	NST		NSTW	NST		NSTW	NST	
116	Điện chiếu sáng công lộ thôn Kon Tum Kơ Năm, xã Đắk Rơ Wa, thành phố Kon Tum (đoạn từ cổng chào thôn đến ngã 3 đường BT số 2 - đến giáp TL671)	205	205		205	205		0				205	205		205	205		0			
117	Hệ thống điện chiếu sáng công lộ thôn Kon Klor, xã Đắk Rơ Wa, thành phố Kon Tum (Đoạn từ nhà Ông Tâm đến đường tránh Đông TP. Kon Tum; đoạn từ tiệm sửa xe Phú Quý đến nhà Bà Y Byin; đoạn từ TL671 đến nhà bà Y Ấm)	886	886		886	886		0				886	886		886	886		0			
118	Hệ thống điện chiếu sáng công lộ dọc tỉnh lộ TL671 (Đoạn từ UBND xã đến ngã ba trường mầm non; đường từ TL671 đi hồ sinh thái; đường bê tông bên cạnh xã)	783	783		783	783		0				783	783		783	783		0			
119	Điện chiếu sáng công lộ thôn Kon Klor, xã Đắk Rơ Wa, thành phố Kon Tum (đoạn từ Cổng chào Thôn Kon Klor đến nhà ông A Hy Ấn; Đoạn từ đường bê tông đến nhà A Thum)	527	527		527	527		0				527	527		527	527		0			

TT	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao										Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh										Ghi chú
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025			Chủ đầu tư/ Đầu mối giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025			
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
			NSTW	NS tỉnh		NSTW	NS tỉnh						NSTW	NST		NSTW	NST		NSTW	NST	
120	Điện chiếu sáng công lộ thôn Kon Tum Kơ Pong, xã Đăk Rơ Wa, thành phố Kon Tum (Đoạn từ TL671 đi giáp đường BT số 1; đoạn từ nhà bà Y Phong đến đường BT số 1; đoạn từ nhà ông Y Thoai đến đường bao phía nam)	418	418		418	418		0				418	418		418	418		0			
*	UBND xã Đăk Blà (cũ)	10.143	10.143	0	4.161	4.161	0	0	0	0											
121	Đường GTNT thôn Kon Mơ Nay Kơ Tu 1, xã Đăk Blà, thành phố Kon Tum: (đoạn từ QL 24 đến Ngã tư Tuyến tránh HCM).	112	112		0	0						112	112		0	0					
122	Đường GTNT thôn Kon Mơ Nay Kơ Tu 2, xã Đăk Blà, thành phố Kon Tum: (đoạn từ nhà ông Trần Đức Hệ đến Tuyến tránh HCM)	80	80		0	0						80	80		0	0					
123	Đường GTNT thôn Kon Hring, xã Đăk Blà, thành phố Kon Tum: (đoạn 1 từ QL 24 đi khu sản xuất thuộc Cảnh đồng Đăk Kơ Wel L=80m, đoạn 2 từ đoạn nối tiếp XD năm 2018 đến Tuyến tránh HCM L2=20m).	77	77		0	0						77	77		0	0					
124	Đường GTNT thôn Kon Rơ Lang, xã Đăk Blà, thành phố Kon Tum: (đoạn từ QL 24 đến Hội trường thôn).	501	501		0	0					501	501		0	0						

TT	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao									Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh											Ghi chú
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025		Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025			Chủ đầu tư/ Đầu mối giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025		Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025					
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Ngân sách TW		Ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
			NSTW	NS tỉnh		NSTW	NS tỉnh						NSTW	NST		NSTW	NST		NSTW	NST	
125	Đường GTNT thôn Kon Rơ Lang, xã Đăk Blă, thành phố Kon Tum: (đoạn từ nhà ông Hà Văn Tám đến nhà ông Đỗ Văn Khương).	512	512		0	0					512	512		0	0						
126	Nhà rộng văn hoá thôn Kon Mơ Nay Kơ Tu 1, xã Đăk Blă, thành phố Kon Tum; Hạng mục Sân bê tông nhà rộng	295	295		0	0					295	295		0	0						
127	Sửa chữa diêm trường Mâm non nằng hồng, thôn Kon Mơ nay kơ tu 1, xã Đăk Blă thành phố Kon Tum Hạng mục: Nhà học 01 phòng, Cổng và tường rào.	219	219		0	0					219	219		0	0						
128	Điện chiếu sáng Đường GTNT thôn Kon Hring, xã Đăk Blă, thành phố Kon Tum	380	380		0	0					380	380		0	0						
129	Điện chiếu sáng Đường GTNT thôn Kon Mơ Nay Kơ Tu 2, xã Đăk Blă, thành phố Kon Tum	352	352		0	0					352	352		0	0						
130	Điện chiếu sáng công lộ đoạn từ Quốc lộ 24 cũ đi đến thôn Kon Gur, xã Đăk Blă, thành phố Kon Tum	1.037	1.037		0	0					1.037	1.037		0	0						
131	Điện chiếu sáng Đường GTNT thôn Kon Rơ Lang, xã Đăk Blă, thành phố Kon Tum	360	360		0	0					360	360		0	0						
132	Điện chiếu sáng Đường GTNT thôn Kon Drei, xã Đăk Blă, thành phố Kon Tum	226	226		0	0					226	226		0	0						

TT	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao									Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh										Ghi chú	
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025		Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025			Chủ đầu tư/ Đầu mỗi giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025		Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025					
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Ngân sách TW		Ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
			NSTW	NS tỉnh		NSTW	NS tỉnh						NSTW	NST		NSTW	NST		NSTW		NST
133	Đường GTNT thôn Kon Drei, xã Đắk Blà thành phố Kon Tum; Hạng mục: Nâng cấp, cải tạo mở rộng (Đoạn từ Cổng chào thôn Kon Drei đến Cầu trần cuối thôn).	1.206	1.206		113	113					1.206	1.206		113	113						
134	Điện chiếu sáng công lộ thôn Kon Jơ Dreh, xã Đắk Blà, thành phố Kon Tum (đoạn từ Quốc lộ 24 cũ đi đến nhà Y Buri)	76	76		0	0					76	76		0	0						
135	Cải tạo Sửa chữa một số hạng mục để đảm bảo công tác dạy và học của Trường tiểu học Bế Văn Đàn, thành phố Kon Tum. Hạng mục: Nhà Hiệu bộ, 02 nhà xe, 05 nhà rông và các hạng mục phụ trợ.	140	140		0	0					140	140		0	0						
136	Điện chiếu sáng công lộ thôn Kon Gur, xã Đắk Blà, thành phố Kon Tum (Đoạn từ cầu đôi đến Quốc lộ 24)	350	350		0	0					350	350		0	0						
137	Điện chiếu sáng công lộ thôn Kon Jơ Dreh, xã Đắk Blà, thành phố Kon Tum (đoạn nối từ Quốc lộ 24 đi vào cầu trần)	173	173		0	0					173	173		0	0						
138	Điện chiếu sáng công lộ thôn Kon Mơ Nay Kơ Tu 1, xã Đắk Blà, thành phố Kon Tum	637	637		637	637					637	637		637	637						
139	Điện Chiếu sáng công lộ thôn Kon Drei , xã Đắk Blà, thành phố Kon Tum	356	356		356	356					356	356		356	356						

TT	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao										Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh										Ghi chú
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025			Chủ đầu tư/ Đầu mối giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025			
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
			NSTW	NS tỉnh		NSTW	NS tỉnh						NSTW	NST		NSTW	NST		NSTW	NST	
140	Điện chiếu sáng công lộ thôn Kon Gur, xã Đắk Blà, thành phố Kon Tum(đoạn lộ 2)	144	144		144	144						144	144		144	144					
141	Đường GTNT thôn Kon Jơ Dreh PLong, xã Đắk Blà, thành phố Kon Tum; Hạng mục: Mái Ta luy, gia cố nền đường (đoạn nhà ông A Khoăn đến suối).	237	237		237	237						237	237		237	237					
142	Điện chiếu sáng công lộ thôn Kon Jơ Dreh và thôn Kon Jơ Dreh Plong , xã Đắk Blà, thành phố Kon Tum	716	716		716	716						716	716		716	716					
143	Đường giao thông liên thôn xã Đắk Blà, thành phố Kon Tum; Hạng mục: Sửa chữa cải tạo mở rộng, (Đoạn từ Quốc lộ 24 cũ Cổng chào thôn Kon Jơ Dreh đến Cầu trần số 1 thôn Kon Jơ Dreh).	1.040	1.040		1.040	1.040						1.040	1.040		1.040	1.040					
144	Đường GTNT thôn Kon Drei , xã Đắk Blà, thành phố Kon Tum (Đoạn đi khu sản xuất đoạn 2)	628	628		628	628						628	628		628	628					
145	Đường GTNT thôn Kon Jơ Deh Plong, xã Đắk Blà, thành phố Kon Tum (Đoạn từ nhà A Trem đến nhà Bưm)	162	162		162	162						162	162		162	162					
146	Đường GTNT thôn Kon Jơ Deh Plong, xã Đắk Blà, thành phố Kon Tum (Đoạn từ QL 24 cũ đi đến nhà A Rưng)	127	127		127	127						127	127		127	127					
*	UBND xã Hòa Bình (cũ)	3.372	3.372	0	535	535	0	44	44	0											

TT	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao									Chủ đầu tư/ Đầu mối giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh									Ghi chú		
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025			Tổng số	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch vốn năm 2025		Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025						
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Ngân sách TW			Ngân sách tỉnh	Tổng số	NSTW	NST	Tổng số	Trong đó		Tổng số		Trong đó	
			NSTW	NS tỉnh		NSTW	NS tỉnh										NSTW	NST			NSTW	NST
147	Đường số 2 thôn Đăkkrăk	260	260		0	0		0				260	260		0	0		0				
148	Đường số 3 thôn Đăkkrăk	296	296		0	0		0				296	296		0	0		0				
149	Đường số 6 thôn ĐăkKrăk (Đoạn còn lại)	223	223		0	0		0				223	223		0	0		0				
150	Đường số 7 & Đường số 9 Thôn Đăkkrăk	201	201		0	0		0				201	201		0	0		0				
151	Đường từ QL 14 đến nhà ông Nguyễn Bản	285	285		0	0		0				285	285		0	0		0				
152	Đường từ nhà ông Lê Trọng Ý đến nhà ông A Hùng	212	212		0	0		12	12			212	212		0	0		12	12			
153	Từ đường nhựa đi thôn Plei downg đến nhà ông A Phải	131	131		0	0		0				131	131		0	0		0				
154	Từ đường đi Yachim đến nhà ông Lê Văn Trung	295	295		0	0		0				295	295		0	0		0				
155	Đường số 5 thôn Đăk Răk	272	272		0	0		0				272	272		0	0		0				
156	Từ ngã 3 cầu tràn đến nhà ông Nguyễn Khương	236	236		0	0		11	11			236	236		0	0		11	11			
157	Từ QL 14 vào sân Golf	121	121		0	0		0				121	121		0	0		0				
158	Từ nhà ông Quốc đến nhà ông Nguyễn Văn Bá	305	305		0	0		21	21			305	305		0	0		21	21			
159	Đường Từ nhà Bà Hồ Thị Lan ra đường tránh Đông (Thôn 4- xã Hòa Bình, Kon Tum)	164	164		164	164		0				164	164		164	164		0				
160	Từ nhà ông Nguyễn Lê Tường Văn đến giáp ngã 3 đường từ QL 14 vào đập Đăk Yên	371	371		371	371		0				371	371		371	371		0				
*	UBND xã Chư Hreng (cũ)	3.372	3.372	0	965	965	0	0	0	0												
161	Sửa chữa nhà văn hóa thôn PleiGroi, xã ChưHreng	46	46		0	0						46	46		0	0						
162	Sửa chữa nhà văn hóa thôn 4, xã ChưHreng	46	46		0	0						46	46		0	0						

TT	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao									Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh										Ghi chú	
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025		Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025			Chủ đầu tư/ Đầu mối giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025		Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025					
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Ngân sách TW		Ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
			NSTW	NS tỉnh		NSTW	NS tỉnh						NSTW	NST		NSTW	NST				
163	Sửa chữa nhà rông thôn Konhraklah	449	449		0	0					449	449		0	0						
164	Xây hàng rào trường mầm non thôn Konhrakotu	225	225		0	0					225	225		0	0						
165	Sửa chữa đập thủy lợi Đăk Ke Nor	70	70		0	0					70	70		0	0						
166	Công trình: Diêm trường Mâm non thôn Kon Hra Ktu, xã Chư Hreng, thành phố Kon Tum; Hạng mục: Nhà học 01 phòng	523	523		0	0					523	523		0	0						
167	Đường giao thông nội thôn 4 (Đoạn từ đất ông Nguyễn Văn Tuấn đến nhà ông Đinh Văn Định)	190	190		0	0					190	190		0	0						
168	Đường giao thông nội thôn 4 (Đoạn từ đất ông Nguyễn Ngọc Quy đến nhà ông Nguyễn Văn Tới)	213	213		0	0					213	213		0	0						
169	Đường giao thông nội thôn 4 (Đoạn từ đất ông Nguyễn Văn Cảnh đến nhà ông Nguyễn Ngọc Đông)	114	114		0	0					114	114		0	0						
170	Đường đi khu sản xuất thôn 4 (Đoạn từ nhà bà Cúc đi khu sản xuất)	97	97		97	97					97	97		97	97						
171	Đường giao thông nội thôn ĐăkPrông (Đoạn từ đất ông Đặng Văn Thanh đến đất ông Nguyễn Thanh Đàm)	92	92		0	0					92	92		0	0						
172	Đường đi khu sản xuất thôn Konhraklah (Đoạn từ đất ông Nguyễn Văn Chiến đến đất ông Trần Thị Kim Liên)	415	415		415	415					415	415		415	415						

TT	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao									Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh										Ghi chú	
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025		Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025			Chủ đầu tư/ Đầu mối giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025		Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025					
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Ngân sách TW		Ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
			NSTW	NS tỉnh		NSTW	NS tỉnh						NSTW	NST		NSTW	NST		NSTW		NST
173	Đường giao thông nội thôn Konhraklah (Đoạn từ đất ông Nguyễn Văn Toại đến nhà ông Phạm Văn Tung)	168	168		168	168				UBND xã Đăk Pxi	168	168		168	168						
174	Đường đi khu sản xuất thôn ĐăkPrông (Đoạn từ nhà ông A Meo đi khu sản xuất)	242	242		0	0					242	242		0	0						
175	Làm mới mái hiên chơi, đón trẻ em tại Điểm trường mầm non thôn Kon Hra Ktu, xã ChưHreng	197	197		0	0					197	197		0	0						
176	Cổng, hàng rào và sân bê tông điểm trường mầm non thôn ĐăkPrông, xã ChưHreng	125	125		125	125					125	125		125	125						
177	Nhà rộng văn hóa thôn KonHraKlah, xã ChưHreng; Hạng mục: Lát gạch nền nhà rộng, làm mới sân bê tông và cột cờ	160	160		160	160					160	160		160	160						
*	UBND xã Đăk Pxi (cũ)	2.374	2.374	0	668	668	0	48	48		0	4.080	4.080	0	668	668	0	49	49	0	
178	Đường đi khu sản xuất Đăk Pe, xã Đăk Pxi	1.706	1.706		0			48	48		1.706	1.706		0			48	48			
179	Đường giao thông đi khu sản xuất Đăk Kơ Đương (đoạn điểm trường thôn đến khu sản xuất)	668	668		668	668		0	0		668	668		668	668		0	0			
*	UBND xã Đăk Long (cũ)	1.706	1.706	0	0	0	0	0	0	0											
180	Đường GTNT thôn Kon Teo Đăk Lấp đoạn từ điểm trường thôn đi qua nhà rộng cũ nối với đường bê tông	551	551		0			0	0		551	551		0			0	0			
181	Đường giao thông khu dân cư khu vực tái định cư thôn Pa Cheng	500	500		0			0	0		500	500		0			0	0			

TT	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao										Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh										Ghi chú
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025			Chủ đầu tư/ Đầu mối giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025			
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó	NST	Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
			NSTW	NS tỉnh		NSTW	NS tỉnh									NSTW	NST		NSTW	NST	
182	Đường giao thông thôn Kon Dao Dao Yốp đoạn từ đường tránh lữ đến nhà ông A Bus	455	455		0			0	0		UBND xã Đắk Mar	455	455		0			0	0		
183	Xây mới nhà rông thôn Đắk Xế Kơ Ne	100	100		0			0	0			100	100		0			0	0		
184	Xây mới nhà rông thôn Kon Dao Yốp	100	100		0			0	0			100	100		0			0	0		
*	UBND xã Đắk Mar (cũ)	4.243	4.243	0	868	868	0	41	41	0		8.096	8.096	0	1.344	1.344	0	106	106	0	
185	Đường từ nhà ông Hải đến nhà ông Quân thôn 1; Hạng mục: Đường bê tông xi măng	350	350		0			3	3			350	350		0			3	3		
186	Đường từ nhà ông nguyên Văn Đại đến nhà ông Phạm Văn Tuynh. Hạng mục: đường bê tông xi măng.	130	130		0			1	1			130	130		0			1	1		
187	Đường giao thông xóm 4 thôn Đắk Mút. Hạng mục: đường bê tông xi măng	398	398		0			3	3			398	398		0			3	3		
188	Đường từ nhà ông Hùng đến nhà ông Hạp	23	23		0			0	0			23	23		0			0	0		
189	Cuối đường xóm 7 đến nhà ông Đẹp	54	54		0			1	1			54	54		0			1	1		
190	Đường từ nhà ông Đỗ Văn Vững đến nhà Vũ Quang Pháp	51	51		0			1	1			51	51		0			1	1		
191	Đường từ nhà A Sur đến nhà A Thiêng thôn Đắk Mút; Hạng mục: đường bê tông xi măng	185	185		0			3	3			185	185		0			3	3		
192	Đường từ nhà A Giáo đến nhà A Tum thôn Đắk Mút; Hạng mục: đường bê tông xi măng	352	352		0			5	5			352	352		0			5	5		

TT	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao										Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh										Ghi chú
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025			Chủ đầu tư/ Đầu mối giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025			
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Ngân sách TVV	Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
			NSTW	NS tỉnh		NSTW	NS tỉnh						NSTW	NST		NSTW	NST		NSTW	NST	
193	Đường từ nhà Y Na đến nhà A Thương thôn Đăk Mút; Hạng mục: đường bê tông xi măng	179	179		0			2	2			179	179		0			2	2		
194	Đường từ nhà A Wing đến nhà A Nhân thôn Kon Gung; Hạng mục: đường bê tông xi măng	405	405		0			6	6			405	405		0			6	6		
195	Xây mới nhà rông thôn Kon Gung, xã Đăk Mar	100	100		0			0	0			100	100		0			0	0		
196	Đường giao thông từ thôn 4 đến xóm 5 thôn 5; Hạng mục: đường bê tông xi măng	299	299		0			7	7			299	299		0			7	7		
197	Trường tiểu học Võ Thị Sáu, xã ĐăkMar; Hạng mục: Xây mới 01 phòng tin học, 01 phòng tiếng Anh	797	797		0			9	9			797	797		0			9	9		
198	Đường Giao thông sát nhà ông A Hyunh và nhà bà Y Byiuh thôn ĐăkMút; Hạng mục: đường bê tông xi măng	52	52		0			1	1			52	52		0			1	1		
199	Đường từ nhà A Jiuh đến nhà A Ngiu thôn Kon Gung; Hạng mục: đường bê tông xi măng	329	329		329	329		0	0			329	329		329	329		0	0		
200	Đường từ nhà A Ban đến nhà A Chuyên thôn Kon Gung; Hạng mục: đường bê tông xi măng	230	230		230	230		0	0			230	230		230	230		0	0		
201	Sửa chữa nhà rông thôn Kon Kơ Lốk, xã ĐăkMar	20	20		20	20		0	0			20	20		20	20		0	0		

TT	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao										Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh										Ghi chú
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025			Chủ đầu tư/ Đầu mối giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025			
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
			NSTW	NS tỉnh		NSTW	NS tỉnh						NSTW	NST		NSTW	NST		NSTW	NST	
202	Đường từ nhà ông Tuấn đến nhà ông Thịch; Hạng mục: đường bê tông xi măng	89	89		89	89		0	0			89	89		89	89		0	0		
203	Trường MG xã Đăk Hring; Hạng mục: Xây mới 01 phòng đa năng, 01 phòng học (điểm trường chính) và 01 phòng học (điểm trường thôn 1)	200	200		200	200		0	0			200	200		200	200		0	0		
*	UBND xã Đăk Hring (cũ)	3.853	3.853	0	476	476	0	65	65	0											
204	Đường giao thông ngõ xóm Thôn Kon Proh TuRia, xã Đăk Hring; Hạng mục BTXM mặt đường	165	165		0			0	0			165	165		0			0	0		
205	Đường giao thông ngõ xóm Thôn Koh Hnong Pêng, xã Đăk Hring; Hạng mục BTXM mặt đường	262	262		0			0	0			262	262		0			0	0		
206	Đường GTNT thôn Kon Hnong Pêng, xã Đăk Hring; Hạng mục: Mặt đường BTXM tổ 2, thôn Kon Hnong Pêng, xã Đăk Hring	190	190		0			0	0			190	190		0			0	0		
207	Đường giao thông ngõ xóm thôn KonMong, xã ĐăkHring; Hạng mục BTXM mặt đường	260	260		0			0	0			260	260		0			0	0		
208	Đường giao thông nông thôn thôn Tân Lập A, xã ĐăkHring; hạng mục: Đường bê tông xi măng từ nhà ông Định đến nhà ông Chương	180	180		0			1	1			180	180		0			1	1		

TT	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao										Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh										Ghi chú
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025			Chủ đầu tư/ Đầu mối giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025			
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
			NSTW	NS tỉnh		NSTW	NS tỉnh						NSTW	NST		NSTW	NST		NSTW	NST	
209	Đường giao thông nông thôn thôn Tân Lập A, xã ĐăkHrìng; hạng mục: Đường bê tông xi măng từ nhà ông Khánh đến nhà ông Ái	110	110		0			1	1		UBND xã Đăk Ui	110	110		0			1	1		
210	Nhà văn hóa thôn Kon Hnong Yôp, xã Đăk Hrìng; Hạng mục: Nhà hội trường, tường rào khuôn viên hội trường	1.062	1.062		0			62	62			1.062	1.062		0			62	62		
211	Đường giao thông nông thôn thôn Kon Proh TuRia, xã Đăk Hrìng; Hạng mục BTXM sát cổng chào thôn Kon Proh TuRia (Từ nhà A Đơn đến nhà bà Y Đil)	141	141		0			0	0			141	141		0			0	0		
212	Đường giao thông nông thôn thôn Đăk Kang Yôp, xã Đăk Hrìng; Hạng mục BTXM từ nhà từ bà Y Lốc đến A Nì.	197	197		0			0	0			197	197		0			0	0		
213	Đường GTNT thôn Kon Mong đi thôn Kon Proh Turia (gđ 3) Hạng mục: Đoạn từ cao su nông trường đi thôn Kon Proh Turia	610	610		0			0	0			610	610		0			0	0		
214	Xây mới nhà rông thôn Đăk Klong	100	100		0			0	0			100	100		0			0	0		
215	Xây mới Nhà rông văn hóa thôn Kon Proh Turia	100	100		0			0	0			100	100		0			0	0		
216	Đường giao thông nôn thôn thôn Tân Lập A; Hạng mục: Từ đường vành đai Quốc lộ 14 đến rẫy ông Phạm Hữu Hồ (giai đoạn 1)	476	476		476	476		0	0		476	476		476	476		0	0			
*	UBND xã Đăk Ui (cũ)	5.076	5.076	0	668	668	0	0	0	0	UBND xã Đăk Ui	9.120	9.120	0	1.336	1.336	0	25	25	0	

TT	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao										Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh										Ghi chú
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025			Chủ đầu tư/ Đầu mối giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025			
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
			NSTW	NS tỉnh		NSTW	NS tỉnh						NSTW	NST		NSTW	NST		NSTW	NST	
217	Đường GTNT từ nhà Ông Nu đến bờ đập Đăk Prông thôn Wang Hra	555	555		0			0	0			555	555		0			0	0		
218	Đường nội bộ thôn 8	1.354	1.354		0			0	0			1.354	1.354		0			0	0		
219	Đường nội bộ thôn Kon Năng Treang	250	250		0			0	0			250	250		0			0	0		
220	Làm mới nhà rông thôn Mnhuô Mriang	100	100		0			0	0			100	100		0			0	0		
221	Đường đi khu sản xuất Đăk Mô	250	250		0			0	0			250	250		0			0	0		
222	Đường GTNT từ nhà ông Ngọc đến nhà ông A Klori thôn Đăk Kơ Đêm	166	166		0			0	0			166	166		0			0	0		
223	Nhà bếp và các hạng mục khác Trường mầm non xã Đăk Ui	586	586		0			0	0			586	586		0			0	0		
224	Sân thể thao xã Đăk Ui. Hạng mục: Khán đài, tường rào và các hạng mục phụ trợ khác	758	758		0			0	0			758	758		0			0	0		
225	Điểm trường mầm non thôn 8. Hạng mục: Giếng khoan	250	250		0			0	0			250	250		0			0	0		
226	Làm mới nhà rông thôn Đăk Kơ Đêm	100	100		0			0	0			100	100		0			0	0		
227	Sửa chữa nhà rông thôn Kon Tu	20	20		0			0	0			20	20		0			0	0		
228	Sửa chữa nhà rông thôn Kon Năng Treang	20	20		0			0	0			20	20		0			0	0		
229	Trường mầm non xã Đăk Ui. Hạng mục: Giếng khoan	250	250		250	250		0	0			250	250		250	250		0	0		
230	Đường từ nhà ông Văn đi suối Đăk Ui	418	418		418	418		0	0			418	418		418	418		0	0		
*	UBND xã Đăk Ngok (cũ)	4.044	4.044	0	668	668	0	25	25	0											
231	Đường GTNT thôn Đăk Bình (Đoạn từ nhà ông Huân đến nhà bà Hiền)	262	262		0			0	0			262	262		0			0	0		
232	Đường GTNT thôn Đoàn Kết (Đoạn từ nhà ông Sơn Mão đến Cầu bê tông)	388	388		0			0	0			388	388		0			0	0		

TT	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao									Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh										Ghi chú	
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025			Chu đầu tư/ Đầu mối giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025			
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
			NSTW	NS tỉnh		NSTW	NS tỉnh						NSTW	NST		NSTW	NST		NSTW		NST
233	Đường giao thông nông thôn thôn Đăk Lợi (Đoạn từ nhà bà Hiền đến nhà ông Thanh)	38	38		0			0	0			38	38		0			0	0		
234	Đường giao thông nông thôn thôn Đoàn Kết (đoạn từ nhà ông Thiêm đến ông Thuyền, đoạn từ nhà ông Bé đến ông Việt, đường vào nhà ông Năng và đoạn từ nhà ông Nhuận đến nhà ông Tân)	189	189		0			2	2			189	189		0			2	2		
235	Đường GTNT Từ nhà ông Khiết đến nhà ông Khêu	123	123		0			3	3			123	123		0			3	3		
236	Đường GTNT Từ nhà ông Xuân đến suối Đăk Tôm	589	589		0			4	4			589	589		0			4	4		
237	Đường GTNT Từ nhà ông Thê đến nhà bà Nga	106	106		0			3	3			106	106		0			3	3		
238	Đường GTNT Đăk Kđem đoạn Từ thôn Đăk Kđem đi khu sản xuất	380	380		0			5	5			380	380		0			5	5		
239	Đường GTNT Đăk Lợi đoạn Từ nhà ông Cười đến nhà ông Kính	152	152		0			4	4			152	152		0			4	4		
240	Cầu tràn xã Đăk Ngok	200	200		0			0	0			200	200		0			0	0		
241	Trường Tiểu học và THCS xã Đăk Ngok; Hạng mục Xây dựng mới 01 phòng học (Điểm trường thôn Đăk Kđem)	269	269		0			0	0			269	269		0			0	0		
242	Đường GTNT Từ nhà ông Hướng đến bờ Hồ	133	133		0			1	1			133	133		0			1	1		
243	Đường GTNT Từ nhà ông Thảo đến nhà ông Hưng	101	101		0			1	1			101	101		0			1	1		
244	Đường GTNT từ nhà ông Dân đến nhà ông Minh	269	269		0			2	2			269	269		0			2	2		

TT	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao									Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh									Ghi chú		
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025			Chủ đầu tư/ Đầu mối giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025			
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Tổng số	NSTW	NST	Tổng số	Trong đó		Tổng số		Trong đó	
			NSTW	NS tỉnh		NSTW	NS tỉnh									NSTW	NST			NSTW	NST
245	Đường GTNT từ đường bê tông đến nhà ông Học	140	140		0			1	1		UBND xã Ngọc Ráo	140	140		0			1	1		
246	Đường GTNT nội thôn Đắk Bình năm 2024	36	36		0			0	0			36	36		0			0	0		
247	Đường giao thông nông thôn Thanh Xuân đoạn (Đường bê tông đến nhà ông Nhị; Nhà ông Mơ đến nhà ông Phui; Nhà ông Sáng đến nhà ông Dũng)	250	250		250	250		0	0			250	250		250	250		0	0		
248	Đường giao thông nông thôn Đắk Kđem đoạn (Đường bê tông đến nhà A Klia; Nhà A Huân đến nhà A Phong; Nhà Y Jon đến nhà Y Hrun)	340	340		340	340		0	0			340	340		340	340		0	0		
249	Đường giao thông nông thôn Đắk Bình đoạn (đường nhựa liên thôn đến nhà ông Tấn)	78	78		78	78		0	0			78	78		78	78		0	0		
*	UBND xã Ngọc Ráo (cũ)	2.374	2.374	0	668	668	0	0	0	0	UBND xã Ngọc Ráo	5.896	5.896	0	1.336	1.336	0	37	37	0	
250	Đường giao thông thôn Kon Bơ Băn xã Ngọc Ráo (Đoạn từ sau nhà nguyện ra nhà A Thái đi khu dân cư nhóm 3 và ra tỉnh lộ 671)	360	360		0			0	0			360	360		0			0	0		
251	Đường giao thông thôn Kon Rôn (Đoạn từ ngã 3 nhà ông Lực đến sân vận động xã ra tỉnh TL 671)	436	436		0			0	0			436	436		0			0	0		
252	Đường giao thông thôn Kon Hơ Dré (Đoạn từ nhà nguyện thôn Kon Hơ Dré đi ra sân thể thao thôn đi khu sản xuất)	220	220		0			0	0			220	220		0			0	0		

TT	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao										Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh										Ghi chú
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025			Chủ đầu tư/ Đầu mối giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025			
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
			NSTW	NS tỉnh		NSTW	NS tỉnh						NSTW	NST		NSTW	NST		NSTW	NST	
253	Đường giao thông thôn Kon Bơ Băn (Đoạn từ nhà Y Khai đến nhà A Juih)	80	80		0			0	0			80	80		0			0	0		
254	Đường giao thông thôn Kon Sơ Tiu (Đoạn từ nhà A Son đến nghĩa địa thôn)	160	160		0			0	0			160	160		0			0	0		
255	Đường giao thông thôn Kon Bơ Băn (Đoạn từ ngã 3 sân bóng đá đến nhà A Mên)	155	155		0			0	0			155	155		0			0	0		
256	Đường giao thông thôn Kon Bơ Băn (Đoạn từ nhà bà Nhi đến nhà A Tân)	115	115		0			0	0			115	115		0			0	0		
257	Đường từ cổng chào điểm trường thôn làng Kon Braih đến trường học ra ngã 3 đường đi khu sản xuất	180	180		0			0	0			180	180		0			0	0		
258	Đường đi khu sản xuất suối Đắk Lôi, thôn Kon Jong, xã Ngok Réo	517	517		517	517		0	0			517	517		517	517		0	0		
259	Đường giao thông đi khu sản xuất thôn thôn Kon Rôn (Đoạn từ cổng chào làng Kon Braih đi nghĩa địa ra khu sản xuất thôn Kon Rôn)	151	151		151	151		0	0			151	151		151	151		0	0		
*	UBND xã Ngok Wang (cũ)	3.522	3.522	0	668	668	0	37	37	0											
260	Đường đi khu sản xuất thôn 7, xã Ngok Wang (đoạn từ tỉnh lộ 671 đến rẫy hộ ông Nguyễn Văn Tuấn)	773	773		0			12	12			773	773		0			12	12		

TT	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao									Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh											Ghi chú
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025		Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025			Chu đầu tư/ Đầu mối giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025		Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025					
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Ngân sách TW		Ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
			NSTW	NS tỉnh		NSTW	NS tỉnh						NSTW	NST		NSTW	NST		NSTW	NST	
261	Đường đi khu sản xuất thôn Kon Stiù II, xã Ngok Wang (đoạn từ nhà rông văn hoá thôn đi khu sản xuất); Hạng mục: Bê tông xi măng mặt đường	473	473		0			0	0			473	473		0			0	0		
262	Đường đi khu sản xuất thôn Kon Brông, xã Ngok Wang; (đoạn từ nhà ông Nguyễn Văn Huân đi khu sản xuất); Hạng mục: Bê tông xi măng mặt đường.	400	400		0			0	0			400	400		0			0	0		
263	Khu thể thao thôn 7	30	30		0			0	0			30	30		0			0	0		
264	Khu thể thao thôn Kon Brông	30	30		0			0	0			30	30		0			0	0		
265	Điểm trường Tiểu học thôn Kon Brông, xã Ngok Wang; Hạng mục: Xây dựng mới 01 phòng học và các hạng mục phụ trợ khác	400	400		0			5	5			400	400		0			5	5		
266	Điểm trường Mầm non thôn Kon Gu I, xã Ngok Wang; Hạng mục: Xây dựng mới 01 phòng học và các hạng mục phụ trợ khác	400	400		0			12	12			400	400		0			12	12		
267	Hệ thống đường điện công lộ thôn Kon Brông, xã Ngok Wang; Hạng mục: Cột trụ, cần đèn và lắp đặt bóng Đèn Led năng lượng mặt trời	200	200		0			1	1			200	200		0			1	1		

TT	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao										Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh										Ghi chú
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025			Chu đầu tư/ Đầu mối giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025			
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
			NSTW	NS tỉnh		NSTW	NS tỉnh						NSTW	NST		NSTW	NST		NSTW	NST	
268	Đường đi khu sản xuất thôn Kon Brông, xã Ngok Wang; (đoạn từ cầu bê tông đi khu sản xuất eo 3); Hạng mục: Bê tông xi măng mặt đường (giai đoạn 3)	148	148		0			8	8		UBND xã Đắk Hà	148	148		0			8	8		
269	Đường đi khu sản xuất thôn Kon Brông (đoạn từ nhà ông A Nhức đến nghĩa địa thôn); Hạng mục: Bê tông xi măng mặt đường.	365	365		365	365		0	0			365	365		365	365		0	0		
270	Đường đi khu sản xuất thôn 7, xã Ngok Wang (Đoạn từ đường tỉnh lộ 671 (Đoạn gần nhà ông Nguyễn Văn Thủy hướng đi khu sản xuất); Hạng mục: Bê tông xi măng mặt đường	303	303		303	303		0	0			303	303		303	303		0	0		
*	UBND xã Đắk La (cũ)	4.045	4.045	0	668	668	0	44	44	0		8.090	8.090	0	1.336	1.336	0	46	46	0	
271	Đường giao thông thôn 1, xã Đắk La (Đoạn từ Quốc lộ 14 đến nhà ông Thái Ngọc Châu) (giai đoạn 1-vốn năm 2021 chuyển sang)	427	427		0			4	4			427	427		0			4	4		
272	Đường giao thông thôn 1, xã Đắk La (Đoạn từ Quốc lộ 14 đến nhà ông Thái Ngọc Châu) (giai đoạn 2-vốn năm 2022)	451	451		0			5	5		451	451		0			5	5			
273	Đường GTNT thôn 6 (Đoạn từ nhà ông Vĩnh đến giáp nương bê tông)	53	53		0			1	1		53	53		0			1	1			

TT	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao										Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh										Ghi chú
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025			Chủ đầu tư/ Đầu mối giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025			
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó	NST	Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
			NSTW	NS tỉnh		NSTW	NS tỉnh									NSTW	NST		NSTW	NST	
274	Đường GTNT thôn 6 (Đoạn từ nhà ông Đại đến nhà ông Hòa)	312	312		0			5	5			312	312		0			5	5		
275	Đường GTNT thôn 7 (Đoạn từ nhà ông Toàn đến nhà ông Lược)	96	96		0			1	1			96	96		0			1	1		
276	Đường GTNT thôn 7 (Đoạn từ nhà ông Lộc đến nhà ông Chuyên)	118	118		0			2	2			118	118		0			2	2		
277	Đường GTNT thôn 6 (Đoạn từ nhà ông Thạch đến nhà ông Tinh)	140	140		0			2	2			140	140		0			2	2		
278	Đường GTNT thôn 7 (Đoạn từ nhà ông Bình đến nhà bà Tàu)	250	250		0			4	4			250	250		0			4	4		
279	Đường GTNT thôn 4 (Đoạn từ giáp đường bê tông đến suối Đăk Rang)	382	382		0			9	9			382	382		0			9	9		
280	Sửa chữa, nâng cấp nhà rông văn hóa thôn 5	726	726		0			7	7			726	726		0			7	7		
281	Sửa chữa điểm trường tiểu học thôn 9	422	422		0			5	5			422	422		0			5	5		
282	Xây dựng mới nhà văn hóa thôn 6	368	368		368	368		0	0			368	368		368	368		0	0		
283	Sửa chữa, nâng cấp nhà văn hóa thôn 3	100	100		100	100		0	0			100	100		100	100		0	0		
284	Hệ thống điện 3 pha phục vụ sản xuất từ thôn 2 xã Đăk La đến thôn 5 xã Ngok Wang	200	200		200	200		0	0			200	200		200	200		0	0		
*	UBND xã Hà Môn (cũ)	4.046	4.046	0	668	668	0	3	3	0											
285	Đường từ rẫy nhà ông Kha đến nhà ông Luật	319	319		0			0	0			319	319		0			0	0		
286	Đường từ rẫy nhà ông Thanh đến rẫy nhà ông Bình	67	67		0			0	0			67	67		0			0	0		
287	Đường từ nhà bà Út đến rẫy nhà ông Dung	41	41		0			0	0			41	41		0			0	0		

TT	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao									Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh										Ghi chú	
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025		Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025			Chủ đầu tư/ Đầu mối giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025		Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025					
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Ngân sách TW		Ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
			NSTW	NS tỉnh		NSTW	NS tỉnh						NSTW	NST		NSTW	NST		NSTW		NST
288	Đường từ rẫy nhà bà Vui đến nhà ông Hùng	48	48		0			0	0		48	48		0			0	0			
289	Đường từ nhà ông Hiệp đến rẫy nhà ông Sơn	74	74		0			0	0		74	74		0			0	0			
290	Đường từ rẫy từ QL 14 đến rẫy nhà ông Tân	222	222		0			0	0		222	222		0			0	0			
291	Đường từ nhà ông Tuấn đến rẫy nhà nhà bà Diên	107	107		0			0	0		107	107		0			0	0			
292	Đường từ rẫy nhà ông Tâm đến nhà ông Sáng	136	136		0			0	0		136	136		0			0	0			
293	Đường từ rẫy ông Sinh đến rẫy ông Tùng	41	41		0			0	0		41	41		0			0	0			
294	Đường từ nhà ông Hằng đến đất nhà ông Túc	111	111		0			0	0		111	111		0			0	0			
295	Đường từ rẫy ông Lục đến rẫy ông Đĩnh	144	144		0			0	0		144	144		0			0	0			
296	Đường từ nhà ông Bình đến đập Đắk Xít	144	144		0			0	0		144	144		0			0	0			
297	Đường từ rẫy ông Lục đến rẫy ông Thành	124	124		0			0	0		124	124		0			0	0			
298	Đường từ QL14 đến nhà ông Ân	62	62		0			0	0		62	62		0			0	0			
299	Đường từ QL14 đến đất ông Hùng	128	128		0			0	0		128	128		0			0	0			
300	Đường từ nhà ông Đá đến nhà ông Phú	29	29		0			0	0		29	29		0			0	0			
301	Đường từ nhà bà Tường đến cầu tạm thôn 3	431	431		0			0	0		431	431		0			0	0			
302	Nhà văn hoá thôn 5, xã Hà Mòn	200	200		0			0	0		200	200		0			0	0			
303	Sửa chữa nâng cấp tuyến đường từ Quốc lộ 14 đi xã Hà Mòn (Đoạn từ sân phơi cà phê Đắk Uy đến cổng chào thôn 4 xã Hà Mòn và một số tuyến đường thuộc xã Hà Mòn)	1.511	1.511		564	564		0	0		1.511	1.511		564	564		0	0			

TT	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao										Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh										Ghi chú
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025			Chủ đầu tư/ Đầu mối giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025			
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Tổng số	NSTW	NST	Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
			NSTW	NS tỉnh		NSTW	NS tỉnh									NSTW	NST		NSTW	NST	
304	Đường từ nhà ông Dân đi khu sản xuất thôn 1, xã Hà Môn	104	104		104	104		0	0		UBND xã Ngọc Tú	104	104		104	104		0	0		
305	Nguồn năm 2022 - 2023 tập trung - Phần còn lại sau khi bố trí chi tiết theo tổng mức đầu tư được cấp thẩm quyền phê duyệt	3	3		0			3	3			3	3		0			3	3		
*	UBND xã Ngọc Tú (cũ)	1.706	1.706	0	0	0	0	0	0	0		3.412	3.412	0	0	0	0	0	0	0	0
306	Đường đi khu sản xuất thôn Kon Pring (đoạn từ nhà ông A Hút đến rẫy ông A Khoa)	379	379		0			0				379	379		0			0			
307	Bê tông hóa đường đi khu sản xuất nghĩa địa thôn Đăk Tông, Đăk Tăng (đoạn từ đường DH 52 đến nghĩa địa thôn Đăk Tông, Đăk Tăng)	305	305		0			0				305	305		0			0			
308	Đường đi khu sản xuất thôn Đăk Nu (đoạn từ rẫy ông A Nu đến rẫy ông A Pheh)	512	512		0			0				512	512		0			0			
309	Trường THCS xã Ngọc Tú; Hạng mục: Phòng bộ môn và hội trường đa năng	510	510		0			0				510	510		0			0			
*	UBND xã Đăk Rơ Nga (cũ)	1.706	1.706	0	0	0	0	0	0	0											
310	Đường GTNT thôn Đăk Dé (sau trường tiểu học); Hạng mục: Nền đường và rãnh thoát nước hai bên	626	626		0			0				626	626		0			0			
311	Đường đi sản xuất Đăk Rơ Ngát thôn Đăk Mạnh II; Hạng mục: Cổng tràn và đường hai đầu cổng	488	488		0			0				488	488		0			0			
312	Mở rộng đường khu dân cư Tea peak thôn Đăk Mạnh II	513	513		0			0				513	513		0			0			

TT	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao										Chủ đầu tư/ Đầu mối giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh										Ghi chú
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025				Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025						
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
			NSTW	NS tỉnh		NSTW	NS tỉnh							NSTW	NST		NSTW	NST		NSTW	NST	
313	Sửa chữa nhà rông thôn Đắk Kon	10	10		0			0			UBND xã Đắk Tô	10	10		0			0				
314	Sửa chữa nhà rông thôn Đắk Pung	10	10		0			0				10	10		0			0				
315	Khu thể thao thôn Đắk Dế	15	15		0			0				15	15		0			0				
316	Khu thể thao thôn Đắk Manh I	15	15		0			0				15	15		0			0				
317	Khu thể thao thôn Đắk Kon	15	15		0			0				15	15		0			0				
318	Khu thể thao thôn Đắk Manh II	15	15		0			0				15	15		0			0				
*	UBND xã Diên Bình (cũ)	5.140	5.140	0	1.064	1.064	0	0	0	0		9.982	9.982	0	1.559	1.559	0	0	0	0	0	
319	Tôn tạo, tu bổ, phục hồi Di tích lịch sử Khu chứng tích Kon H'ring	737	737		737	737		0				737	737		737	737		0				
320	Trường Tiểu học Lê Văn Tám (Điểm trường thôn Đắk Kang Peng), xã Diên Bình	1.938	1.938		67	67		0				1.938	1.938		67	67		0				
321	Đường giao thông nông thôn (đường ngang số 3), thôn 8, xã Diên Bình; Hạng mục: Nền mặt đường	327	327		0			0				327	327		0			0				
322	Đường giao thông thôn 4 (đoạn từ đường bà Hai Ga đến đường đi đập Cầu Rì); hạng mục: Nền, mặt đường	158	158		0			0			158	158		0			0					
323	Đảm bảo an toàn giao thông; Hạng mục: Biển báo, biển chỉ dẫn và gờ giảm tốc	100	100		0			0			100	100		0			0					
324	Đường giao thông nông thôn (đường ngang số 1), thôn 8, xã Diên Bình; Hạng mục: Nền mặt đường	433	433		0			0			433	433		0			0					

TT	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao										Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh										Ghi chú
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025		Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025			Chu đầu tư/ Đầu mỗi giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025		Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025					
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Ngân sách TW		Ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
			NSTW	NS tỉnh		NSTW	NS tỉnh						NSTW	NST		NSTW	NST		NSTW	NST	
325	Đường giao thông thôn 5 (đoạn từ đường tránh lũ đến sân thể thao thôn); hạng mục: Nền, mặt đường	76	76		0			0				76	76		0			0			
326	Hội trường thôn 5 hạng mục: Xây dựng hội trường và nhà vệ sinh	600	600		0			0				600	600		0			0			
327	Sửa chữa Hội trường thôn 8; hạng mục: Sửa chữa cổng; hội trường thôn, mái che và làm mới nhà vệ sinh	20	20		0			0				20	20		0			0			
328	Sửa chữa Hội trường thôn 3; hạng mục: Sửa chữa hội trường; nhà vệ sinh và làm sân bê tông	20	20		0			0				20	20		0			0			
329	Sửa chữa Hội trường thôn Đăk Kang Pêng hạng mục: Sửa chữa hội trường; nhà vệ sinh	20	20		0			0				20	20		0			0			
330	Lắp đặt dụng cụ thể thao ngoài trời tại nhà văn hóa	100	100		0			0				100	100		0			0			
331	Đường giao thông nông thôn 8 (đường ngang số 2)	120	120		119	119		0				120	120		119	119		0			
332	Sửa chữa Hội trường thôn 4, xã Diên Bình	230	230		0			0				230	230		0			0			
333	Đường đi khu sản xuất 4 thôn (đoạn từ Quốc lộ 14 đến ngã 3 đường 135), xã Diên Bình	261	261		141	141		0				261	261		141	141		0			
	UBND xã Tân Cảnh (cũ)	3.136	3.136	0	495	495	0	0	0	0											
334	Đường nội thôn 2 (đoạn nhà ông Páo) xã Tân Cảnh	205	205		0			0				205	205		0			0			
335	Đường nội thôn 1 (nhà ông Võ Văn Bình đến thủy điện)	481	481		0			0				481	481		0			0			
336	Đường liên thôn Đăk Rì Pêng 1, Đăk Rì Pêng 2	370	370		0			0				370	370		0			0			

TT	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao									Chủ đầu tư/ Đầu mối giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh									Ghi chú		
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025			Tổng số	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch vốn năm 2025		Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025						
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Ngân sách TW			Ngân sách tỉnh	Tổng số	NSTW	NST	Tổng số	Trong đó		Tổng số		Trong đó	
			NSTW	NS tỉnh		NSTW	NS tỉnh										NSTW	NST			NSTW	NST
337	Nhà văn hóa thôn 1 xã Tân Cảnh	398	398		0			0				398	398		0			0				
338	Nhà rồng thôn Đăk Ri Peng 2 xã Tân cảnh	306	306		0			0				306	306		0			0				
339	Đường nội thôn 1 (đoạn nhà ông Dân đến nhà bà Năm)	154	154		0			0				154	154		0			0				
340	Trường Tiểu học Kim Đồng (điểm trường trung tâm)	800	800		71	71		0				800	800		71	71		0				
341	Đường nội thôn Đăk Ri Dốp (đoạn qua dốc Hòa Bình), xã Tân Cảnh	324	324		324	324		0				324	324		324	324		0				
342	Đường nội thôn 2 (đoạn nhà ông Trần Văn Thân đến rẫy A Ngọc Cường)	100	100		100	100		0				100	100		100	100		0				
	UBND xã Pô Kô (cũ)	1.706	1.706	0	0	0	0	0	0	0												
343	Đường đi khu SX Đăk Hlin thôn Kon Tu Dốp 1, xã Pô Kô (Đoạn 5)	383	383		0			0				383	383		0			0				
344	Đường đi khu SX trai bò thôn Kon Tu Peng, xã Pô Kô (đoạn 2)	609	609		0			0				609	609		0			0				
345	Sân thể thao, khu vui chơi giải trí trung tâm xã Pô Kô	35	35		0			0				35	35		0			0				
346	Sân bê tông trường trung học cơ sở xã Pô Kô	101	101		0			0				101	101		0			0				
347	Cổng, tường rào và sân bê tông trường tiểu học thôn Kon Tu Dốp II, xã Pô Kô (Cụm 2)	171	171		0			0				171	171		0			0				
348	Sân bê tông Trường tiểu học thôn Đăk Rao Nhỏ, xã Pô Kô	102	102		0			0				102	102		0			0				
349	Giếng nước khoan trường tiểu học thôn Đăk Rao Nhỏ xã Pô Kô	152	152		0			0				152	152		0			0				

TT	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao										Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh										Ghi chú
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025			Chủ đầu tư/ Đầu mối giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025			
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
			NSTW	NS tỉnh		NSTW	NS tỉnh						NSTW	NST		NSTW	NST		NSTW	NST	
350	Giếng nước khoan điểm trường tiểu học thôn Kon Tu Dốp 2, xã Pô Kô (cụm 2)	152	152		0			0				152	152		0			0			
	UBND xã Kon Đào (cũ)	7.775	7.775	0	1.904	1.904	0	0	0	0	UBND xã Kon Đào	11.187	11.187	0	1.904	1.904	0	0	0	0	
351	Phát triển vùng nguyên liệu mắc ca gắn với mục tiêu phát triển cộng đồng trong quản lý tài nguyên rừng tại huyện Đắk Tô, tỉnh Kon Tum	5.000	5.000		1.530	1.530		0				5.000	5.000		1.530	1.530		0			
352	Đường đi nghĩa trang xã Kon Đào	851	851		0			0				851	851		0			0			
353	Đường đi sản xuất bòn hòn thôn 1	278	278		0			0				278	278		0			0			
354	Đường đi sản xuất đất Lung (đoạn tiếp theo)	624	624		0			0				624	624		0			0			
355	Đường nội thôn (nhà ông Mai Xuân Liêm)	126	126		0			0				126	126		0			0			
356	Hội trường thôn 6, xã Kon Đào	300	300		100	100		0				300	300		100	100		0			
357	Đường đi sản xuất Đất Lung (đoạn 5 từ rẫy cao su ông A Dem đến rẫy cà phê ông A Pho)	414	414		92	92		0				414	414		92	92		0			
358	Hội trường thôn 7, xã Kon Đào	182	182		182	182		0				182	182		182	182		0			
359	Mương thoát nước 2 bên đường (Đoạn từ QL40B đến cuối thôn Tê Pen)	449	449		0			0				449	449		0			0			
360	Mương thoát nước 2 bên đường từ nhà rông thôn Đắk Trâm đến Trường THCS	174	174		0			0				174	174		0			0			
361	Mương thoát nước 2 bên đường từ nhà Ông cấp đi cầu treo Đắk Trâm	208	208		0			0				208	208		0			0			

TT	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao									Chủ đầu tư/ Đầu mối giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh									Ghi chú	
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025				
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Ngân sách TW		Ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
NSTW	NS tỉnh	NSTW	NS tỉnh	NSTW		NST	NSTW			NST			NSTW	NST							
362	Mương thoát nước 2 bên đường từ QL 40 đến đường đi cầu treo Đắk Trăm	306	306		0			0			UBND xã Đắk Sao	306	306		0			0			
363	Đường đi khu sản xuất thôn Đắk Rô Gia (từ cầu treo đến chốt BVR Đắk Rô Gia, đi qua chốt BVR Đắk DRing, quay về cầu treo Đắk Rô Gia) xã Đắk Trăm; HM: Nền, mặt đường và rãnh thoát nước.	464	464		0			0				464	464		0			0			
364	Đường nội thôn Đắk Trăm, mương thoát nước 2 bên đường (đoạn từ nhà A Hiếu đến điểm trường MN Đắk Trăm)	105	105		0			0				105	105		0			0			
365	Đường đi khu sản xuất thôn Tê Rông (Từ nhà A Ran đi khu sản xuất thôn Tê Rông)	51	51		0			0				51	51		0			0			
366	Đường đi khu sản xuất thôn Tê Rông (Từ nhà Y Phang đến Suối Tea Kow Teu)	538	538		0			0				538	538		0			0			
367	Đường đi khu sản xuất thôn Đắk xanh (đoạn DH 51 đến cây đa)	570	570		0			0				570	570		0			0			
368	Thủy lợi Teak Tea	87	87		0			0				87	87		0			0			
369	Thủy lợi Tea Pto	461	461		0			0				461	461		0			0			
	UBND xã Đắk Sao (cũ)	3.401	3.401	0	0	0	0	0	0	0		3.401	3.401	0	0	0	0	0	0	0	0
370	Đường nội thôn Kạch Nhỏ (đoạn nhà A Nuân)	1.106	1.106		0			0				1.106	1.106		0			0			
371	Giếng đào thôn Kạch Lớn 1 và Kạch Lớn 2	600	600		0			0				600	600		0			0			
372	Đường trục thôn Mô Bành 2 (đoạn nối tiếp)	1.255	1.255		0			0				1.255	1.255		0			0			

TT	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao										Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh										Ghi chú	
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025			Chủ đầu tư/ Đầu mối giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025				
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Ngân sách TVV	Ngân sách tỉnh		Tổng số	Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
			NSTW	NS tỉnh		NSTW	NS tỉnh							NSTW	NST		NSTW	NST		NSTW		NST
373	Đường nội thôn Hà Lãng và hệ thống thoát nước (Đoạn vào nhà rông văn hóa thôn)	440	440		0			0			UBND xã Đắk Rơ Ông cũ Đắk Tờ Kan	440	440		0			0				
374	Đường trục đi KSX thôn Kon Hĩa 1 (Đoạn chân đèo vùn loan đoạn nối tiếp)	1.110	1.110		0			0				1.110	1.110		0			0				
375	Đường đi KSX thôn La Giông (Đoạn tiếp giáp với đường 4 xã phía tây)	600	600		0			0				600	600		0			0				
376	Đường đi khu sx Kon Hnông 1 (đoạn nối tiếp)	1.046	1.046		0			0				1.046	1.046		0			0				
377	Đường đi khu sx Đắk Trắng 2 (đoạn nối tiếp)	660	660		0			0				660	660		0			0				
378	Nâng cấp, sửa chữa Thủy lợi Đắk Plò, xã Đắk Rơ Ông (đập đầu mối và hệ thống kênh)	2.200	2.200		1.100	1.100		61	61			2.200	2.200		1.100	1.100		61	61			
379	Nâng cấp, sửa chữa Thủy lợi Ting 3, xã Đắk Rơ Ông (đập đầu mối và hệ thống kênh)	2.100	2.100		1.500	1.500		0				2.100	2.100		1.500	1.500		0				
	UBND xã Tu Mơ Rông (cũ)	1.706	1.706	0	0	0	0	0	0	0	UBND xã Tu Mơ Rông	11.410	11.410	0	1.250	1.250	0	348	348	0		
380	Đường đi khu sản xuất thôn Đắk Ka tập trung	970	970		0			0				970	970		0			0				
381	Sân thể thao thôn Đắk Neang	30	30		0			0				30	30		0			0				
382	Đường trục chính nội đồng thôn Tu cấp nhánh cánh đồng Tè Reng	706	706		0			0				706	706		0			0				
	UBND xã Đắk Hà (cũ)	9.704	9.704	0	1.250	1.250	0	348	348	0												
383	Đường nội thôn Kon Pia (Đoạn từ nhà A Vang)	706	706		0			0				706	706		0			0				
384	Đường đi khu sản xuất Tè Pô Bô thôn Đắk Pơ Trang	1.000	1.000		0			0				1.000	1.000		0			0				

TT	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao									Chủ đầu tư/ Đầu mối giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh									Ghi chú	
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025		Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025				Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025		Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025					
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Ngân sách TW		Ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
			NSTW	NS tỉnh		NSTW	NS tỉnh						NSTW	NST		NSTW	NST		NSTW		NST
385	Đường đi khu sản xuất Đắk Ter thôn Kon Pia (đoạn từ nhà Nguyễn Hữu Hiệp)	850	850		0			0				850	850		0			0			
386	Đường đi khu sản xuất Tê Tri thôn Ngọc Leang (đoạn từ nhà Y Hnon)	800	800		0			0				800	800		0			0			
387	Đường nội thôn Đắk Pơ Trang	500	500		0			0				500	500		0			0			
388	Đường nội thôn Đắk Hà (Đoạn vào nhà Bek)	200	200		0			0				200	200		0			0			
389	Sân thể thao thôn Kon Pia	50	50		0			0				50	50		0			0			
390	Sân thể thao thôn Ngọc Leang	50	50		0			0				50	50		0			0			
391	Sân thể thao thôn Đắk Siêng	50	50		0			0				50	50		0			0			
392	Sân thể thao thôn Tu Mơ Rông	50	50		0			0				50	50		0			0			
393	Sân thể thao thôn Đắk Pơ Trang	50	50		0			0				50	50		0			0			
394	Sân thể thao thôn Kon Ling	50	50		0			0				50	50		0			0			
395	Sân thể thao thôn Ty Tu	50	50		0			0				50	50		0			0			
396	Sân thể thao thôn Đắk Hà	50	50		0			0				50	50		0			0			
397	Đường đi khu sản xuất Te Pô Bô thôn Đắk Pơ Trang (đoạn nối tiếp)	600	600		0			0				600	600		0			0			
398	Đường đi khu sản xuất Ter Rậ thôn Đắk Siêng (đoạn từ rẫy nhà A Hun)	800	800		0			0				800	800		0			0			
399	Kiên cố hóa kênh mương thủy lợi Tea Prea thôn Kon Ling	1.000	1.000		0			0				1.000	1.000		0			0			
400	Nước tự chảy phục vụ mô hình trồng được liệu và các loại cây trồng khác xã Đắk Hà (điểm số 1)	1.100	1.100		550	550		0				1.100	1.100		550	550		0			

TT	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao										Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh										Ghi chú
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025			Chủ đầu tư/ Đầu mỗi giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025			
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Tổng số	NSTW	NST	Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
			NSTW	NS tỉnh		NSTW	NS tỉnh									NSTW	NST		NSTW	NST	
401	Nước tự chảy phục vụ mô hình trồng được liệu và các loại cây trồng khác xã Đắk Hà (điểm số 2)	1.400	1.400		700	700		0			UBND xã Măng Ri	1.400	1.400		700	700		0			
402	8154846 Hệ thống điện chiếu sáng nhóm 6 thôn Mô Pa, xã Đắk Hà	348	348		0			348	348			348	348		0			348	348		
	UBND xã Ngọc Lây (cũ)	5.993	5.993	0	2.500	2.500	0	21	21	0		21.243	21.243	0	3.650	3.650	0	51	51	0	
403	Đường đi khu Sản xuất thôn Tu Bung (Đoạn nối đường bê tông - đi khu sản xuất thôn Tu Bung)	1.147	1.147		0			0				1.147	1.147		0			0			
404	Đường nội thôn Đắk Xia (sửa chữa nâng cấp đường nội thôn đoạn nối QL 40b đi làng Kô Xia I cũ)	240	240		0			0				240	240		0			0			
405	Đường trục chính nội thôn Lộc Bông(Đoạn nối tiếp đường bê tông nội thôn Lộc Bông)	306	306		0			0				306	306		0			0			
406	Sửa chữa, nâng cấp đường liên thôn Mô Za - Lộc Bông (đoạn nối tiếp)	1.800	1.800		1.250	1.250		0				1.800	1.800		1.250	1.250		0			
407	Hệ thống nước tưới vườn được liệu xã Ngọc Lây	2.500	2.500		1.250	1.250		21	21			2.500	2.500		1.250	1.250		21	21		
	UBND xã Ngọc Yêu (cũ)	1.706	1.706	0	0	0	0	0	0	0											
408	Đường đi thôn Ba Tu 3, xã Ngọc Yêu	906	906		0			0				906	906		0			0			
409	Nâng cấp mở rộng đường trục thôn Long Láy 2, xã Ngọc Yêu	800	800		0			0				800	800		0			0			
410	UBND xã Tê Xăng	1.703	1.703	0	0	0	0	0	0	0											
411	Đường đi khu sản xuất thôn Tân Ba	1.253	1.253		0			0				1.253	1.253		0			0			
412	Giếng đào (15 cái)	450	450		0			0				450	450		0			0			
	UBND xã Măng Ri (cũ)	10.135	10.135	0	1.150	1.150	0	30	30	0											

TT	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao										Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh										Ghi chú
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025			Chủ đầu tư/ Đầu mối giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025			
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó	NST	Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
			NSTW	NS tỉnh		NSTW	NS tỉnh									NSTW	NST		NSTW	NST	
413	Đường đi khu sản xuất Long Hy (đoạn nối tiếp Ailen)	898	898		0			0			UBND xã Bờ Y	898	898		0			0			
414	Đường đi khu sản xuất Irit thôn Ngọc La (đoạn 1)	804	804		0			0				804	804		0			0			
415	Đường nội thôn Long Hy	751	751		0			0				751	751		0			0			
416	Thủy lợi Long Va, thôn Chung Tam (làm mới đập đầu mối và kênh)	1.916	1.916		0			8	8			1.916	1.916		0			8	8		
417	Thủy lợi Tì Neang, thôn Pu Tá (làm mới đập đầu mối và kênh)	1.916	1.916		0			8	8			1.916	1.916		0			8	8		
418	Khu thể thao thôn Pu Tá	48	48		0			0				48	48		0			0			
419	Nâng cấp, sửa chữa đường từ thôn Đăk Don đi thôn Pu Tá (Đoạn nối tiếp)	987	987		350	350		0				987	987		350	350		0			
420	Nâng cấp, sửa chữa đường thôn Đăk Don đi UBND xã (Đoạn nối tiếp)	1.476	1.476		800	800		0				1.476	1.476		800	800		0			
421	Hệ thống nước tưới vườn được liệu Thôn Pu Tá xã Măng Ri	668	668		0			6	6			668	668		0			6	6		
422	Hệ thống nước tưới vườn được liệu Thôn Long Hy xã Măng Ri	670	670		0			8	8			670	670		0			8	8		
	UBND xã Văn Xuôi (cũ)	1.706	1.706	0	0	0	0	0	0	0											
423	Đường đi khu sản xuất thôn Đăk Văn 2 nhánh 1 (đoạn nối tiếp)	900	900		0			0				900	900		0			0			
424	Đường đi khu sản xuất thôn Đăk Văn 1 (nhánh 3)	806	806		0			0				806	806		0			0			
	UBND xã Đăk Xuôi (cũ)	3.853	3.853	0	784	784	0	2	2	0		37.161	37.161	0	4.211	4.211	0	3	3	0	
425	Dự án: Nâng cấp, sửa chữa đường giao thông nông thôn thôn Kei Joi	200	200	0	0	0	0	0	0	0		200	200	0	0	0	0	0	0	0	

TT	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao										Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh										Ghi chú	
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025			Chủ đầu tư/ Đầu mối giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025				
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Ngân sách TVV	Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó			
			NSTW	NS tỉnh		NSTW	NS tỉnh						NSTW	NST		NSTW	NST		NSTW	NST		
426	Dự án: Đường giao thông trục thôn Chiền Chiết (Nhánh 1)	227	227	0	0	0	0	0	0	0		227	227	0	0	0	0	0	0	0		
427	Dự án: Đường giao thông nông thôn thôn KeiJoy, xã Đắk Xú	940	940	0	0	0	0	0	0	0		940	940	0	0	0	0	0	0	0	0	
428	Dự án: Đường giao thông nông thôn thôn Đắk Tang	870	870	0	0	0	0	0	0	0		870	870	0	0	0	0	0	0	0	0	
429	Đường giao thông nông thôn Đắk Nông đi Ngọc Yên Phúc (đoạn 1)	710	710	0	0	0	0	0	0	0		710	710	0	0	0	0	0	0	0	0	
430	Đường giao thông nông thôn Đắk Nông đi Ngọc Yên Phúc (đoạn 2)	784	784	0	784	784	0	0	0	0		784	784	0	784	784	0	0	0	0	0	
431	Xây dựng mới nhà rông thôn Đắk Loong Giao	122	122	0	0	0	0	2	2	0		122	122	0	0	0	0	2	2	0	0	
	UBND xã Pờ Y (cũ)	33.308	33.308	0	3.427	3.427	0	1	1	0												
432	Dự án: Nâng cấp, sửa chữa đường giao thông nông thôn thôn Bắc Phong	427	427	0	0	0	0	0	0	0		427	427	0	0	0	0	0	0	0	0	
433	Dự án: Đường giao thông nông thôn (đầu nối thôn Kôn Khôn đến thôn Bắc Phong)	1.196	1.196	0	0	0	0	1	1	0		1.196	1.196	0	0	0	0	1	1	0	0	
434	Dự án: Đường đi Nghĩa trang nhân dân thôn Bắc Phong	1.671	1.671	0	0	0	0	0	0	0		1.671	1.671	0	0	0	0	0	0	0	0	
435	Dự án: Đường giao thông Măng Tôn (Nhánh 3)	1.418	1.418	0	0	0	0	0	0	0		1.418	1.418	0	0	0	0	0	0	0	0	
436	Dự án: Đường giao thông thôn Ngọc Hải (Nhánh 5), xã Pờ Y	732	732	0	732	732	0	0	0	0		732	732	0	732	732	0	0	0	0	0	
437	Dự án: Đường vào khu xử lý bãi rác tập trung của huyện	7.794	7.794	0	0	0	0	0	0	0	7.794	7.794	0	0	0	0	0	0	0	0		
438	Dự án: Nâng cấp, sửa chữa cụm công nghiệp xã Đắk Xú	2.850	2.850	0	1.850	1.850	0	0	0	0	2.850	2.850	0	1.850	1.850	0	0	0	0	0		

TT	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao										Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh										Ghi chú
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025			Chủ đầu tư/ Đầu mối giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025			
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Tổng số	NSTW	NST	Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
			NSTW	NS tỉnh		NSTW	NS tỉnh									NSTW	NST		NSTW	NST	
439	Dự án: Đầu tư, nâng cấp một số hạng mục Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên huyện Ngọc Hồi	770	770	0	0	0	0	0	0	0	UBND xã Sa Loong	770	770	0	0	0	0	0	0	0	
440	Dự án: Đầu tư, nâng cấp một số hạng mục Nhà văn hoá thể thao huyện Ngọc Hồi	2.520	2.520	0	845	845	0	0	0	0		2.520	2.520	0	845	845	0	0	0	0	
441	Đường trung tâm thị trấn Plei Kân (điểm đầu giao tại Km 1485+850 đường Hồ Chí Minh, điểm cuối giao tại Km 1489+500 đường Hồ Chí Minh)	4.500	4.500	0	0	0	0	0	0	0		4.500	4.500	0	0	0	0	0	0	0	
442	Đầu tư xây dựng Công viên thị trấn Plei Kân	9.430	9.430	0	0	0	0	0	0	0		9.430	9.430	0	0	0	0	0	0	0	
	UBND xã Đăk Kan (cũ)	8.668	8.668	0	2.800	2.800	0	26	26	0		44.196	44.196	0	13.362	13.362	0	26	26	0	
443	Dự án: Đường giao thông trục thôn Hoà Bình (Nhánh 1), xã Đăk Kan	200	200	0	0	0	0	0	0	0		200	200	0	0	0	0	0	0	0	
444	Dự án: Đường giao thông trục thôn Hoà Bình (Nhánh 2), xã Đăk Kan	227	227	0	0	0	0	0	0	0		227	227	0	0	0	0	0	0	0	
445	Dự án: Đường giao thông trục thôn Hoà Bình (Nhánh 1), xã Đăk Kan	560	560	0	0	0	0	26	26	0		560	560	0	0	0	0	26	26	0	
446	Dự án: Đường giao thông trục thôn Hoà Bình (Nhánh 2), xã Đăk Kan	91	91	0	0	0	0	0	0	0		91	91	0	0	0	0	0	0	0	
447	Dự án: Đường giao thông trục thôn Hào Phú	1.321	1.321	0	0	0	0	0	0	0	1.321	1.321	0	0	0	0	0	0	0		
448	Dự án: Đầu tư nâng cấp nước sinh hoạt tập trung thôn Hoà Bình, xã Đăk Kan	2.079	2.079	0	0	0	0	0	0	0	2.079	2.079	0	0	0	0	0	0	0		

TT	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao										Chủ đầu tư/ Đầu mối giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh										Ghi chú
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025				Tổng số	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch vốn năm 2025		Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025					
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh			Tổng số	NSTW	NST	Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
			NSTW	NS tỉnh		NSTW	NS tỉnh										NSTW	NST		NSTW	NST	
449	Dự án: Đường giao thông trục thôn Hào Phú, đoạn 2	640	640	0	0	0	0	0	0	0		640	640	0	0	0	0	0	0	0	0	
450	Dự án: Nâng cấp, sửa chữa các nhà văn hoá trên địa bàn xã Đắk Kan	750	750	0	0	0	0	0	0	0		750	750	0	0	0	0	0	0	0	0	
451	Dự án: Đường giao thông thôn 2 đi thôn 4, xã Đắk Kan (bao gồm cả đoạn đi qua Nghĩa trang nhân dân xã Đắk Kan)	2.800	2.800	0	2.800	2.800	0	0	0	0		2.800	2.800	0	2.800	2.800	0	0	0	0	0	
	UBND xã Sa Loong (cũ)	35.528	35.528	0	10.562	10.562	0	0	0	0												
452	Dự án: Đường lô 2, thôn Giang Lố 1 (Nhánh 2), xã Sa Loong	555	555	0	0	0	0	0	0	0		555	555	0	0	0	0	0	0	0	0	
453	Dự án: Nâng cấp, sửa chữa đường giao thông nông thôn và một số hạng mục thôn Cao Sơn	250	250	0	0	0	0	0	0	0		250	250	0	0	0	0	0	0	0	0	
454	Dự án: Nâng cấp, mở rộng trường THCS Sa Loong (THCS Nguyễn Huệ)	5.403	5.403	0	0	0	0	0	0	0		5.403	5.403	0	0	0	0	0	0	0	0	
455	Dự án: Đường vào khu sản xuất thôn Giang Lố 1 đi 200A	2.615	2.615	0	0	0	0	0	0	0		2.615	2.615	0	0	0	0	0	0	0	0	
456	Dự án: Sửa chữa nâng cấp công trình nước sinh hoạt thôn Giang Lố 1, xã Sa Loong	668	668	0	0	0	0	0	0	0		668	668	0	0	0	0	0	0	0	0	
457	Dự án: Nâng cấp, sửa chữa đường ĐH 74 (đoạn Hào Lý - Bun Ngai)	805	805	0	0	0	0	0	0	0		805	805	0	0	0	0	0	0	0	0	
458	Dự án: Đầu tư hoàn thiện cơ sở vật chất tại các trường học trên địa bàn xã Sa Loong	732	732	0	732	732	0	0	0	0	732	732	0	732	732	0	0	0	0	0		
459	Khu liên hiệp xử lý chất thải rắn liên hợp huyện Ngọc Hồi	22.139	22.139	0	9.830	9.830	0	0	0	0	22.139	22.139	0	9.830	9.830	0	0	0	0	0		

TT	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao										Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh										Ghi chú	
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025			Chủ đầu tư/ Đầu mối giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025				
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Tổng số	Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
			NSTW	NS tỉnh		NSTW	NS tỉnh							NSTW	NST		NSTW	NST		NSTW		NST
460	Nâng cấp, sửa chữa đường ĐH 74 (điểm đầu giao tại Trụ sở công ty 732, điểm cuối đến đập thủy lợi Đắk Kan)	2.000	2.000	0	0	0	0	0	0	0	UBND xã Đục Nông	2.000	2.000	0	0	0	0	0	0	0	0	
461	Sân vận động trung tâm xã Sa Loong	360	360	0	0	0	0	0	0	0		360	360	0	0	0	0	0	0	0	0	
	UBND xã Đắk Ang (cũ)	2.438	2.438	0	732	732	0	0	0	0		13.656	13.656	0	2.197	2.197	0	34	34	0	0	
462	Dự án: Đường giao thông trục thôn Loong Dôn, xã Đắk Ang	1.000	1.000	0	0	0	0	0	0	0		1.000	1.000	0	0	0	0	0	0	0	0	
463	Dự án: Đường giao thông vào khu sản xuất Đắk Lo, thôn Loong Dôn	706	706	0	0	0	0	0	0	0		706	706	0	0	0	0	0	0	0	0	
464	Dự án: Đường đi khu sản xuất thôn Đắk Sút, xã Đắk Ang	732	732	0	732	732	0	0	0	0		732	732	0	732	732	0	0	0	0	0	
	UBND xã Đắk Dục (cũ)	4.956	4.956	0	732	732	0	24	24	0												
465	Dự án: Nâng cấp, sửa chữa một số hạng mục khu du lịch cộng đồng thôn Đắk Răng, xã Đắk Dục	427	427	0	0	0	0	0		0		427	427	0	0	0	0	0			0	
466	Dự án: Nâng cấp, sửa chữa một số hạng mục khu du lịch cộng đồng thôn Đắk Răng, xã Đắk Dục	1.286	1.286	0	0	0	0	24	24	0		1.286	1.286	0	0	0	0	24	24	0	0	
467	Dự án: Nâng cấp, sửa chữa đường giao thông nông thôn thôn Dục Nhảy	251	251	0	0	0	0	0	0	0	251	251	0	0	0	0	0	0	0	0		
468	Dự án: Bê tông sân thể thao thôn Nông Chả	40	40	0	0	0	0	0	0	0	40	40	0	0	0	0	0	0	0	0		
469	Dự án: Bê tông đường liên thôn Dục Nhảy 1 - Ngọc Hiệp	438	438	0	0	0	0	0	0	0	438	438	0	0	0	0	0	0	0	0		

TT	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao										Chủ đầu tư/ Đầu mối giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh										Ghi chú
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025				Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025						
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
			NSTW	NS tỉnh		NSTW	NS tỉnh							NSTW	NST		NSTW	NST		NSTW	NST	
470	Dự án: Sửa chữa nâng cấp thủy lợi Đăk Rơ Ling 2, xã Đăk Dục	586	586	0	0	0	0	0	0	0		586	586	0	0	0	0	0	0	0		
471	Dự án: Nâng cấp, sửa chữa các nhà rồng trên địa bàn xã Đăk Dục	597	597	0	0	0	0	0	0	0		597	597	0	0	0	0	0	0	0		
472	Dự án: Nâng cấp, sửa chữa nước sinh hoạt thôn Nông Kon, xã Đăk Dục	600	600	0	0	0	0	0	0	0		600	600	0	0	0	0	0	0	0		
473	Dự án: Đường đi khu sản xuất thôn Nông Chà (Nông nhầy cũ), xã Đăk Dục	732	732	0	732	732	0	0	0	0		732	732	0	732	732	0	0	0	0		
	UBND xã Đăk Nông (cũ)	6.261	6.261	0	732	732	0	10	10	0												
474	Dự án: Đường vào khu sản xuất thôn Tà Pook, xã Đăk Nông	217	217	0	0	0	0	0	0	0		217	217	0	0	0	0	0	0	0		
475	Dự án: Nâng cấp, sửa chữa đường giao thông nông thôn thôn Lộc Nông	210	210	0	0	0	0	0	0	0		210	210	0	0	0	0	0	0	0		
476	Dự án: Đường vào khu sản xuất thôn Tà Pook, xã Đăk Nông	755	755	0	0	0	0	0	0	0		755	755	0	0	0	0	0	0	0		
477	Dự án: Nâng cấp, sửa chữa đường giao thông nông thôn và một số hạng mục thôn Lộc Nông	350	350	0	0	0	0	0	0	0		350	350	0	0	0	0	0	0	0		
478	Dự án: Bê tông hoá đường giao thông thôn Dục Nội	409	409	0	0	0	0	0	0	0		409	409	0	0	0	0	0	0	0		
479	Dự án: Sân Bóng chuyền thôn Dục Nội và Đăk Giăng	54	54	0	0	0	0	0	0	0		54	54	0	0	0	0	0	0	0		
480	Dự án: Nâng cấp, sửa chữa đường ra khu sản xuất thôn Nông Nội, xã Đăk Nông	1.014	1.014	0	0	0	0	10	10	0		1.014	1.014	0	0	0	0	10	10	0		
481	Dự án: Cấp nước sinh hoạt tập trung xã Đăk Nông	1.750	1.750	0	0	0	0	0	0	0		1.750	1.750	0	0	0	0	0	0	0		

TT	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao										Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh										Ghi chú
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025			Chủ đầu tư/ Đầu mối giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025			
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Tổng số	NSTW	NST	Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
			NSTW	NS tỉnh		NSTW	NS tỉnh									NSTW	NST		NSTW	NST	
482	Dự án: Sửa chữa, nâng cấp thủy lợi Đăk Bông, xã Đăk Nông	770	770	0	0	0	0	0	0	0	UBND xã Xốp	770	770	0	0	0	0	0	0	0	
483	Dự án: Đường đi khu sản xuất thôn Dục Nội - Đăk Giăng, xã Đăk Nông (Hạng mục: Cổng thoát nước và một số hạng mục khác)	732	732	0	732	732	0	0	0	0		732	732	0	732	732	0	0	0	0	
	UBND xã Đăk Choong (cũ)	1.706	1.706	0	0	0	0	0	0	0		3.412	3.412	0	0	0	0	0	0	0	
484	Đường đi sản xuất Ka Lek thôn Đăk Glây	1.046	1.046		0			0				1.046	1.046		0			0			
485	Sân thể thao thôn Đăk Bla	30	30		0			0				30	30		0			0			
486	Đường đi sân Đo Y Ram	600	600		0			0				600	600		0			0			
487	Sân thể thao thôn Kon Riêng	30	30		0			0				30	30		0			0			
	UBND xã Xốp (cũ)	1.706	1.706	0	0	0	0	0	0	0											
488	Đường đi KSX Công Hang thôn Đăk Xi Na xã Xốp	900	900		0			0				900	900		0			0			
489	Đường đi KSX Công Xi Mễ thôn Kon Liêm xã Xốp	806	806		0			0				806	806		0			0			
	UBND xã Mường Hoong (cũ)	1.706	1.706	0	0	0	0	0	0	0	UBND xã Ngọc Linh	3.412	3.412	0	0	0	0	0	0	0	
490	Đường GTNT từ nhà A Tiếc đến nhà A Tim thôn Đăk Bê	200	200		0			0				200	200		0			0			
491	Đường từ nhà A Cam đi đến đường liên thôn	160	160		0			0				160	160		0			0			
492	Đường đi khu sản xuất Vân Long thôn Ngọc Nang (giai đoạn I)	1.346	1.346		0			0				1.346	1.346		0			0			
	UBND xã Ngọc Linh (cũ)	1.706	1.706	0	0	0	0	0	0	0											
493	Thủy lợi Ngọc Pông	506	506		0			0				506	506		0			0			
494	Thủy lợi Crao Man	600	600		0			0			600	600		0			0				
495	Đường giao thông liên thôn Ngọc Súc	600	600		0			0			600	600		0			0				
	UBND xã Đăk Nhoong (cũ)	1.706	1.706	0	0	0	0	0	0	0	UBND xã Đăk Plô	5.118	5.118	0	0	0	0	0	0	0	

TT	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao										Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh										Ghi chú
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025			Chủ đầu tư/ Đầu mỗi giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025			
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
			NSTW	NS tỉnh		NSTW	NS tỉnh						NSTW	NST		NSTW	NST		NSTW	NST	
496	Xây mới rãnh thoát nước đường nội thôn Đăk Ung xã Đăk Nhoong	500	500		0			0			UBND xã Đăk Pék	500	500		0			0			
497	Làm mới nhà rông thôn Đăk Ung xã Đăk Nhoong	100	100		0			0				100	100		0			0			
498	Sửa chữa đường nội thôn Đăk Ga	606	606		0			0				606	606		0			0			
499	Đường đi KSX Đăk Lô - Đăk Nhoong (Chuyển Nguồn quy hoạch Đăk Nhoong năm 2022 sang, tại QĐ 507/QĐ -UBND huyện ngày 26/9/2024)	500	500		0			0				500	500		0			0			
	UBND xã Đăk Plô (cũ)	1.706	1.706	0	0	0	0	0	0	0											
500	Đường đi khu sản xuất Đăk Zôm nói dài thôn Pêng Lang	406	406		0			0				406	406		0			0			
501	Công trình Đường từ cầu treo Đăk Plô 1 nối dài	700	700		0			0				700	700		0			0			
502	Sửa chữa 06 phòng học tại cụm Đăk Book	600	600		0			0				600	600		0			0			
	UBND xã Đăk Man (cũ)	1.706	1.706	0	0	0	0	0	0	0											
503	Đường đi KSX thôn Đông Lóc từ nhà Y Hoàng đến KSX Đăk Lúc (kéo dài)	1.706	1.706		0			0				1.706	1.706		0			0			
	UBND xã Đăk Pék (cũ)	3.812	3.812	0	773	773	0	0	0	0	3.812	3.812	0	773	773	0	0	0	0	0	
504	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Dên Prông	100	100		0						100	100		0							
505	Sửa chữa nhà Rông thôn Đăk Đoát	20	20		0						20	20		0							
506	Sửa chữa nhà Rông thôn Măng Rao	20	20		0						20	20		0							
507	Sân thể thao thôn Dên Prông	30	30		0						30	30		0							
508	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Pêng Sal Pêng	100	100		0						100	100		0							
509	Đường đi KSX thôn Dên Brông	157	157		0						157	157		0							

TT	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao										Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh										Ghi chú
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025			Chủ đầu tư/ Đầu mối giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025			
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó	NST	Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
			NSTW	NS tỉnh		NSTW	NS tỉnh									NSTW	NST		NSTW	NST	
510	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Đắk Rang	100	100		0						UBND xã Đắk Môn	100	100		0						
511	Sửa chữa đường nội thôn Đắk Ven (mương thoát nước)	351	351		0							351	351		0						
512	Sân thể thao thôn Đắk Ven (Sân bóng chuyền)	30	30		0							30	30		0						
513	Làm mới đường nội thôn Măng Rao	469	469		0							469	469		0						
514	Làm mới đường lên thôn 14A-Dền Prông (GĐ1)	1.327	1.327		179	179						1.327	1.327		179	179					
515	Làm mới đường nội thôn Đông Thượng	700	700		186	186						700	700		186	186					
516	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Đông Thượng	100	100		100	100						100	100		100	100					
517	Làm mới rãnh thoát nước 2 bên tuyến đường GTNT thôn Đắk Rang (Công trình mới, không nằm trong KH GD 2-21-2025)	308	308		308	308						308	308		308	308					
	UBND xã Đắk Môn (cũ)	3.586	3.586	0	546	546	0	0	0	0		7.239	7.239	0	1.160	1.160	0	0	0	0	
518	Đường GT đi KSX nối dài đến đập thủy lợi Đắk Tra (Nhánh 1)	427	427		0			0				427	427		0			0			
519	Cầu treo dân sinh thôn Đắk Nai	3.000	3.000	0	387	387		0				3.000	3.000	0	387	387		0			
520	Đường GT đi KSX nhánh 3 thôn Rì Met, xã Đắk Môn (L= 900m)	159	159		159	159		0				159	159		159	159		0			
	UBND xã Đắk Kroong (cũ)	3.653	3.653	0	614	614	0	0	0	0											
521	Nâng cấp sửa chữa thủy lợi Đắk Lát thôn Núi Vai, xã Đắk Kroong	427	427		0			0			427	427		0			0				
522	Đường GTNT từ cầu treo đi KSX Đắk Reng thôn Núi Vai xã Đắk Kroong	451	451		0			0			451	451		0			0				

TT	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao										Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh										Ghi chú
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025			Chủ đầu tư/ Đầu mối giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025			
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
			NSTW	NS tỉnh		NSTW	NS tỉnh						NSTW	NST		NSTW	NST				
523	Xây dựng mới 02 phòng học trường tiểu học xã Đắk Kroong, điểm trường thôn Đắk Túc	450	450		0			0			UBND xã Đắk Long	450	450		0			0			
524	8064861 - Sửa chữa 02 phòng học trường mầm non Đắk Gò	450	450		0			0				450	450		0			0			
525	8064859 - Xây mới Cổng Đắk Sing, Đắk Priu thôn Đắk Túc	399	399		0			0				399	399		0			0			
526	Đường đi KSX từ Đắk Đạ sang Đắk Gò	459	459		160	160		0				459	459		160	160		0			
527	Đường GTNT nhánh 1 nối dài từ đường bê tông đi KSX thôn Đắk Sút	950	950		387	387		0				950	950		387	387		0			
528	Sửa chữa cầu treo thôn Đắk Wát (ND mới, không nằm trong KH GD 2-21-2025)	67	67		67	67		0				67	67		67	67		0			
	UBND xã Đắk Long (cũ)	1.706	1.706	0	0	0	0	0	0	0	UBND xã Đắk Long	1.706	1.706	0	0	0	0	0	0	0	0
529	Đường nội thôn đi sân bóng đá thôn Đắk Ak	208	208		0			0				208	208		0			0			
530	Đường đi nội thôn nhóm 2 thôn Đắk Xây	200	200		0			0				200	200		0			0			
531	Đường đi nội thôn từ nhóm 1 đến nhóm 3 thôn Đắk Tu xã Đắk Long	1.298	1.298		0			0				1.298	1.298		0			0			
	UBND xã Sa Sơn (cũ)	12.298	12.298	0	645	645	0	211	211	0	UBND xã Sa Thầy	15.981	15.981	0	1.312	1.312	0	211	211	0	
532	Đường đi khu sản xuất làng Rắc (Đoạn từ rẫy ông A Như đến rẫy ông A Sư)	1.270	1.270		0			2	2			1.270	1.270		0			2	2		

TT	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao									Chủ đầu tư/ Đầu mối giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh									Ghi chú	
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025				
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Ngân sách TW		Ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
			NSTW	NS tỉnh		NSTW	NS tỉnh						NSTW	NST		NSTW	NST				
533	Đường đi khu sản xuất làng Tráp (Đoạn từ rẫy ông Nguyễn Văn Bằng đến rẫy ông A Nhang)	1.706	1.706		0			14	14		1.706	1.706		0			14	14			
534	Đường đi khu sản xuất làng Gráp (Đoạn từ đầu cầu treo làng Gráp đi điểm cuối khu sản xuất)	1.364	1.364		0			7	7		1.364	1.364		0			7	7			
535	Đường đi khu sản xuất thôn Đăk Tang (Đoạn từ rẫy bà Lê Thị Huy đến rẫy ông Nguyễn Văn Thế)	1.623	1.623		0			14	14		1.623	1.623		0			14	14			
536	Đường sản xuất thôn Nghĩa Dũng (Đoạn từ nhà ông Mừng đến rẫy ông Giảng)	932	932		0			15	15		932	932		0			15	15			
537	Trường mầm non Hoa Sen, xã Sa Nghĩa. Hạng mục: Nhà hiệu bộ và hạng mục phụ trợ	1.719	1.719		0			40	40		1.719	1.719		0			40	40			
538	Đường đi khu sản xuất thôn Bar Gốc (Đoạn từ rẫy ông A Minh Đức đến rẫy ông A Thái)	213	213		0			0	0		213	213		0			0	0			
539	Đường đi khu sản xuất Thôn 02 (Đoạn từ dốc ông Vinh thôn 2, xã Sa Sơn)	214	214		0			0	0		214	214		0			0	0			
540	Đường đi khu sản xuất thôn Sơn An (Đoạn từ nhà ông Phạm Văn Quân đến rẫy ông Huỳnh Đức)	782	782		0			49	49		782	782		0			49	49			
541	Sửa chữa hội trường sinh hoạt văn hóa Thôn 2	60	60		0			0			60	60		0			0				
542	Sửa chữa hội trường sinh hoạt văn hóa Thôn Sơn An	65	65		0			0			65	65		0			0				

TT	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao										Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh										Ghi chú
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025			Chủ đầu tư/ Đầu mỗi giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025			
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
			NSTW	NS tỉnh		NSTW	NS tỉnh						NSTW	NST		NSTW	NST				
543	Đường đi khu sản xuất thôn 1 (Đoạn từ rẫy bà Đào đến rẫy ông Thái Văn Lực)	278	278		0			0	0			278	278		0			0	0		
544	Đường đi khu sản xuất Thôn Bar gốc (Đoạn từ rẫy ông A Đìuh đến rẫy ông Trần Văn Dương)	279	279		0			0	0			279	279		0			0	0		
545	Đường đi khu sản xuất thôn 2 (Đoạn đường từ rẫy ông Nguyễn Văn Dũng đến rẫy bà Trần Thị Hoa)	388	388		0			24	24			388	388		0			24	24		
546	Đường đi khu sản xuất thôn 2 (Đoạn nối tiếp từ đường đi khu sản xuất 123 đến rẫy ông Thành)	760	760		0			47	47			760	760		0			47	47		
547	Đường đi khu sản xuất thôn 2 (Đoạn đường đi khu sản xuất dốc B20 khu vực rẫy ông Đỗ Thái Học)	645	645		645	645		0				645	645		645	645		0			
	UBND xã Sa Nhon (cũ)	3.683	3.683	0	667	667	0	1	1	0											
548	Đường ngõ, xóm (đọc sân bóng) thôn Nhon An	43	43		0			0	0			43	43		0			0	0		
549	Đường ngõ, xóm thôn Nhon An (Đoạn từ nhà ông Phan Thanh Sơn đến nhà bà Lê Thị Kim Hoa)	30	30		0			0	0			30	30		0			0	0		
550	Đường ngõ, xóm thôn Nhon An (Đoạn từ nhà bà Phan Thị Cảnh đến giáp đường lô 2)	30	30		0			0	0			30	30		0			0	0		
551	Đường đi khu sản xuất thôn Nhon Bình (Đoạn từ nhà máy Chế biến tinh bột sắn đến nghĩa trang thôn Nhon Bình)	324	324		0			0	0			324	324		0			0	0		

TT	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao										Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh										Ghi chú	
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025			Chủ đầu tư/ Đầu mối giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025				
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Tổng số	Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
			NSTW	NS tỉnh		NSTW	NS tỉnh							NSTW	NST		NSTW	NST		NSTW		NST
552	Đường nội thôn Nhơn Bình (Đoạn từ nhà Mai Văn Tình đến nhà ông Nguyễn Chánh)	189	189		0			0	0			189	189		0			0	0			
553	Đường nội thôn Nhơn Khánh (Đoạn từ trường Mầm non đến nhà ông Hinh)	127	127		0			0	0			127	127		0			0	0			
554	Sửa chữa nhà rông thôn Nhơn Bình	135	135		0			0	0			135	135		0			0	0			
555	Đường sản xuất thôn Đức Lý (đoạn từ Hội trường thôn đến giáp Vườn quốc gia Chư Mom Ray)	268	268		0			0	0			268	268		0			0	0			
556	Đường sản xuất khu vực cầu treo thôn Nhơn Khánh (đoạn nối tiếp)	745	745		0			0	0			745	745		0			0	0			
557	Đường sản xuất thôn Nhơn An (Đoạn từ điểm trường mầm non đến nghĩa trang thôn Nhơn An)	337	337		0			0				337	337		0			0				
558	Đường sản xuất thôn Nhơn Khánh (Đoạn từ nhà ông Đoàn Hùng Mạnh đến rẫy ông Trần Như Ouan)	357	357		0			0				357	357		0			0				
559	Đường sản xuất thôn Đức Lý (Đoạn từ ngã ba đường trục thôn đi hướng đập nước)	431	431		0			0	0			431	431		0			0	0			
560	Đường nội thôn Nhơn Bình (Đoạn từ nhà ông Mai Văn Minh đến tỉnh lộ 675)	167	167		167	167		0				167	167		167	167		0				
561	Đường nội thôn Nhơn Bình (Đoạn từ đường liên thôn đến nhà ông Đồng Văn Long)	271	271		271	271		0				271	271		271	271		0				

TT	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao										Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh										Ghi chú	
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025			Chủ đầu tư/ Đầu mối giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025				
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Tổng số	Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
			NSTW	NS tỉnh		NSTW	NS tỉnh							NSTW	NST		NSTW	NST		NSTW		NST
562	Đường đi khu sản xuất thôn Nhon Nghĩa (khu vực đồi kềm gai)	229	229		229	229		0			UBND xã Sa Bình	229	229		229	229		0				
	UBND xã Sa Bình (cũ)	3.684	3.684	0	645	645	0	75	75	0		6.423	6.423	0	1.266	1.266	0	76	76	0		
563	Đường đi khu sản xuất thôn Bình Trung (Đoạn từ rẫy ông Đông đến rẫy ông Hùng; Đoạn từ rẫy Ông Lộc đến rẫy ông Thành)	413	413		0			0	0			413	413		0			0	0			
564	Đường đi khu Sản xuất thôn Bình Trung (Đoạn từ rẫy bà Liên đi khu sản xuất Hồ heo)	600	600		0			0				600	600		0			0				
565	Đường đi sản xuất thôn Bình Tây (Đoạn rẫy nhà ông Sơn đi rãnh nhà ông Tấn)	495	495		0			32	32			495	495		0			32	32			
566	Đường đi khu sản xuất thôn Bình Trung (Đoạn từ rẫy nhà ông Loan đi rẫy nhà ông Tâm, Rẫy nhà ông Mến nhà ông Tiến)	653	653		0			43	43			653	653		0			43	43			
567	Đường đi khu sản xuất thôn Bình Đông (Đoạn từ rẫy ông Lập đến rẫy ông Sinh)	309	309		309	309		0				309	309		309	309		0				
568	Đường sản xuất thôn Bình Trung (đoạn nhà ông Thông đi rẫy nhà bà Hạnh)	336	336		336	336		0				336	336		336	336		0				

TT	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao										Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh										Ghi chú
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025			Chủ đầu tư/ Đầu mối giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025			
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Ngân sách TVV	Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
			NSTW	NS tỉnh		NSTW	NS tỉnh						NSTW	NST		NSTW	NST		NSTW	NST	
569	Đường nội thôn Lung Leng (đoạn nhà ông A Gum đi nghĩa trang; đoạn nhà ông A Nhé đi nhà ông A Lan, đoạn nhà A Weo đi nhà A KLu)	442	442		0			0	0			442	442		0			0	0		
570	Đường nội thôn Kà Bẫy (Đoạn vào khu nghĩa địa; đoạn từ sân bóng đi rẫy nhà ông Duyên; Đoạn nhà ông Trung nhà bà Hà)	436	436		0			0	0			436	436		0			0	0		
	UBND xã Hơ Moong (cũ)	1.706	1.706	0	0	0	0	0	0	0											
571	Đường nội thôn Kơ Tol (Đoạn từ nhà ông A Sân đến nhà ông A Sup; Đoạn từ nhà ông A Thek đến nhà bà Y Thoa; Đoạn từ nhà bà Y Nhaoh đến nhà ông A Kuruh)	440	440		0			0	0			440	440		0			0	0		
572	Đường nội thôn Kơ Tu (Đoạn từ nhà ông A Gai đến nhà thờ; Đoạn từ nhà ông A Mloi đến nhà ông A Lam)	566	566		0			0	0			566	566		0			0	0		
573	Đường nội thôn Đăk Yo (Đoạn từ nhà ông A Thek đến nhà ông A Oan; Đoạn từ nhà ông A Sin đến nhà ông A Tổ)	300	300		0			0	0			300	300		0			0	0		
574	Đường nội thôn K'Bay (Đoạn từ nhà ông A Nghip đến nhà ông A Huynh; Đoạn từ nhà ông A Bim đến nhà ông A Huruh)	400	400		0			0	0			400	400		0			0	0		
	UBND xã Sa Nghĩa (cũ)	1.033	1.033	0	621	621	0	0	0	0											

TT	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao										Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh										Ghi chú
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025			Chú đầu tư/ Đầu mối giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025			
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
			NSTW	NS tỉnh		NSTW	NS tỉnh						NSTW	NST		NSTW	NST		NSTW	NST	
575	Đường đi khu sản xuất thôn Nghĩa Dũng (Đoạn từ TL 675 đến rẫy bà Lê Thị Hiền)	412	412		0			0	0		UBND xã Ya Ly	412	412		0			0	0		
576	Đường đi khu sản xuất thôn Nghĩa Dũng (Đoạn từ nhà bà Nguyễn Thị Phương đến cánh đồng thôn Nghĩa Dũng)	150	150		150	150		0				150	150		150	150		0			
577	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng Dốc thờ thôn Hòa Bình	86	86		86	86		0				86	86		86	86		0			
578	Đường sản xuất thôn Nghĩa Dũng (Đoạn từ Tỉnh lộ 675 đến nhà ông Phạm Viết Khang)	107	107		107	107		0				107	107		107	107		0			
579	Đường ngõ xóm thôn Hòa Bình (Đoạn từ nhà ông Chung đến nhà ông Được)	86	86		86	86		0				86	86		86	86		0			
580	Đường sản xuất thôn Nghĩa Dũng (Đoạn từ rẫy bà Thùy đến rẫy Ông Nguyễn Văn Tuấn)	192	192		192	192		0				192	192		192	192		0			
	UBND xã Ya Xiêr (cũ)	436	436	0	0	0	0	4	4	0		2.142	2.142	0	0	0	0	7	7	0	
581	Đường nội thôn làng Rắc (Đoạn từ Nhà A Che đến nhà A Hải)	178	178		0			2	2			178	178		0			2	2		
582	Đường nội thôn làng O (Đoạn từ nhà Y Oan đến làng O)	201	201		0			1	1			201	201		0			1	1		
583	Đường nội thôn làng Rắc (Đoạn từ nhà A Dung đến nhà A Lười)	57	57		0			1	1		57	57		0			1	1			
	UBND xã Ya Ly (cũ)	1.706	1.706	0	0	0	0	3	3	0											

TT	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao										Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh										Ghi chú
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025			Chủ đầu tư/ Đầu mối giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025			
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó	NST	Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
			NSTW	NS tỉnh		NSTW	NS tỉnh									NSTW	NST		NSTW	NST	
584	Đường nội thôn Làng Chừ (Đoạn từ nhà ông A Rôi đến nghĩa địa Làng Chừ)	500	500		0			0	0		UBND xã Mô Rai	500	500		0			0	0		
585	Đường nội thôn Làng chừ (Đoạn từ nhà bà Y Kang đến bến nước)	150	150		0			0	0			150	150		0			0	0		
586	Đường nội thôn Làng chừ (Đoạn từ nhà ông Hà Văn Hoàng đến nhà ông A U'n)	140	140		0			1	1			140	140		0			1	1		
587	Đường nội thôn Làng chừ (Đoạn từ nhà bà Y Hđrúp đến nhà ông A Ghíu)	135	135		0			1	1			135	135		0			1	1		
588	Đường nội thôn Làng Chờ (Đoạn từ nhà A Béo đến nhà A Phuch)	252	252		0			0	0			252	252		0			0	0		
589	Đường nội thôn Làng Chừ (Đoạn từ nhà A Mđích đến nhà A Bi)	300	300		0			0	0			300	300		0			0	0		
590	Đường nội thôn Làng Chờ (Đoạn từ nhà A Vêu đến nhà Y Túp)	60	60		0			0	0			60	60		0			0	0		
591	Đường nội thôn Làng Tum (Đoạn từ nhà A Hun đến trục đường chính nội thôn Làng Tum)	65	65		0			0	0			65	65		0			0	0		
592	Sửa chữa nhà rông	104	104		0			0				104	104		0			0			
	UBND xã Mô Rai (cũ)	342	342	0	0	0	0	0	0	0		342	342	0	0	0	0	0	0	0	0
593	Bê tông kênh mương nội đồng Làng GRập	200	200		0			0	0		UBND xã Rờ Koi	200	200		0			0	0		
594	Sửa chữa nhà văn hóa Làng Kđín	142	142		0			0				142	142		0			0			
	UBND xã Rờ Koi (cũ)	83	83	0	0	0	0	0	0	0		83	83	0	0	0	0	0	0	0	
595	Sửa chữa nhà văn hóa Thôn Gia Xiêng	83	83		0			0			UBND xã Ia Toi	83	83		0			0			
	UBND xã Ia Toi (cũ)	1.706	1.706	0	0	0	0	0	0	0		5.389	5.389	0	644	644	0	0	0	0	

TT	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao										Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh										Ghi chú
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025			Chủ đầu tư/ Đầu mỗi giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025			
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
			NSTW	NS tỉnh		NSTW	NS tỉnh						NSTW	NST		NSTW	NST		NSTW	NST	
596	Đường giao thông thôn đi nghĩa trang nhân dân thôn 9, xã Ia Tới	1.706	1.706		0			0			UBND xã Ia Đal	1.706	1.706		0			0			
	UBND xã Ia Dom (cũ)	3.683	3.683	0	644	644	0	0	0	0								0			
597	Đường vào khu sản xuất N1, thôn 1, xã Ia Dom	427	427		0			0				427	427		0			0			
598	Đường GTNT số 1 thôn 2, xã Ia Dom	80	80		0			0				80	80		0			0			
599	Đường vào khu sản xuất N2, thôn 1, xã Ia Dom	371	371		0			0				371	371		0			0			
600	Đường vào khu sản xuất N3, thôn 1, xã Ia Dom	876	876		0			0				876	876		0			0			
601	Đường vào khu sản xuất số 2, thôn Ia Muung, xã Ia Dom	514	514		427	427		0				514	514		427	427		0			
602	Đường vào khu sản xuất số 3, thôn Ia Muung, xã Ia Dom	1.107	1.107		217	217		0				1.107	1.107		217	217		0			
603	Cấp nước sinh hoạt tập trung tại điểm dân cư số 4, thôn 3 xã Ia Dom	308	308		0			0				308	308		0			0			
	UBND xã Ia Đal (cũ)	1.706	1.706	0	0	0	0	0	0	0		1.706	1.706	0	0	0	0	0	0	0	0
604	Đường GTNT vào nghĩa trang nhân dân thôn 3	1.706	1.706		0			0			UBND xã Đăk Kôi	1.706	1.706		0			0			
	UBND xã Đăk Kôi (cũ)	4.685	4.685	0	0	0	0	36	36	0		10.567	10.567	0	644	644	0	54	54	0	
605	Đường đi khu sản xuất thôn 3 (Đăk Móa), xã Đăk Kôi	1.950	1.950		0			0				1.950	1.950		0			0			
606	Sửa chữa Đường giao thông nông thôn Trắng Nó - Kon Blo	450	450		0			12	12			450	450		0			12	12		
607	Sửa chữa Đường giao thông nông thôn Ngọc Răng - Nhân Liều	600	600		0			18	18			600	600		0			18	18		

TT	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao										Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh										Ghi chú	
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025			Chủ đầu tư/ Đầu mối giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025				
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó	NSTW	NST	Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
			NSTW	NS tỉnh		NSTW	NS tỉnh										NSTW	NST		NSTW		NST
608	Đầu tư điện công lộ (năng lượng mặt trời) tại thôn 3, xã Đắk Kôi	76	76		0			5	5			76	76		0			5	5			
609	Sân bê tông nhà rồng thôn 5 xã Đắk Kôi	80	80		0			0	0			80	80		0			0	0			
610	Sân bê tông nhà rồng thôn 6 xã Đắk Kôi	80	80		0			0	0			80	80		0			0	0			
611	Nhà rồng thôn 3 xã Đắk Kôi	80	80		0			0	0			80	80		0			0	0			
612	Hệ thống loa phát thanh xã Đắk Kôi	340	340		0			1	1			340	340		0			1	1			
613	Đầu tư điện công lộ (năng lượng mặt trời) tại thôn 4, xã Đắk Kôi	280	280		0			0				280	280		0			0				
614	Đầu tư điện công lộ (năng lượng mặt trời) tại thôn 10, xã Đắk Kôi	280	280		0			0				280	280		0			0				
615	Cấp nước sinh hoạt trường THCS xã Đắk Kôi	469	469		0			0				469	469		0			0				
	UBND xã Đắk Tơ Lung (cũ)	5.882	5.882	0	644	644	0	19	19	0												
616	Dự án đường đi khu sản xuất tập trung thôn Kon Rá, xã Đắk Tơ Lung	370	370		0			2	2			370	370		0			2	2			
617	Sửa chữa hệ thống điện nội thôn	57	57		0			1	1			57	57		0			1	1			
618	Dự án đường đi khu sản xuất tập trung thôn Kon Lung xã Đắk Tơ Lung	400	400		0			1	1			400	400		0			1	1			
619	Sửa chữa hệ thống điện nội thôn	51	51		0			1	1			51	51		0			1	1			
620	Đầu tư điện công lộ (năng lượng mặt trời) tại thôn 7, xã Đắk Tơ Lung	280	280		0			0				280	280		0			0				

TT	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao									Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh											Ghi chú
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025			Chu đầu tư/ Đầu mối giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025			
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó	NST	Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
			NSTW	NS tỉnh		NSTW	NS tỉnh									NSTW	NST		NSTW	NST	
621	Đầu tư điện công lộ (năng lượng mặt trời) tại thôn 8, xã Đắk Tơ Lung	280	280		0			0				280	280		0			0			
622	Sửa chữa Thủy lợi Đắk Pía, xã Đắk Tơ Lung	300	300		0			0				300	300		0			0			
623	Sửa chữa Thủy lợi Đắk Sa, xã Đắk Tơ Lung	300	300		0			0				300	300		0			0			
624	Đường đi khu sản xuất Brai nổi dài Thôn Kon Rá	300	300		0			4	4			300	300		0			4	4		
625	Đường đi khu sản Xuất Nước Ná nổi dài Thôn Kon Lung	300	300		0			4	4			300	300		0			4	4		
626	Đường đi khu sản xuất lên đập thủy điện Thôn Kon Lung	302	302		0			5	5			302	302		0			5	5		
627	Cụm loa kết nối dài truyền thanh xã	200	200		0			0				200	200		0			0			
628	Sửa chữa NSH Kon Lồ, xã Đắk Tơ Lung	200	200		0			0				200	200		0			0			
629	Đường đi khu sản xuất nước Trú nổi dài thôn Kon Keng	300	300		0			0	0			300	300		0			0	0		
630	Sửa chữa nhà rộng thôn Kon Vi Vàng	74	74		0			0	0			74	74		0			0	0		
631	Đường đi khu sản xuất nước Krá 1 nổi dài thôn Kon Keng	300	300		0			0	0			300	300		0			0	0		
632	Đường đi khu sản xuất nước Krá 2 nổi dài thôn Kon Keng	300	300		0			0	0			300	300		0			0	0		
633	Sửa chữa nhà rộng thôn Kon Lồ	75	75		0			0	0			75	75		0			0	0		
634	Đường từ tỉnh lộ 677 đi khu sản xuất nước Truô thôn Kon Rá	100	100		0			0	0			100	100		0			0	0		

TT	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao										Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh										Ghi chú
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025			Chủ đầu tư/ Đầu mối giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025			
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
			NSTW	NS tỉnh		NSTW	NS tỉnh						NSTW	NST		NSTW	NST		NSTW	NST	
635	Sửa chữa Thủy lợi Đăk Lang, xã Đăk Tơ Lung	250	250		0			0	0		UBND xã Kon Braih	250	250		0			0	0		
636	Nước sinh Kon Long, xã Đăk Tơ Lung	250	250		0			0				250	250		0			0			
637	Nước sinh Kon Bi, xã Đăk Tơ Lung	250	250		0			0				250	250		0			0			
638	Sửa chữa nhà rông thôn Kon Lung	75	75		75	75		0				75	75		75	75		0			
639	Sửa chữa nhà rông thôn Kon Keng	75	75		75	75		0				75	75		75	75		0			
640	Sửa chữa hệ thống điện nội thôn 1,2,3,4,5,8	200	200		200	200		0				200	200		200	200		0			
641	Đường đi khu sản xuất Kon Vi Vàng, xã Đăk Tơ Lung	294	294		294	294		0				294	294		294	294		0			
	UBND xã Đăk Tờ Re (cũ)	47.274	47.274	0	13.528	13.528	0	42	42	0		55.129	55.129	0	14.816	14.816	0	133	133	0	
642	Đầu tư điện công lộ (năng lượng mặt trời) tại trục thôn Đak Jri, xã Đăk Tờ Re	127	127		0			6	6			127	127		0			6	6		
643	SC nhà rông + Sân bê tông nhà rông làng Kon Nu, thôn Đak Jri	150	150		0			0	0			150	150		0			0	0		
644	SC nhà rông + Sân bê tông nhà rông làng Kon Rơ Lang, thôn Đak Jri	150	150		0			0	0			150	150		0			0	0		
645	SC nhà rông + Sân bê tông nhà rông thôn Kon Rơ Pen	150	150		0			0				150	150		0			0			
646	Đường nội thôn Đak O Nglang (đoạn từ Bưu điện xã vào nhà ông A Blók)	301	301		0			6	6			301	301		0			6	6		
647	Đầu tư điện công lộ (năng lượng mặt trời) tại thôn Kon Rơ Pen, xã Đăk Tờ Re	280	280		0			0				280	280		0			0			

TT	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao									Chủ đầu tư/ Đầu mỗi giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh									Ghi chú	
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025		Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025				Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025		Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025					
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Ngân sách TW		Ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
			NSTW	NS tỉnh		NSTW	NS tỉnh						NSTW	NST		NSTW	NST				
648	Đầu tư điện công lộ (năng lượng mặt trời) tại thôn Dak Pơ Kông, xã Đắk Tô Re	280	280		0			0				280	280		0			0			
649	Đầu tư điện công lộ (năng lượng mặt trời) tại thôn KonXomLuh, xã Đắk Tô Re	280	280		0			0				280	280		0			0			
650	Xây 3 phòng học trường THCS xã Tân Lập	1.400	1.400		0			0				1.400	1.400		0			0			
651	Xây dựng vườn ươm cây giống theo hướng ứng dụng công nghệ cao - Trung tâm kỹ thuật nông nghiệp	3.000	3.000		0			0				3.000	3.000		0			0			
652	Đường đi KSX sau Huyện đội	902	902		0			3	3			902	902		0			3	3		
653	Đường đi khu sản xuất thôn 8 (đoạn nối tiếp) xã Đắk Tô Re	1.100	1.100		0			5	5			1.100	1.100		0			5	5		
654	Trường THCS Đắk Ruồng	6.650	6.650		0			0				6.650	6.650		0			0			
655	Trường THCS Đắk Tô Re	4.229	4.229		0			0				4.229	4.229		0			0			
656	Cụm loa kết nối đài truyền thanh xã	200	200		0			0				200	200		0			0			
657	Đường nội thôn Đắk Pơ Kông (đoạn từ nhà bà Chanh đến nhà bà Tiến)	250	250		0			0	0			250	250		0			0	0		
658	Đường nội thôn Tam Sơn (đoạn từ nhà ông Tập đến nhà văn hóa thôn)	650	650		0			0	0			650	650		0			0	0		
659	Đường nội thôn Đắk Ó Nglang (đoạn từ nhà bà Y Phôi đến dốc cao su)	740	740		691	691		1	1			740	740		691	691		1	1		
660	Đường đi khu sản xuất thôn 4, xã Tân Lập	3.800	3.800		1.602	1.602		0				3.800	3.800		1.602	1.602		0			

TT	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao									Chủ đầu tư/ Đầu mỗi giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh									Ghi chú	
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025		Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025				Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025		Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025					
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Ngân sách TW		Ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
			NSTW	NS tỉnh		NSTW	NS tỉnh						NSTW	NST		NSTW	NST				
661	Mở rộng, nâng cấp công trình nghĩa trang nhân dân Đăk Ruồng - Tân Lập	3.000	3.000		700	700		0			3.000	3.000		700	700		0				
662	Nâng cấp, cải tạo đường từ Quốc lộ 24 đi khu di tích lịch sử KonBraì và đi thôn 10 làng Kon SKôi	2.100	2.100		0			20	20		2.100	2.100		0			20	20			
663	Trường Mầm non Ánh Dương. Hạng mục: Phòng học, phòng hiệu bộ và các hạng mục khác: Sân, mái che, cổng tường rào, phá dỡ hạng mục cũ; sửa chữa nhà vệ sinh; hệ thống cấp thoát nước	4.996	4.996		2.896	2.896		0	0		4.996	4.996		2.896	2.896		0	0			
664	Cầu giàn thép thôn Đăk Ố Ngilăng, xã Đăk Tờ Re	2.100	2.100		0			0	0		2.100	2.100		0			0	0			
665	Trường Mầm non Hoa Hồng. Hạng mục: Phòng học và các hạng mục phụ trợ	2.800	2.800		0			0	0		2.800	2.800		0			0	0			
666	Đường đi khu sản xuất thôn 10 làng Kon Skôi, xã Đăk Ruồng	1.638	1.638		1.638	1.638		0			1.638	1.638		1.638	1.638		0				
667	Trường Tiểu học Ka Pa Kơ Long. Hạng mục: Phòng hội họp, phòng hiệu bộ, các phòng chức năng và các hạng mục phụ trợ khác	3.000	3.000		3.000	3.000		0			3.000	3.000		3.000	3.000		0				
668	Đường đầu cầu treo thôn Đăk Ố Ngilăng xã Đăk Tờ Re	705	705		705	705		0			705	705		705	705		0				
669	Đường đi khu sản xuất thôn Kon Săm Lũ xã Đăk Tờ Re	1.071	1.071		1.071	1.071		0			1.071	1.071		1.071	1.071		0				
670	Đường đi khu sản xuất thôn Đăk Puih xã Đăk Tờ Re	1.226	1.226		1.226	1.226		0			1.226	1.226		1.226	1.226		0				

TT	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao										Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh										Ghi chú	
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025			Chủ đầu tư/ Đầu mối giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025				
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó			
			NSTW	NS tỉnh		NSTW	NS tỉnh						NSTW	NST		NSTW	NST		NSTW	NST		
	UBND xã Tân Lập (cũ)	9.293	9.293	0	1.288	1.288	0	91	91	0												
671	Bê tông đường ngõ xóm thôn 5, xã Tân Lập	427	427		0			11	11				427	427		0			11	11		
672	Đầu tư điện công lộ (năng lượng mặt trời) tại thôn 4, xã Tân Lập	196	196		0			10	10				196	196		0			10	10		
673	Sửa chữa sân bóng đá xã	50	50		0			0	0				50	50		0			0	0		
674	Cụm loa thôn 4 kết nối truyền hình xã	165	165		0			1	1				165	165		0			1	1		
675	Đầu tư điện công lộ (năng lượng mặt trời) tại thôn 5, xã Tân Lập	60	60		0			5	5				60	60		0			5	5		
676	Sân bóng chuyền thôn 4, xã Tân Lập	100	100		0			0					100	100		0			0			
677	Cụm loa thôn 5 kết nối truyền hình xã	30	30		0			0	0				30	30		0			0	0		
678	Bê tông đường ngõ xóm thôn 5, xã Tân Lập (đoạn nối tiếp)	773	773		0			0					773	773		0			0			
679	Tường rào trường Tiểu học xã Tân Lập	450	450		0			25	25				450	450		0			25	25		
680	Tường rào trường THCS xã Tân Lập	550	550		0			27	27				550	550		0			27	27		
681	Nhà vệ sinh Nhà rông thôn 4	150	150		0			12	12				150	150		0			12	12		
682	Đường nội thôn 2	955	955		206	206		0					955	955		206	206		0			
683	Đường nội thôn 3, xã Tân Lập	400	400		400	400		0					400	400		400	400		0			
684	Đường đi khu sản xuất thôn 6 xã Tân Lập (Đoạn từ rẫy ông Đắc đi vào khu nghĩa trang nhân dân thôn 6)	38	38		38	38		0					38	38		38	38		0			
	UBND xã Đăk Ruông (cũ)	3.510	3.510	0	644	644	0	0	0	0												
685	Đường từ Nhà rông đến nhà bà Y Brang, Thôn 8	250	250		0			0	0			250	250		0			0	0			
686	Đường từ sân vận động xã đến xóm nhà ông U Bái	177	177		0			0	0			177	177		0			0	0			

TT	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao									Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh										Ghi chú	
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025		Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025			Chủ đầu tư/ Đầu mỗi giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025		Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025					
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Ngân sách TW		Ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
			NSTW	NS tỉnh		NSTW	NS tỉnh						NSTW	NST		NSTW	NST		NSTW		NST
687	Đường đi khu sản xuất Mỏ đá, thôn 12 (đoạn nối tiếp)	451	451		0		0			UBND xã Đắk Rve	451	451		0		0					
688	Đầu tư điện công lộ (năng lượng mặt trời) tại thôn 13, xã Đắk Ruồng	280	280		0		0				280	280		0		0					
689	Đầu tư điện công lộ (năng lượng mặt trời) tại thôn 12 xã Đắk Ruồng	280	280		0		0				280	280		0		0					
690	Đầu tư bổ sung điện công lộ tại thôn 8, 9,10,11 xã Đắk Ruồng	280	280		0		0				280	280		0		0					
691	Đường đi KSX đồi Nửa, thôn 11	900	900		0		0				900	900		0		0					
692	Đường từ tỉnh lộ 677 đi KSX thôn 13 (tuyến số 1, tuyến số 2, tuyến số 3)	739	739		491	491	0				739	739		491	491	0					
693	Đường nội thôn, thôn 14 xã Đắk Ruồng	154	154		154	154	0				154	154		154	154	0					
	UBND xã Đắk Pnc (cũ)	17.579	17.579	0	0	0	0	32	32		0	17.579	17.579	0	0	0	0	32	32	0	
694	Đầu tư điện công lộ (năng lượng mặt trời) tại thôn 2, xã Đắk Pnc	129	129		0		8	8			129	129		0		8	8				
695	Sửa chữa nhà rông thôn 2, xã Đắk Pnc	100	100		0		0	0			100	100		0		0	0				
696	Làm sân bóng chuyền trung tâm xã Đắk Pnc	100	100		0		0	0		100	100		0		0	0					
697	Cụm loa kết nối đài truyền thanh xã Đắk PNe	245	245		0		4	4		245	245		0		4	4					
698	Đường đi khu sản xuất Đắk T Veo Thôn 1 (đoạn nối tiếp)	650	650		0		1	1		650	650		0		1	1					
699	Đường đi khu sản xuất Đắk Kleng (đoạn từ đầu đường bê tông thôn 3 đi thôn 4 đến khu sản xuất Đắk Kleng)	681	681		0		1	1		681	681		0		1	1					

TT	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao									Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh										Ghi chú	
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025			Chủ đầu tư/ Đầu mỗi giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025			
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
			NSTW	NS tỉnh		NSTW	NS tỉnh						NSTW	NST		NSTW	NST		NSTW		NST
700	Sửa chữa Thủy lợi Đăk Nâm, xã Đăk Pnê	150	150		0			0			UBND xã Măng Đen	150	150		0			0			
701	Đầu tư điện công lộ (năng lượng mặt trời) tại thôn 3, xã Đăk Pnê	280	280		0			0				280	280		0			0			
702	Sửa chữa Thủy lợi Đăk Nga, xã Đăk Pnê	304	304		0			0				304	304		0			0			
703	Đường đi khu sản xuất Đăk Giao, xã Đăk Pnê	2.900	2.900		0			6	6			2.900	2.900		0			6	6		
704	Đường đi khu sản xuất Đăk Nâm, thôn 2, xã Đăk Pnê	2.700	2.700		0			12	12			2.700	2.700		0			12	12		
705	Nâng cấp, mở rộng đường DH 26 thị trấn Đăk Rve	9.140	9.140		0			0				9.140	9.140		0			0			
706	Cụm loa kết nối đài truyền thanh	200	200		0			0				200	200		0			0			
	UBND xã Măng Cánh (cũ)	3.495	3.495	0	1.933	1.933	0	0	0	0		7.159	7.159	0	1.933	1.933	0	0	0	0	
707	Kênh mương thủy lợi Măng PRông thôn Kon Năng	871	871		0			0				871	871		0			0			
708	Nước sinh hoạt thôn Kon Kum	691	691		0			0				691	691		0			0			
709	Nước sinh hoạt thôn Đăk Ne	780	780		780	780		0				780	780		780	780		0			
710	Đường đi khu sản xuất thôn Kon Tu Răng (nối tiếp)	464	464		464	464		0				464	464		464	464		0			
711	Đường Nội thôn Kon Kum	349	349		349	349		0				349	349		349	349		0			
712	Đường nội thôn Kon Chênh	340	340		340	340		0				340	340		340	340		0			
	UBND xã Đăk Tăng (cũ)	3.664	3.664	0	0	0	0	0	0	0											
713	Đường GTNT nội thôn Vĩ Xây	281	281		0			0				281	281		0			0			
714	Khu thể thao xã Đăk Tăng	59	59		0			0				59	59		0			0			
715	Thủy lợi Đăk Giác thôn Đăk Pờ Rô	2.700	2.700		0			0				2.700	2.700		0			0			
716	Kênh mương thủy lợi Đăk Kong thôn Đăk Pờ Rô	316	316		0			0				316	316		0			0			
717	Kênh mương thủy lợi nước Pơia	308	308		0			0				308	308		0			0			

TT	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao										Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh										Ghi chú
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025			Chủ đầu tư/ Đầu mối giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025			
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Tổng số	NSTW	NST	Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
			NSTW	NS tỉnh		NSTW	NS tỉnh									NSTW	NST		NSTW	NST	
	UBND xã Đắk Ring (cũ)	1.708	1.708	0	0	0	0	0	0	0	UBND xã Măng Bút	5.144	5.144	0	0	0	0	0	0	0	
718	Đường đi khu sản xuất thôn Đắk Da (nối tiếp)	877	877		0			0				877	877		0			0			
719	Đường đi khu sản xuất thôn Đắk Kla	570	570		0			0				570	570		0			0			
720	Nâng cấp nước sinh hoạt làng Nước Niêu	261	261		0			0				261	261		0			0			
	UBND xã Măng Bút (cũ)	1.759	1.759	0	0	0	0	0	0	0											
721	Thủy lợi Nước Chắt 2 Kô Chắt	1.089	1.089		0			0				1.089	1.089		0			0			
722	Nâng cấp nước sinh hoạt thôn Đắk y Pai	670	670		0			0				670	670		0			0			
	UBND xã Đắk Nền (cũ)	1.677	1.677	0	0	0	0	0	0	0											
723	Đường đi khu sản xuất thôn Đắk Lai	973	973		0			0				973	973		0			0			
724	Đường nội thôn Xô Thác	704	704		0			0				704	704		0			0			
	UBND xã Hiếu (cũ)	1.688	1.688	0	0	0	0	0	0	0	UBND xã Kon Plông	7.278	7.278	0	0	0	0	0	0	0	
725	Cầu tràn đường đi khu sản xuất nước Zét	1.139	1.139		0			0				1.139	1.139		0			0			
726	Đường nội thôn Nhánh 1,2 thôn Kon Plinh	549	549		0			0				549	549		0			0			
	UBND xã Pờ Ê (cũ)	3.880	3.880	0	0	0	0	0	0	0											
727	Đường đi khu sản xuất nước Nong	1.056	1.056		0			0				1.056	1.056		0			0			
728	Thủy lợi Nước Răng (hạng mục mương dẫn nước nối tiếp)	862	862		0			0				862	862		0			0			
729	Nâng cấp, sửa chữa đường trục chính thôn ViKLàng 2 (Đường nội thôn)	792	792		0			0				792	792		0			0			
730	Thủy lợi nước K Ruăng	862	862		0			0				862	862		0			0			
731	Đường đi khu sản xuất nước cung	308	308		0			0				308	308		0			0			
	UBND xã Ngọc Tem (cũ)	1.710	1.710	0	0	0	0	0	0	0											
732	Đường đi khu sản xuất Điek Lò (nhánh 1)	1.710	1.710		0			0			1.710	1.710		0			0				